

Tác giả: Hòa Thượng TINH VÂN
Soạn dịch: THUẬN HÙNG

THIỀN

&

Giải thoát



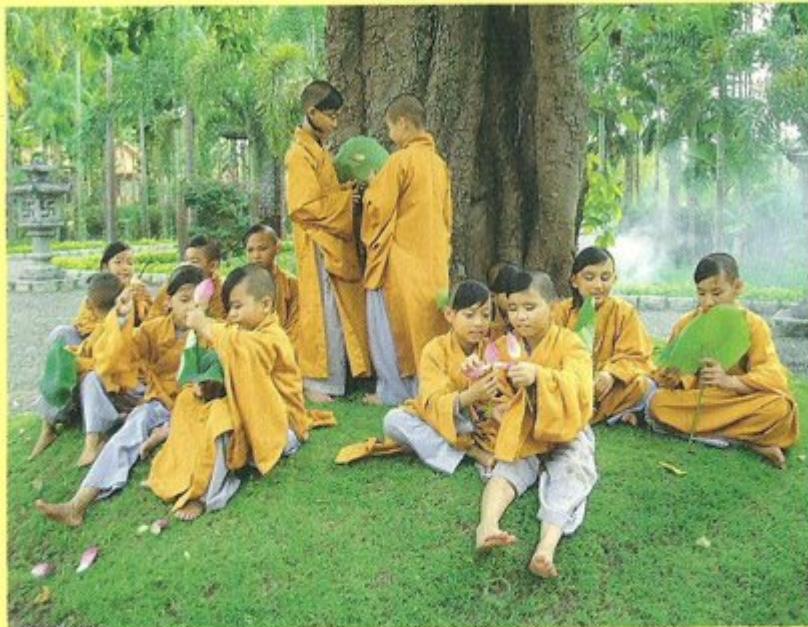
NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Tác giả: Hòa Thượng TINH VÂN
Soạn dịch: THUẬN HÙNG

THIỀN

&

Giải Độc

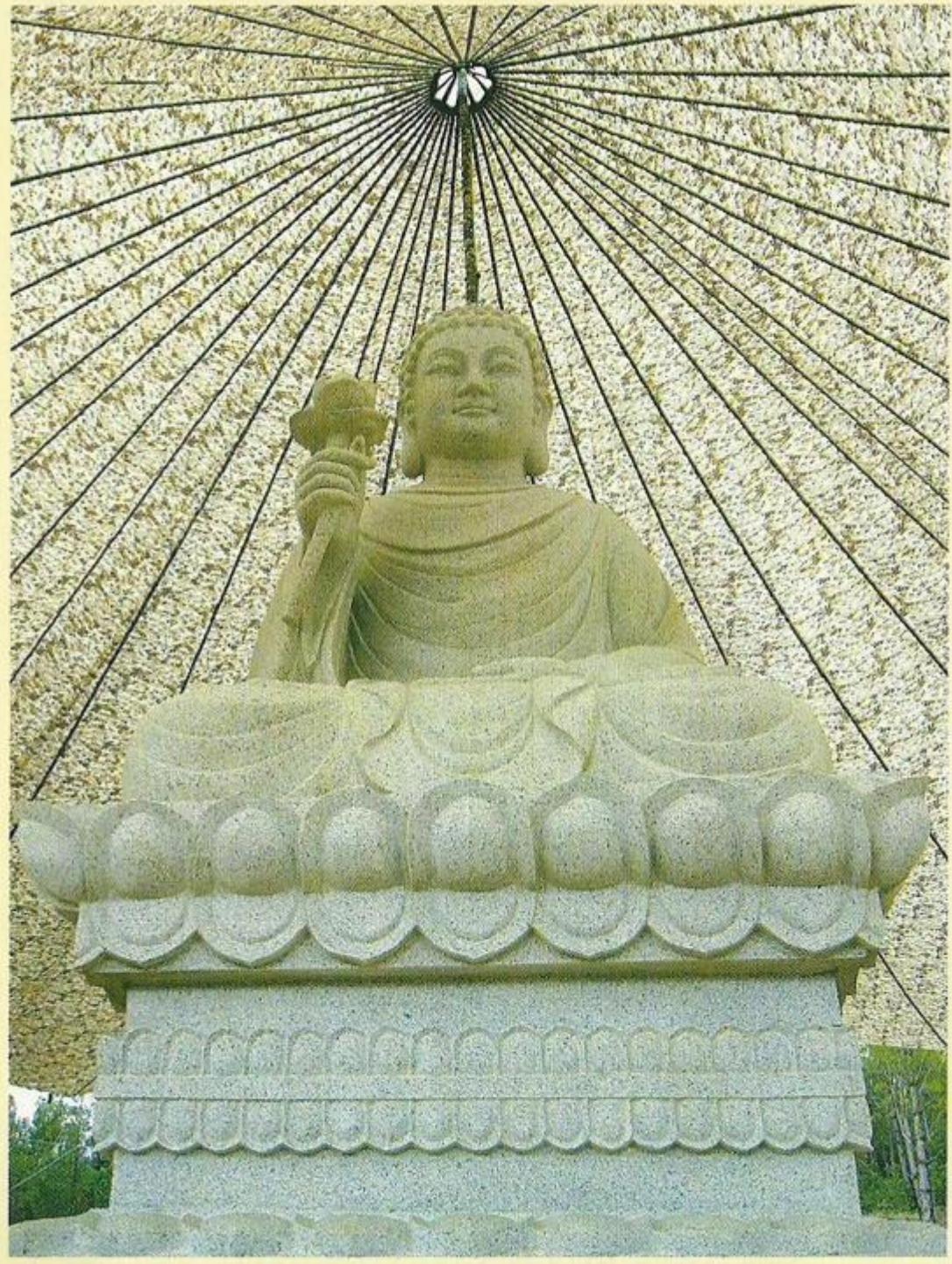


NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Tác giả: Hòa thượng **TINH VÂN**
Soạn dịch **THUẬN HÙNG**

THIỀN & GIẢI THOÁT

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI



LỜI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nói đến thiền là nói đến sự giác ngộ giải thoát. Thiền là tiếng Phạn nói đủ là Thiền na, Trung Hoa dịch là tư duy, Tham thiền, Thiền định, thoát tiên cũng để chỉ một thao tác dễ thấy của các Thiền sư khi tu tập với nghĩa đơn giản là ngồi tĩnh tâm. Nếu vậy, ngồi tĩnh tâm dễ bị nhầm lẫn vì đạo sĩ yoga hay các đạo sĩ tu hành của nhiều tôn giáo cũng ngồi tĩnh tâm. Khác nhau ở chỗ là các môn đõcủa các tôn giáo ngồi tĩnh tâm để hướng tới một đêng siêu nhiên, còn các Thiền sư tĩnh tâm để gạt bỏ tạp niệm, rũ sạch tham sân si an nhiên tự tại vượt ngoài tam giới, thoát khỏi sinh lão bệnh tử trong kiếp luân hồi.

Chỉ khi Đạo Phật phát triển thì Thiền (Phật giáo) mới được hiểu với nghĩa sâu rộng như hiện nay và hành thiền không chỉ là ngồi một chỗ mà có thể hành Thiền mọi lúc mọi nơi..

Thiền và giải thoát là cuốn sách giải đáp Thiền của Phật giáo là gì, ý nghĩa của hành Thiền và làm sao để hành Thiền, một cách căn bản và phổ cập, nhưng việc cốt lõi của Thiền là sáu căn không vướng sáu trăn.

Hiểu được và làm được thì đạt tới giác ngộ, còn hiểu được và làm được một phần thôi cũng đã lợi lạc nhiều rồi vì ta đang sống trong một cuộc sống thị trường sôi động, phải vất lôn vì cuộc mưu sinh...

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐAI

Lời đầu sách

Xã hội ngày càng phát triển, con người phải vật lộn với cuộc sống, với rất nhiều thứ lo toan bừa bộn. Nhu cầu vật chất sống càng cao, tinh thần càng mệt mỏi nhưng không vì thế

mà con người chịu buông bỏ, ngược lại còn muốn được níu giữ hơn thế nữa, đến phút cuối của cuộc đời lẽ ra phải hỏi mình sẽ về đâu? Nhưng họ đều không nghĩ vậy, một hơi thở sau cùng họ lại nghĩ rằng làm sao giữ

được của cải mà mình đã tạo ra. Cả một đời lao nhọc, không kể những lúc phải tranh giành, chiếm đoạt để rẩy ra đi với hai bàn tay trắng, mang theo bên mình là nghiệp báo khổ đau. Đó bởi do lòng tham của con người là quá lớn, một chiếc túi không đáy chứa đầy tiền tài, danh vọng v.v...

Đức Phật đã từng dạy hàng đệ tử của Ngài phải biết

“Thiểu dục tri túc”. Vì sao Phật dạy như vậy? Chúng ta là những người học và hành trì theo Phật nhưng chúng ta có thật sự biết mình đã “Thiểu dục tri túc” hay chưa? Con người luôn chạy theo danh vọng, khi được một lại muốn được mười và hơn thế nữa. Nhưng việc lớn của đời người là gì? Phải giải quyết ra sao? Mạng sống của con người là bao lâu? Một hơi thở đi ra không vào thì mình sẽ về đâu? Điều này thiết nghĩ

chỉ có các vị Thiện hữu tri thức mới nhận ra điều cốt yếu này, và cũng chỉ có quý Ngài mới thực sống được với thể tánh thanh tịnh đó. Còn chúng ta cũng man máng với nào là đời người sinh tử là việc lớn, nào là mạng sống của con người chỉ

trong một hơi thở nhưng đó chỉ là câu trả lời dựa trên sách vở, chứ chưa thực nhận ra điều cốt lõi này, bởi nếu đã trực nhận ra thì có một con đường ai cũng phải đi qua, sao bây giờ

hành trang còn chưa chuẩn bị?

Cho nên ngài Văn Môn có nói:

Ở trong hiện tượng siêng bày thân,

Chỉ người tự nhận mới là già.

Năm xưa làm nhầm trên đường kiêm,

Nay mới nhìn ra lò lửa băng.

Chúng ta có duyên lành được học giáo pháp của Phật, được Thầy Tổ chỉ dạy tận tình, được già các bậc Thiện hữu tri thức để học hỏi. Vậy, chúng ta

cùng nhau cố gắng hoàn thành sở nguyện của mình.

Một lần nữa, con xin mượn lời của Hòa thượng Ân sư

thượng Nhật hạ Quang đã nhắc nhở cho hành Tăng Ni Phật tử chúng con: “Hãy cố gắng lên, hãy tinh tấn lên, kẻo không còn kịp nữa”. Cho nên quyển sách “**THIỀN VÀ GIẢI THOÁT**” ra mắt cho những vị độc giả hữu duyên, nhín chút thời gian để mắt xem qua là những lời vàng thóc ngọc, và ứng dụng trong cuộc sống đòi thường hết khổ an vui. Quyển sách này chúng tôi soạn dịch của các tác giả Pháp sư Huệ

Minh và ngài Thánh Nhất cùng Hòa thượng Tịnh Vân là những vị cao tăng thạc đức. Với chút tấm lòng của dịch giả

muốn góp thêm ngôi nhà Phật học nên không ngại tài sức mọn dịch ra tác phẩm này. Nguyên đem công đức này hằng hướng cho tất cả chúng sinh đều trọn thành Phật đạo.

Trong quá trình dịch thuật không tránh khỏi những điều sơ sót, kính mong các vị cao minh chỉ điểm và bổ khuyết để

dịch phẩm được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản sau.

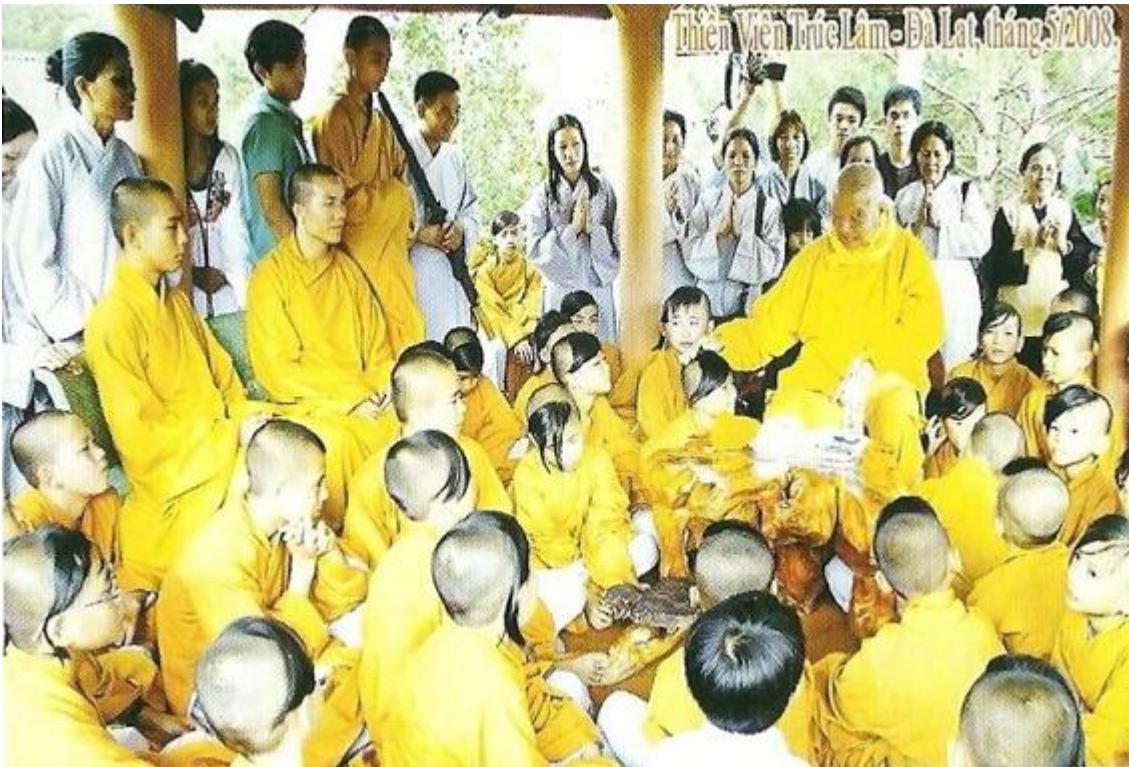
Thiền viện Thường Chiếu

Kính ghi

Thích Đạt Ma Thuận Hùng

PHẦN 1
NHÂN SINH VẤN ĐÁP





THẾ NÀO GỌI LÀ GIÀU VÀ NGHÈO?

Đồng là con người, vì sao có người rất giàu sang, có người nghèo thiêng? Chúng ta thử một lần nhận định thế nào là giàu? Và thế nào là nghèo? Có người ở nhà lầu cao to, đi xe hơi máy lạnh, ăn mặc sang trọng, tiền của đủ đầy; có người sinh ra bốn ba vất vả, việc làm rất tạm bợ, chỉ có thể cung cấp cho một vài người trong gia đình tạm đủ

sống mà thôi. Nguyên nhân ấy từ đâu? Nói tóm lại, điều là do nghiệp thiện, ác đời trước của mỗi cá nhân chiêu cảm quả báo ở đời này.

Luận về giàu và nghèo: Người có tiền tuy ăn mặc không thiêng, dù lọng xênh xang, nhưng có lúc bị người và công việc ràng buộc vây khốn, giống nhau trong một ngày đêm lại không được yên ổn; người không có tiền, dù rằng cuộc sống chật vật, mỗi ngày vẫn trôi qua, tuy không có tiền nhưng vẫn thong dong nhàn hạ, an lòng tự tại, đây gọi là “Người bần nhưng chí không bần”. Đạo lý này cũng chính là sự an lạc hạnh phúc của thuyết nhân sinh, giàu và nghèo điều không trở

thành đi lại kiện tuyệt đối. Cách nhìn của Phật giáo đối với sự giàu và nghèo, cho rằng chỉ tò điểm thêm nhân cách tôn nghiêm con người, vốn không có khoảng cách nào. Ví dụ như, dùng nước tẩy rửa đồ vật nhớ bẩn, sau khi tẩy rửa, và trước khi tẩy rửa, thật ra đồ vật ấy vốn không có khác. Có thể nói con người mười lần lạnh và nóng, như

mộng huyễn bào ảnh, sự giàu và nghèo hay khổ vui chỉ thể nhận ngay nơi nội tâm chính mình mà thôi. Cho nên, có người tuy ăn uống đạm bạc nhưng luôn an vui; có người giàu có nhất vùng nhưng luôn âu lo sầu não. Nói đúng hơn, khi trong tâm ta rộng mở bằng cả tam thiên đại thiên thế giới, thì dù thân không mảnh đất cẩm dùi, cũng vẫn cảm thấy giàu có tột bậc!

Cuộc đời đức Phật có thể là một minh chứng cụ thể nhất. Đức Phật qua bốn mùa xuân hạ thu đông, Ngài chỉ mặc một chiếc y phẩn tảo, trong lòng vẫn thấy an nhàn thanh thoát; dù mặc chiếc y từ vàng quý giá, Ngài cũng không lấy đó làm kiêu hãnh. Ngài có thể ăn uống đạm bạc, cũng có thể thường thức cao lương mỹ vị; có thể ngủ một đêm dưới gốc cây, cũng có thể ngon giấc trong lầu vàng điện ngọc; có thể ở ẩn một mình chốn núi rừng, cũng có thể cùng bốn chúng đệ

tử ở chung. Có thể thấy đức Phật đối với sự giàu sang nghèo hèn, kẻ

bần cùng người thông suốt, kẻ được người mất, kẻ hưng thạnh, người suy vong, kẻ đẹp người xấu, kẻ lành người ác,... tất cả đều không vướng bận trong lòng của Ngài, cũng không theo đuổi sự ham thích ở thế gian, Ngài chỉ tùy duyên thích ứng hoàn cảnh! Đây chính là bậc giàu sang nhất.

Ngoài đức Phật, thời gian đây có Đại sư Hoằng Nhất, cũng cho rằng trên thế gian không có điều gì làm cho Ngài cảm thấy không hài lòng. Lau mặt bằng khăn cũ rách cũng tốt, ăn rau đắng cũng tốt, rong ruổi ngoài đường suốt ngày cũng tốt, ở trong nhà tranh vách đất cũng tốt, trên thế gian cái nào cũng có ý vị, nhưng không cái nào làm Ngài vướng bận. Ngài chỉ muốn biết đủ, mọi người cho Ngài như thế là sống nghèo thiêng, cứ ngờ là Ngài khổ lắm. Nhưng thật ra, Ngài cảm thấy tất cả đều rất tốt. Có một lần, tiên sinh Hạ Tôn thấy Đại sư

Hoằng Nhất ăn loại cải muối mặn đắng một cách ngon lành, tiên sinh Hộ Tôn hơi có tinh ngộ, nói: “Thú thật mùi vị loại củ cải mặn đắng này, chỉ người như Đại sư Hoằng Nhất mới có thể nếm phẩm vị đúng như thật của nó”.

Tôi xin dẫn ra một việc hiện tại để chứng minh: Một người có tiền sống giàu sang nhà cao rộng lớn, với nhiều thiết bị cao cấp hiện đại, cuộc sống thật giàu có xa hoa. Bên cạnh nhà người ấy có một căn hộ nhỏ xiêu vẹo, đang ở trong ấy là một đôi vợ chồng nghèo, tuy cuộc sống của đôi vợ chồng ấy không dư dả lắm, nhưng chồng nói vợ nghe, đời sống đầm ấm yên vui. Nhưng gia đình người có tiền ở

này lầu cao, thì luôn luôn bị công việc giao tế thù tạc ở công ty ràng buộc vây khốn, vì để duy trì thanh thế và danh lợi mà cảm thấy không an ổn, cho nên trong lòng cảm thấy ưu tư: “Ta đây có tiền, vì sao lại phiền muộn lo lắng, gia đình nhà bên nhà cửa dột nát, nhưng có lúc xướng ca, khi lại đàm tiếu, vì sao họ lại an vui đến thế?”.

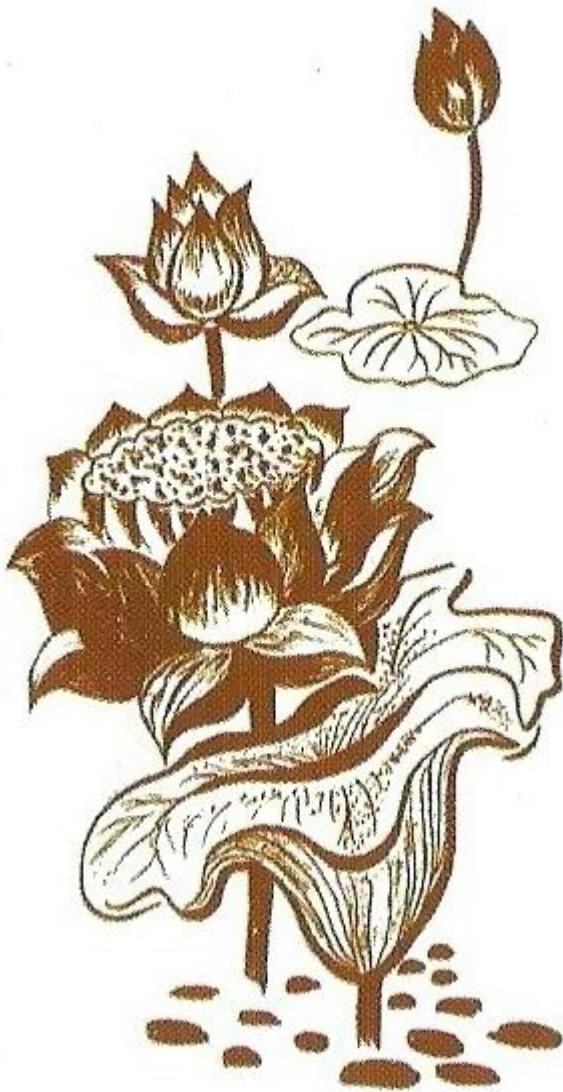
Có người bảo rằng: “Ông có muốn bán sự khổ não phải chăng?

Ông chỉ cần đem hai mươi triệu đồng đưa cho họ, những người đó tức thì sẽ khổ não”.



Hai mươi triệu đ`ông ư! Người nhà giàu suy nghĩ, hiện tại coi như không có đi, được! Li`ên khảng khái c`âm ti`en đưa cho đôi vợ ch`ông nghèo. Đôi vợ ch`ông nhà nghèo kia bỗng dung được hai mươi triệu đ`ông vui mừng khôn kẽ xiết. Nhưng đến chí`au tối lại phi`en não, ti`en này c`ần phải cất ở đâu? Cất trong ngăn tủ thì không bảo đảm! Cất dưới g`âm giường cũng không an toàn! Hay gối ở đ`au nằm chảng..

suy đi tính lại suốt đêm không ngủ được. Qua mấy ngày, đôi vợ ch`ông nghèo suy nghĩ nên sử dụng số ti`en đó như thế nào? Do bất đ`ong ý kiến nên họ tranh cãi nhau, vì thế họ đã đánh nhau, mất đi tình cảm êm ấm đã bao năm có được, sau đó họ chợt tỉnh, thấu hiểu rằng ti`en bạc đã làm cho họ khổ não, nên cuối cùng đem số ti`en đó trả lại cho chủ nhân trước đó.



Đây đương nhiên chỉ là một mẩu chuyện ngụ ngôn, nhưng có lúc hàm chứa một chân lý sâu sắc. Câu chuyện răn nhắc chúng ta: Danh lợi có lúc làm cho người ta tăng thêm phiền não và sự nguy hiểm.

Thuở xưa Nhan Hồi, học trò của Khổng Tử nói: “Ăn cơm vắt, uống nước bầu, sống trong hang hốc, đối với người khác thì buông không chịu nổi, nhưng đối với Hồi này thì luôn an vui”. Ngài Đại-ca-diếp, đệ tử đức Phật, sống tu hành giữa khu mộ mà vẫn ung dung tự tại.

Thời cổ đại, thi nhân Đào Uyên Minh viết: “Hái hoa cúc bên giậu đồng, ung dung ngắm núi Nam”... Qua những điều kể trên có thể

chứng minh rằng giàu hay nghèo không thể lấy sự có tiền hay không tiền để đánh giá. Người có thể sống nghèo nhưng trong tâm không thể nghèo. Nguồn tâm luôn bất tận, dùng nó không bao giờ hết, điều cốt yếu là chúng ta có chịu khai thác nó hay không. Nếu chúng ta khai thác được nguồn tâm, thì chúng ta mới là người giàu có chân chính.

THẾ NÀO LÀ CÁCH XỬ LÝ ĐƯỢC VÀ MẤT

Các vị đầu là công nhân viên chức đã nghỉ hưu, từ thời xuân trẻ

phục vụ cho quốc gia xã hội, khoảng độ tuổi 40-50 thì sự nghiệp thành tựu, lúc này nếu biết lui về quy ẩn, đây là việc rất khó. Trong những tháng ngày của mấy mươi năm phục vụ, tôi nghĩ rằng chúng ta ai ai cũng khó tránh khỏi gặp phải vấn đề thành công và thất bại.

Bây giờ tuy đã già, nhưng sự thành công và thất bại vẫn luôn diễn ra trong đời sống của chúng ta.

Một khi sự hiểu biết giữa chính mình và người khác có những bất đồng, thì đôi bên không thể hài hòa chung sống, chúng ta sẽ

không có niềm vui. Lúc nhen nhophil chúng ta thăng tiến, tức thì niềm vui tràn đầy; lỡ khi quyền lợi bị người khác đoạt lấy, thì trong lòng chúng ta ảo não ưu sầu. Do những vấn đề không thể giải quyết được khiến chúng ta sống trong nỗi lo lắng của sự thành công và thất bại. Tuy chúng ta hết sức thận trọng đối với công việc đã nhận, nhưng nhớ lại quá trình phục vụ cả một đời, thì chắc chắn có lúc đã chứng kiến hay thấy qua biết bao những sự tình bế tắc hay may mắn dễ dàng, tâm lý luôn thay đổi thất thường theo trạng thái thăng trầm của công việc. Có thể nói đời sống chúng ta luôn vướng bận nỗi lo lắng thành công hay thất bại ở quá khứ. Tục ngữ có câu: “Được cũng không vui, thiệt cũng không buồn”. Nhưng để thấu rõ câu nói này lại đâu dễ dàng đến thế!

Lục Tổ Thiền tông từng nói: “Không một pháp có thể được, mới có thể kiến lập muôn pháp”. Cuộc đời mấy mươi năm của chúng ta, sự vinh hoa phú quý, công danh lợi lộc, không hơn giấc mộng canh ba, tự sương tháng chín vậy! Thế thì “được”, chúng ta được cái gì? “Mất”, là mất cái gì? Có

người than thở: “Con người hai tay không mà đến, rã hai tay không mà đi”. Chúng ta từ trong bụng mẹ mang cái gì đến? Khi chết rã mất đi cái gì? Cuộc đời con người tất bật có bao lâu? Chẳng qua chúng ta cho là “được”, vậy chúng ta được cái gì? Trong Kinh Bát-nhã ghi: “Không mắt tai mũi lưỡi thân ý, không sắc thanh hương vị xúc pháp, không nhãn giới cho đến không ý thức giới, không có vô minh cũng không có hết vô minh v.v...”, hoàn toàn không cho đến cuối cùng, bởi vì “vô sở đắc” (Không chỗ được) có thể gọi là “Bồ-đề-Tát-đỏa” (Bồ-tát). Điều này chứng tỏ đời sống quá khứ của chúng ta từ có hình có tướng, từ tâm nhân ngã phải trái mà cầu được, nên cũng không phải là cái “được” chân thật. Có câu nói: “Bồ-đề không thể dùng thân được, cũng không thể dùng tâm được, chỉ là diệt trừ các tướng”. Do từ cái “có” ở trên mới có sự được mất, phải từ cái “không” ở trên chính là không sự được mất (Không chỗ được). Đối với cách xử lý vấn đề

được mất, nên từ phương diện này mà thể hội, cũng từ phương diện này mà giải quyết.

Khi hiểu được triết lý “Không” sẽ có cảnh giới gì? Tôi xin nêu ra đây mấy ví dụ để chứng minh:

-Ví dụ như chúng ta bị kẻ gian cướp giật một số tiền, trong lòng cảm thấy rất sầu não, nhưng từ khi hiểu được triết lý “Không”, biết rằng chưa từng có một pháp nào chẳng phải từ nhân duyên sinh, tất cả sự vật đều là duyên khởi tánh không, số tiền bị người ta lừa gạt, biết đâu là cái nợ đời trước mình đã thiêu họ, coi như là mình trả nợ

họ! Có thể nghĩ như thế, thì nỗi lo được mất trong lòng sẽ không còn.

-Ví dụ như các vị xưa nay đã có danh vọng địa vị, bỗng một hôm bị người khác chê bai phản bác, một lúc danh vị tiêu tan. Khi ấy các vị có thể nghĩ thế này: “Không chức tước một thân nhàn”, tùy thời, tùy hoàn cảnh ổn định cuộc sống bình thường. Danh vọng địa vị thế ấy không có gì buông bỏ chẳng được, ta nên ứng dụng triết lý “Không”. Thấu hiểu như thế, thì khi già bệnh đến có thể tự

tại vô ngại. Cho nên “Không” bao trùm muôn vật, không phải không ngờ mà rất diệu kỳ.

Tôi xin dẫn một ví dụ nữa để đại chúng tham khảo:

- Thuở nhỏ tôi nghe được tiếng tụng kinh của người xuất gia thì trong lòng rất vui mừng, sau khi đã xuất gia, do vì chất giọng của tôi không được hay, nên không thể xướng tụng như bao vị Tăng khác. Nhưng một người xuất gia việc xướng tụng rất quan trọng, nếu vị nào xướng tụng hay, sẽ có nhiều người đến tham học, được các bậc thầy khen ngợi, cho đến các Phật tử cũng rất tôn kính. Tôi do chất giọng không được hay, nên lúc còn làm Sa-di bị nhiều người đối xử rất phân biệt. Lúc ấy tôi nghĩ, đời này trong đạo chắc không thể giỏi hơn một ai.

Vì chất giọng của tôi không được hay, trong tâm lấy làm đáng tiếc, không thể dùng âm thanh tụng lời kinh câu kệ để giáo hóa mọi người. Về sau tôi suy nghĩ: Miệng không xướng tụng được, nhưng bàn tay có thể phát huy chút ít công dụng, mình nên cẩn mẫn dùng hai bàn tay của mình lao vào công tác viết lách. Nếu như trong công tác văn hóa có thể cống hiến đôi phàn, thì nguyện đem thành quả ấy



hãy hướng về Tam bảo và tất cả chúng sinh. Đó chẳng phải là hợp với tinh thần Phật dạy chăng? Thế là tôi bắt đầu viết. Lúc đầu tôi viết bài đăng báo, kế nữa là viết sách xuất bản. Từ đó có được số

tín nhiệm bút, tôi để dành rã mua một mảnh đất, cũng vì thế mới có Phật Quang Sơn ngày hôm nay.

Nhân đây, tôi có thể nói với các vị, trên thế gian không có cái gì hoàn toàn “không tốt”. Ví dụ như nói về chất giọng không hay của tôi, nhưng kết quả đối với tôi là không hay chăng? Giá như chất giọng quá hay, thìнибудь nhất tôi chỉ làm ông thầy tụng kinh mà thôi. Bởi do tôi không biết xướng tụng, mới chuyển biến phát triển theo chiều hướng khác, kết quả Tái ông mất ngựa, nhân họa mà được phước. Nếu chúng ta có mất đi cái gì, cũng không cần hoàn toàn tuyệt vọng, bởi vì ngoài cái mất đó, chúng ta có thể sẽ đạt được một cái gì khác. Chủ yếu, chúng ta biết mình và nhận thức như thế nào về mình, để vận dụng nơi mình một cách thích hợp nhất.



LÀM SAO SÁM HỐI ĐỂ TIÊU TRỪ TỘI NGHIỆP?

Tôi được nghe các giới quan quyền nhân sĩ và quân sự, rất bùi ngùi xót xa đối với những nghiệp tội trong dĩ vãng mà họ đã gây ra.

Bởi do quá khứ họ đánh giết lẫn nhau, bây giờ đến lúc già nua thì ăn năn hối hận: “Thuở quá khứ giết người như chặt cây, nghiệp tội rất nặng, thật là bừa bãi vô cùng!”. Nơi sâu thẳm đáy lòng họ vẫn tàng nỗi cảm xúc xót xa đối với người khác. Thật ra, nếu chẳng phải là bậc thánh hiền, thì ai có thể không có lỗi lầm? Người tuy có lỗi nhưng sự việc không thật nghiêm trọng, chỉ cần biết hối cải sửa đổi. Trong Phật giáo có câu: “Buông dao sát sinh, lập tức thành Phật”. Người có sai trái, sau đó biết sám hối, như thế mới có thể kịp thời tiêu trừ nghiệp tội của chính mình.

Ví dụ như: Áo quần dor bẩn rã, chúng ta dùng nước giặt sạch, sau đó mới có thể mặc lại; thân thể chúng ta nếu qua mấy ngày không tắm gội, cầu bẩn bám trên thân rất khó chịu, sau khi tắm gội thì thân người trở nên mát mẻ. Hiện tại, nếu trong tâm chúng ta bị

nghiệp tội ray rứt, thì chúng ta phải làm sao? Điều này giống như đứa trẻ làm việc sai lầm, đến trước cha mẹ nhận cái lỗi ấy, với thái độ này chắc chắn nó sẽ được cha mẹ tha thứ, cho nó cơ hội ăn năn hối cải sửa đổi lỗi lầm. Vì thế, điều quan trọng trong Phật giáo: Có lỗi lầm cần phải sớm sám hối, bởi vì sám hối có thể tiêu trừ được nghiệp tội. Hàng Phật tử thường hay xướng tụng bài kệ: Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

Giai do vô thủy tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sinh

Nhất thiết ngã kim giai sám hối.

Dịch:

Con xưa lỡ tạo bao ác nghiệp,

Đều do vô thủy tham sân si,

Từ thân miêng ý mà tạo nên,

Tất cả con nay xin sám hối.

Có người nói nghiệp tội là do hoàn cảnh đẩy đưa, hay người trí thức bạo nhược, thiếu luân lý, đời sống khốn cùng... là những nhân tố tạo thành lỗi lầm. Trong Phật pháp cho rằng nghiệp tội là do tham sân si từ vô thủy mà ra, nhưng tham sân si gốc từ thân miệng ý phát sinh. Thời đại văn minh thế kỷ hai mươi này, con người sống quây quanh như trong cái lồng chim, ngẩng đầu không thấy bầu trời, nhìn ra bốn phía không thấy vườn cây, tâm trí càng ngày càng thu hẹp, khả năng quan sát sự vật càng không tinh tường, sự quan hệ

qua lại giữa con người ngày càng bừa bộn phức tạp, nhưng tình cảm lại không gần gũi gắn bó, nỗi quan điểm bất đồng lại phát sinh, quang cảnh toàn xã hội hiện ra nếp sống vội vã, đưa đến hiện tượng đấu tranh giành giật, tranh sáng giành tối, khiến cho tâm trí không được an ổn hài hòa. Cho nên các việc trong xã hội như: giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói lời thô ác, nói chia rẽ, khiêu khích luôn xảy ra. Như thế, chúng ta phải làm sao để tiêu trừ những nghiệp tội ấy?

Trong Kinh Phật có ghi: Con người không thể không có lỗi lầm, hỡi khởi tâm động niệm đâu là tạo nghiệp. Vậy người có lỗi phải làm sao?

-Thứ nhất: Nên thật thà nói ra nghiệp tội của chính mình, không để tái phạm nữa. Chúng ta không thể cho tự tâm mình biết lỗi thế là xong, không chịu kể ra cho người khác biết lỗi ấy, như thế

sự sám hối vẫn chưa triệt để, các vị cao ở trước tôn tượng Phật, hay đối trước bậc Thiện tri thức bày tỏ, hoặc trước đại chúng thừa nhận lỗi lầm của chính mình, phải trải qua một lần chân thành tha thiết sám hối, chấp nhận sự xử phạt đối với lương tâm, thì mới có thể

làm trong sạch bản tính của chúng ta.

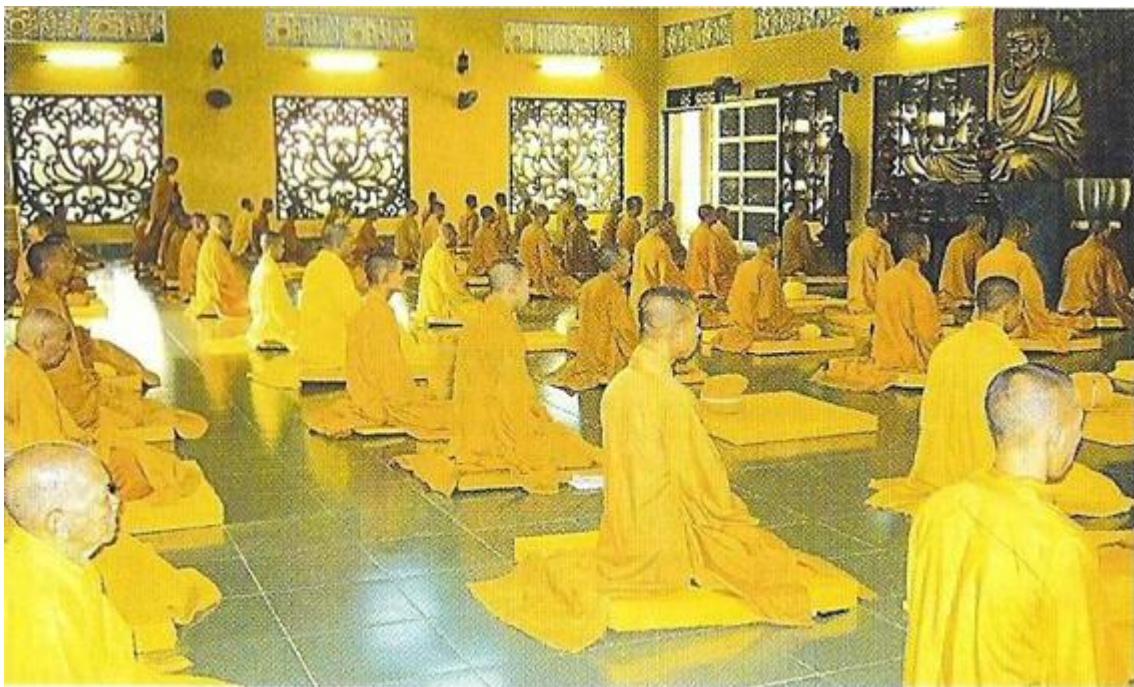
-Thứ hai: Cần tin vào sức gia trì nghiệp thọ của chư Phật, khơi dậy sự thanh tịnh nơi bản tâm của chính mình, khiến chúng ta sẽ

không tái phạm lỗi lầm nữa. Ví dụ như: Trong phẩm Phổ Môn-Kinh Pháp Hoa có ghi: “Giả sử có người, nếu có tội hoặc không tội, bị

gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, khi niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì những thứ ấy thảy đều dứt sạch, liền được thoát khỏi”. Đoạn kinh trên chứng minh khi Bồ-tát từ mẫn nghiệp tho

chúng sinh, thì sẽ làm cho nghiệp tội chúng sinh được tiêu trừ. Đây là phương tiện mà chư Bồ-tát thường thực hành.

Ví dụ như: Một mảnh ruộng đã lâu không được chăm bón, thì lúa mạ không thể sinh trưởng. Nếu thường xuyên dẫn nước bón phân, thì lúa mạ ngày một tốt tươi, cỏ dại (phiền não) sẽ không phát triển. Cho nên, công đức của người có lòng tin rất lớn, dù trong quá khứ có tạo chút ít nghiệp tội, thì cũng có thể trong hiện tại tạm thời



không thọ quả báo.

Mọi người đều biết thế giới Cực lạc của đức Phật A-di-dà có thể mang nghiệp vãng sinh, nghiệp thiện-ác của một người lúc vãng sinh có thể mang đi. Bởi vì đại nguyễn của đức Phật A-di-dà giống như một chiếc thuyền, nghiệp tội của chúng ta như cục đá đang chìm xuống, nhờ chiếc thuyền đại nguyễn của đức Phật A-di-dà, chẳng những cục đá nghiệp tội ấy

không chìm xuống, mà còn được chở sang bờ kia. Cho nên, chúng ta cần phải tin sâu đại nguyên lực của đức Phật A-di-đà, thì có thể được cứu độ. Nhất là những người tuổi già, sự vinh hoa phú quý sẽ bỏ chúng ta bất cứ lúc nào, người thân cũng sẽ xa rời chúng ta. Chỉ cần chúng ta tin sâu Phật và Bồ

tát thì chắc chắn sẽ không bị bỏ rơi, vẫn có thể được giải thoát sang thế giới vĩnh hằng.

Phân trước đã nói, tội là do ba nghiệp thân miệng ý của chúng ta gây tạo nên. Nhưng giả sử vào một đêm khuya nào đó, bất chợt hiểu ra nghiệp tội vốn không tự tánh, nếu dụng tâm sám hối thì tội át tiêu trừ. Khi một niệm giác ngộ, thì nghiệp tội biến thành vô thường. Trong kinh có đoạn ghi:

Tội nhược khởi thời tương tâm diệt

Tâm nhược diệt thời tội diệt vong

Tâm không tội diệt lưỡng câu không

Thị tặc danh vi chân sám hối.

Dịch:

Nếu tội khởi thời đem tâm diệt,

Nếu tâm diệt thời tội cũng không;

Tội không tâm diệt thảy đều không,

Thế ấy gọi là chân sám hối.

Chúng ta phải làm sao hãi phục con người chính mình sau khi sám hối? Làm sao chuyển địa ngục thành thiên đường, chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển việc xấu xa thành thanh tịnh, chuyển cõi Ta bà thành Cực lạc? Phải quán xét vọng niệm trong tâm mình như thế nào để tiêu trừ nó, và phải xem xét sự sám hối của chúng ta có thành khẩn tha thiết hay không. Sau

khi sám hối nên phát nguyện và học tập theo tinh thần của các bậc Thánh hiền, nên phát Tứ hoằng thệ nguyện.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,



Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Tù hoằng thệ nguyện là biểu hiện cụ thể tinh thần Bồ-tát đại thừa, không phải để cầu xin mà nương nhờ vào đó để tiêu trừ

nghiệp tội, cũng là đi trên con đường đại Bồ-đề, đó là năng lực vĩ

đại để thành Phật thành Thánh.

LÀM SAO TRỪ SẠCH PHIỀN NÃO?

Con người trên thế gian có rất nhiều việc gây nên phiền não, ví dụ như:
Trong thân thể chúng ta có sự phiền não già, bệnh, chết, v.v

tâm lý có phiền não tham sân si. Phiền não của chúng ta sâu rộng như biển lớn, um tùm như rừng cây. Chúng ta mê lầm tạo nghiệp, lưu chuyển trong sinh tử luân hồi đâm do phiền não mà ra.

Trong tận cùng sâu thẳm của phiền não, xét kỹ nó hoàn toàn không ngoài chữ “ngã” (Ta) tạo thành. Bởi do ngã chấp, ngã ái, ngã kiến... dấy khởi cái thấy biết sai lệch, làm cho chúng ta sinh ra biết bao phiền não khôn cùng. Cho nên chúng ta cần học đạo, đầu tiên cần phải tu học như thế nào để khắc phục những phiền não ấy. Cội gốc chủ yếu của tất cả phiền não chính là tham sân si, nên nói: “Bắt giặc trước là bắt vua”, để phá trừ phiền não, điêu trược tiên làm sao đem ba độc tham sân si bỏ quách đi.

Vương Dương Minh từng nói: “Bắt kẻ giặc trong núi thì dễ, trừ giặc trong tâm lại khó”. Như giặc trong núi dễ bắt, ba độc tham sân si trong tâm chúng ta lại khó dứt trừ. Trong Kinh Phật có câu: “Cần tu giới định huệ để dứt trừ tham sân si”. Bởi vì, trong đời sống chúng ta có nhiều tập khí, việc ích lợi cho người thường không chịu làm, nếu biết vận dụng năng lực của “giới”, thì sẽ có thái độ hy sinh sở thích của mình, chứ không xâm phạm đến lợi ích của người khác. Do vậy có thể thấy “giới” đối trị được bệnh tham. Ví dụ như: Những mong cầu trong tâm của chúng ta, trong đời sống hiện tại luôn có sự tì hiềm oán giận, chúng ta cần thực hiện công phu để

được “định”, khiến cho cõi lòng chúng ta không nghiêng lệch, ngay thẳng sáng suốt, mới có thể xa lìa sự trói buộc của phiền não, từ đó trí huệ mới phát sinh. Nói đến si thì phải dùng “tri” để đối trị, Phật dạy trí không phải là trí thức ở thế gian, bởi vì trí thức ở thế gian ít khi hoàn toàn là thiện. Nếu trí Bát-nhã trong tâm không phát sinh, thì làm việc gì cũng không hợp với Phật pháp, tất cả chỉ dựa vào tình cảm riêng tư thông thường ở thế tục mà hành động, đây gọi là làm trong mê muội. “Tri” Phật dạy là do thực hành văn tự tu mà thành tựu, là phương pháp quán chiếu trung đạo thật

tướng, nương vào phương pháp này mới có thể diệt trừ căn bệnh lớn vô minh là

“Tham sân si”.

Có một lần tôi dạo chơi nơi công viên Nhật Quang nước Nhật Bản, tôi trông thấy kèo cột trên nóc nhà nọ có khắc chạm ba con khỉ, dáng vẻ sinh động như thật. Một con lấy hai tay che con mắt, một con lấy hai tay bịt lỗ tai, một con lấy hai tay bụm miệng. Tôi chợt nhận ra ba con khỉ này là tượng trưng cho những đạo lý, những đạo lý ấy là gì?

Các giác quan của con người: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tất cả đều hướng ra bên ngoài theo đuổi không ngừng, đối với trần cảnh thế gian phân biệt một cách hư dối, do đây sinh ra rất nhiều phiền não. Nếu chúng ta đối với tất cả cảnh giới bên ngoài nên xoay trở

lại quán xét tự tâm, không để tâm mình chạy theo trần cảnh, cái chẳng nên nhìn thì không nhìn, cái chẳng nên nghe thì không nghe, việc chẳng nên nói thì không nói thì phiền não sẽ ít đi. Điều này giống như Khổng Tử từng nói: “Điều phi lễ chó không, điều phi lễ

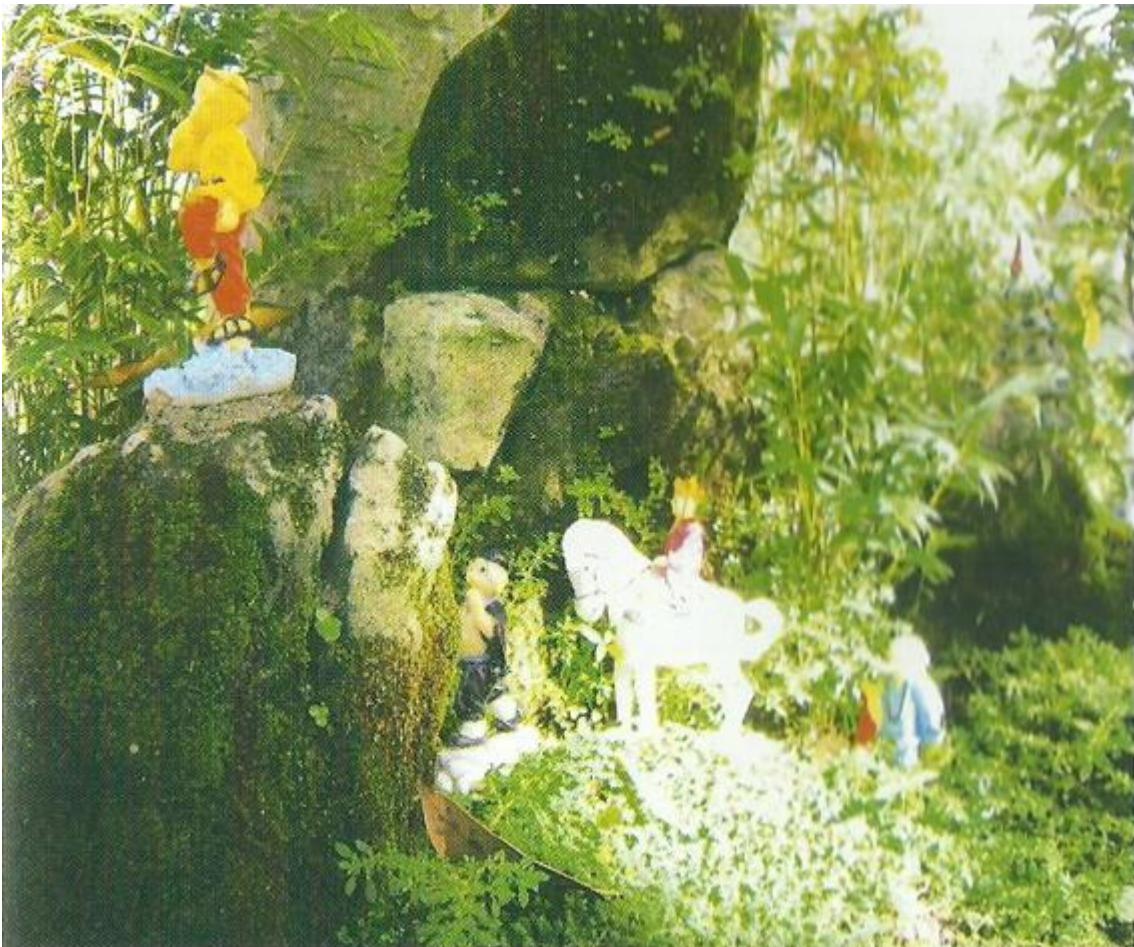


chó nghe, điều phi lễ chó nói, điều phi lễ chó làm!”. Nếu thực hành được như thế, thì có thể diệt trừ kiết sử phiền não tham sân si che đầy nội tâm chúng ta, đồng thời việc làm của chính mình sẽ không đến nỗi xảy ra sai trái, phiền não từ đó tự nhiên dần dần giảm thiểu.

Bà ngoại của tôi là một Phật tử thuần thành, từ năm mươi bảy tuổi đã ăn chay niệm Phật, sự xuất gia của tôi chính là chịu ảnh hưởng từ bà. Bà là người hiền hậu, có ba người con trai. Thế nhưng những đứa cháu, con của ba người cậu, tôi nhớ những người con ấy vào khoảng ba bốn tuổi đều chết. Nhưng xưa nay bà ngoại của tôi, không buồn khổ vì việc ấy, lẽ nào bà không có tình cảm chẳng?

Không thương yêu con cháu sao? Đương nhiên không phải vậy! Đó là do bà học Phật pháp, biết con người ở đời có sinh át có tử, có tạo nghiệp là có chịu quả báo, dù ai có làm sao đi nữa cũng không tránh được. Sinh ra con cháu, là do nhân duyên hòa hợp thọ thai vào gia đình ấy; nếu có chết đi, thì coi như nghiệp báo hiện đời của nó đã trả xong mối nợ tình cảm đối với những người thân ấy. Thọ mạng của con người xưa nay dài ngắn không đồng, những đứa trẻ hiện tại quấn quýt bên chúng ta, nhưng trong tương lai chắc chắn chúng sẽ

rời xa. Nếu những đứa trẻ có duyên lành, nó tự có sẵn phước báo, cần gì phải ưu phiền lo lắng cho nó! Cho nên người học Phật, đối với quan niệm sinh và tử, tuy cùng là con người nhưng phước báo không ai giống ai, thì đối với người thân mất đi, việc buồn thương khóc lóc đâu có ích lợi gì.



LÀM SAO AN BÀI CUỘC SỐNG?

Chúng ta thường nghe nói: “Tôi bận quá! Bận rộn không thể dứt ra được”. Việc này chưa xong, việc khác lại đến!”. Không luận chúng ta bận rộn công việc ra sao, điều quan trọng là đừng vì bận rộn mà quên đi sự t^{âm} tại của chính mình. Có người nói bận rộn là vận may, sinh kế có bận rộn thì đời sống mới sung túc hơn. Nhưng nên nhớ sự bận rộn của chúng ta phải có ý nghĩa mới tốt, có nhiều người chỉ bận rộn vì chính mình, không biết quan tâm đến người khác; có nhiều người lại quá bận rộn vì người khác, nhưng lại quên đi chăm lo cho mình, chúng ta không nên cực đoan thái quá.

Tôi chủ trương trong đời sống nhất định phải bận rộn, chúng ta phân chia: Một ph^{ần} thời gian cho đời sống bận rộn, một ph^{ần} thời gian cho tinh th^{ần} bận rộn; một ph^{ần} bận rộn vì chính mình, một ph^{ần} bận rộn vì người khác; thậm chí không chỉ bận rộn vì hiện tại, cũng là bận rộn vì tương lai. Có thể

nói, chúng ta cần phát huy tinh lực, không nên nghiêng về vật chất, cũng không thể nghiên hẳn về

tinh thần, nếu có thể tinh thần và vật chất cân bằng nhau, thì sự bận rộn càng có ý nghĩa.

Ví dụ như: Chúng ta tuổi tác càng ngày càng lớn, đi bộ không nỗi, tay không đủ mạnh để cầm bút viết văn, lại không có người ưa thích gần gũi chúng ta. Như thế làm sao an vui bảo dưỡng được tuổi thọ? Tôi thường hay khích lệ mọi người, lúc còn xuân trẻ khỏe mạnh, cần nuôi dưỡng thói quen đọc sách, đến lúc tuổi già, thì nương vào sách vở làm bạn với chính mình. Nay giờ tôi sẽ dành cho quý vị một cách thức khác, đó chính là “Người nhàn rỗi nhưng tâm lại bận rộn”. Trong quá khứ các vị luôn bận rộn, vì công việc mà phải toan tính, tâm trí lại để nguội lạnh. Giờ đây đã rảnh rỗi rồi, thì phải khiến cho tâm hoạt động mạnh mẽ lên, có thể là quý vị nên tọa thiền. Thi nhân Bạch Cư Dị thời Đường đã viết: **Năm tôi tuổi gần bảy mươi,**

Không màng việc chỉ ngâm nga;

Xem kinh e thêm nhọc mắt,

Làm phước sợ ngại vật vả;

Lấy gì để an mắt tâm,

Chỉ cần tinh tấn ngã thiền;



**Sớm cõng ngã thiền,
Tôi cõng ngã thiền;
Dù rằng bạn như con thoi,
Không bỏ thời khóa ngã thiền.**

Có thể thấy ông Bạch Cư Dị đối với việc công phu tu tập ngã thiền, quả thật là có sở đắc. Những cảnh giới mà ông đạt được, người trong thiên hạ không thể cùng với ông cảm thông, chỉ cần ông khép mắt lại, tĩnh tọa yên lặng, thì chư Phật và Bồ-tát hiển hiện trong tâm ông, thế là ông đâu còn nỗi ưu lo sự thiếu thốn về tinh thần như bao người thế tục.

Các vị chớ có hiểu lầm, cho rằng đến lúc già mới đem tinh thần phó thác vào việc tọa thiền, hoặc đến lúc sắp chết mới niệm Phật.

Thật ra đức Phật là biểu trưng cho vô lượng ánh sáng và vô lượng tuổi thọ. Nếu chúng ta có thể dùng tâm chân thật nhất để công phu tu tập thiền định, hoặc dùng tâm thành kính nhất để thể hội lòng từ

bí của đức Phật, thì các vị nhận ra ngay bản lai diện mục của chính mình, đích thực là chỗ nương tựa tinh thần đáng tin cậy nhất.

LÀM SAO SỐNG YÊN ỔN?

Tuy các vị đã nghỉ hưu. Nhưng vì cuộc sống vẫn tiếp tục, chẳng phải dừng ngang đây. Cuộc sống chúng ta phải có một tương lai, mà tương lai chính là niềm hy vọng. Tục ngữ có câu: “Đời người không đầy trăm tuổi, thường ôm nỗi lo ngàn năm”. Hoặc nói

“Người không lo xa,ắt có buồn ghen”. Do đó, một người không nghĩ đến tương lai, thì đời sống không có ý nghĩa. Tin rằng mỗi người chúng ta đều hy vọng tương lai sẽ có thể sống thọ trăm tuổi. Tiên sinh Trương Nhạc Quân từng nói: “Đời người lúc bảy mươi tuổi chỉ

mới bắt đau”. Vì sao Trương tiên sinh lại nói như thế? Điều chủ yếu mà tiên sinh khai thị cho chúng ta, là đời người không ở chỗ tuổi tác là bao nhiêu, ở chỗ là chúng ta đối với tương lai có ôm ấp niêm hy vọng hay không. Trong Phật giáo nói tương lai chính là niêm hy vọng. Niêm hy vọng này không phải mong cầu cho chính mình, chủ

yếu là hướng vet tất cả chúng sinh. Đó chính là “Nguyen lực không cùng tận”, như mười đại nguyện rộng lớn của Bồ-tát Phổ Hiền: **1. Kính le chư Phật.**

2. Tán thán công đức của Như Lai.

3. Rong tu bo thí cúng dong.

4. Nguyen sám hoi nghiệp chướng.

5. Thường tùy hy công đức.

6. Thỉnh Phật chuyển pháp luân.



7. Thỉnh Phật sống lâu ở đời.

8. Thường học theo công hạnh của Phật.

9. Thường tùy thuận tất cả chúng sinh.

10. Tất cả công đức đều hướng.

Các vị hơn nữa cuộc đời trước đem mình cống hiến cho quốc gia xã hội, chịu nhiều nhọc nhằn khó khổ, lịch sử mấy mươi năm qua in đậm vết tích của mỗi người. Hiện nay khi đã nghỉ hưu rồi, các vị nên đem tinh thần nửa cuộc đời còn lại ứng dụng vào “Hạnh nguyện” trong Phật pháp. Ý nghĩa của việc phát những đại nguyện, Phật dạy trong tâm niệm của chúng ta, có thể rộng gieo căn lành ở

đời sau. Quả như nói theo thế tục, sự việc này khiến cho cuộc đời còn lại của các vị sẽ sống trong thế giới thanh khiết, tịnh lặng và an lành.

Một đứa bé khi mới sinh ra tất yếu nương vào cha mẹ, tục ngữ

có câu: “Ở nhà nương cha mẹ, ra ngoài nương bạn bè”. Nhưng khi thân thể đứa bé có bệnh thì ai chịu khổ thay cho nó? Nếu nó nương vào thần linh, thần linh cũng không đáng tin cậy. Bởi vì thần linh đến lúc nào đó thân thể cũng hiện năm tướng suy(1), cho nên không đáng tin cậy, vì họ có thể bị đe dọa lạc. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta không nên để cho thần linh, tướng số, bói quẻ, phong thủy,... các việc họa phước chi phối đời sống chúng ta.

Như thế, chúng ta nương vào đâu? Trong Phật pháp, Tam bảo là chỗ nương tựa rất vững chắc. Tam bảo là điểm tựa đáng tin cậy của chúng ta, quy y Tam bảo chính là tìm về chỗ nương tựa tốt nhất.

Quy y Phật:

Đức Phật là người thề hội chân lý, Ngài tuyên dương ánh sáng chân lý, chỉ dẫn chúng ta hướng đi sáng suốt, trí huệ của Ngài như

vầng mặt trời, ánh mặt trăng, có thể soi sáng cho chúng ta thoát khỏi nẻo mê về chính đạo.

Quy y Pháp:

Pháp là khuôn mẫu không biến đổi, là đức hạnh chuẩn mực trong đời sống thường ngày của chúng ta. Nương vào pháp thực hành chúng ta sẽ có những nhận thức đúng đắn. Nếu hết lòng hành trì, thì có thể đạt đến bờ kia (Bờ giải thoát), chẳng khác nào tàu hỏa chạy trên đường ray, chắc chắn sẽ đạt đến mục đích.

(1) Quần áo thường dơ dáy—Trên đầu tóc rối nhầu như cánh hoa héo tàn—
Thân thể hôi hám và nhơ nhốp—Dưới nách thường ra mồ hôi—Không thích chỗ ngã của mình.

Quy y Tăng:

Tăng là những vị hành trì gìn giữ Phật pháp và cầu giải thoát, cũng là vị thầy, có thể làm thiện hữu tri thức cho chúng ta. Tuy các Ngài chưa hoàn toàn đoạn sạch hết phiền não và chứng thật tướng, nhưng các Ngài có thể y cứ vào chân lý Phật pháp chỉ dạy lại cho mọi người học tập, khiến cho Phật pháp không dứt mất. Khi gần gũi các Ngài, có thể khiến cho thân tâm chúng ta trở nên thanh tịnh, tính giác được tinh sáng. Cho nên, đức Phật như thầy thuốc giỏi, Pháp như toa thuốc, chư Tăng như người hộ giúp người bệnh. Phật Pháp Tăng dẫn dắt chúng ta lìa tà hướng thiện, chuyển mê thành ngộ.

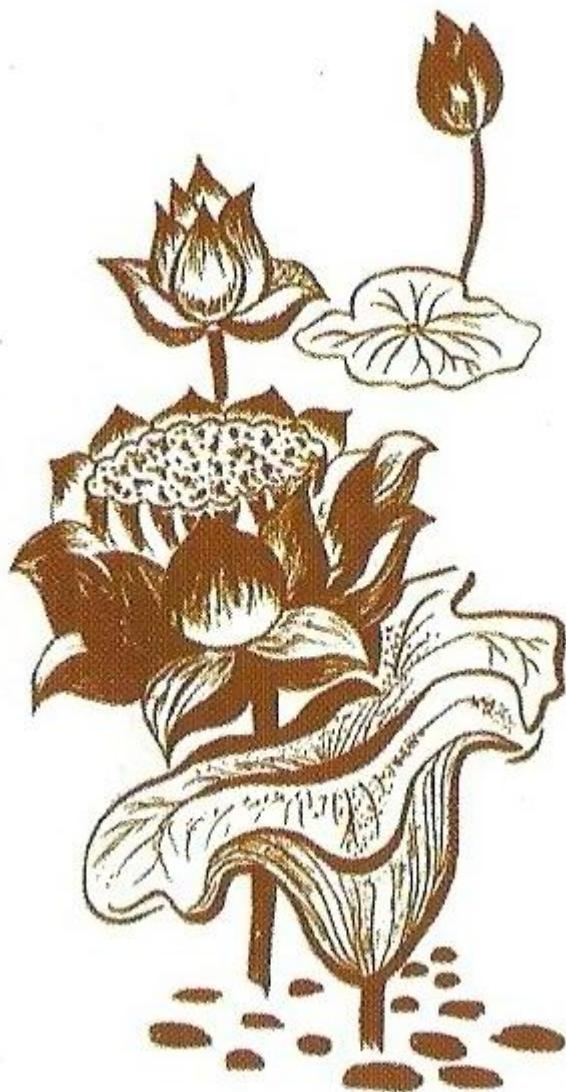
Trong Thành Phật Chi Đạo (quyển sách Con đường thành Phật) ghi: “Tìm cầu chỗ nương tựa ở khắp nơi, dù tìm khắp mười phương, chỗ nương tựa cứu cánh chính là Tam bảo, cũng là chỗ

nương tựa tốt lành nhất”. Đức Phật dạy ngài A-nan: “Nương tựa nơi chính mình, nương tựa vào pháp, chứ nương tựa chỗ nào khác”.

Điều này đã chứng minh ý nghĩa chân chính của việc quy y, chính là phải quy y nơi tự tâm tự tính của chính mình. Bởi vì chính mình có Phật tính, chính mình có thể thành Phật. Ngay cái thể thân tâm chính mình là chánh pháp, nương tựa vào pháp ấy tu hành, thì tự

thân có thể cùng Tam bảo đ`ông một thể.

Để chứng minh điều trên, có thể nói tất cả sự vật ở trên thế gian này đều là vô thường, thì đâu có cái gì để cho chúng ta nương tựa vĩnh viễn được? Khi đối diện họa hoạn thiên tai hay sự cạnh tranh biến động của thời đại này, thì chỗ nương tựa tối hậu của chúng ta chỉ có Tam bảo. Tình cảm chúng ta có thể không lưu tâm, ti`ền bạc



chúng ta có thể giảm thiểu, công danh chúng ta có thể đánh mất, nhưng Tam bảo chúng ta không thể không c`ần. Bởi vì, cho dù thế

gian này có bị hủy diệt đi, nhưng Tam bảo vẫn không xa lìa chúng ta, Tam bảo mãi mãi là bạn đồng hành với chúng ta.

LÀM SAO DỨT BỎ SỰ LUYẾN ÁI VỚI NGƯỜI THÂN?

Kinh Niết Bàn ghi: “Có thịnh thì có suy, có hợp át có biệt ly”.

Trong Thành Phật Chi Đạo ghi: “Có hợp át có cách xa, có sinh thì không thể không có tử”. Con người ở đời, sự liên quan mật thiết như là cha mẹ con cái, hoặc vợ chồng sum họp, thân bằng quyến thuộc đầm thắm, thương yêu lẫn nhau, êm ấm tràn trề. Nhưng cũng có khi sự quan hệ gia quyến thân thích biến thành oan gia, vợ chồng không hòa thuận, anh em tranh cãi, từ đó trong gia đình ngoài xã hội luôn xảy ra nhiều việc không tốt đẹp. Một sớm nào đó việc sinh ly tử biệt đến, cha mẹ mất đi, vợ con không còn, bơ vơ lạc lõng, đường ai nấy đi, nào ai có thể quan tâm đến ai được? Cho nên nói:

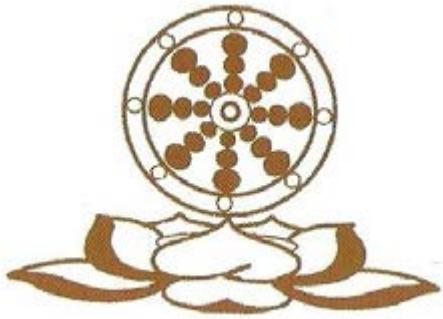
“Vợ chồng giống như chim ở chung, khi họa hoạn đến tung cánh bay”. Như thế, người học Phật có thể sống xa lìa người thân. Có những người lớn tuổi, lúc cuối đời không chịu nổi sự cô đơn hiu quạnh, thường muốn con cháu hầu hạ một bên. Có nhiều người rất sung sướng được con cháu gần gũi ở bên cạnh, bảo dưỡng mãi cho đến khi trăm tuổi, tuy tạm xua tan nỗi buồn cô quạnh của tuổi già, nhưng làm ảnh hưởng sự nghiệp tương lai của con cháu. Hoặc có người mỗi khi người thân trong gia đình đều bận bịu công việc, không rảnh rỗi để hầu hạ bên cạnh, thì nỗi cô quạnh khó chịu nổi, rã buôn chán tuyệt vọng, thế là trách móc con cháu bất hiếu, mỗi ngày trôi qua lâu như một năm. Đời người như thế có gì là vui? Cho nên, mỗi người cần phát huy tinh thần tự chủ, để có thể sống riêng một mình, thì khi tình cảm ruột thịt đầm ấm có thể an vui đón nhận,



hoặc khi sự yêu mến sâu nặng phải xa lìa thì mình cũng có thể buông bỏ được. Chúng ta cần kết duyên rộng rãi với mọi người, dù con cháu trong nhà không thể thường luôn ở bên cạnh, thì chúng ta vẫn có những bạn bè thân quen đến chăm sóc thăm hỏi. Đối với ngoại cảnh chúng ta chớ có trông chờ đi ầu gì, chỉ tự chủ sống riêng một mình, không trông chờ, như thế tự nhiên sẽ không thất vọng.

Nếu không sống được như vậy, cứ mãi trông chờ người thân thăm nom an ủi, thật ra việc thăm nom ấy chỉ năm khi mười họa, để r ầm từ đó trong lòng thất vọng chán nản, dẫn đến ưu bu ồn khó chịu nỗi!

Một khi cảnh sinh ly tử biệt đến, vợ con khóc lóc, bạn bè thâm rơi lệ, nói ta tại sao nỡ đành ra đi? Cho nên, có thể nói người thân đến một lúc nào đó chúng ta cũng đành buông bỏ thôi.



Trong kinh *Tập Thí Dụ* có đoạn ghi: Có một bà mẹ sinh được một đứa con, cưng chi âu bội phẫn, hoàn toàn gởi gắm trọn đời mình vào nó. Bất chợt một hôm đứa trẻ ấy bệnh chết, người mẹ ôm xác đứa con khóc lóc đớn đau, nỗi buồn trào dâng không ngăn nổi. Đức Phật cảm thông nỗi xót thương của ba, Ngài nói với bà có một bài thuốc bì truyền có thể cứu sống đứa con ấy. Bà vui mừng xúc động, thỉnh cầu đức Phật chỉ dạy. Đức Phật nói: “Hãy đến gia đình nào mà trong nhà không có người chết, xin về một bó cỏ cát tường (hoặc gọi là cỏ thượng mao, một loại cỏ tranh tốt quý hiếm), thì tự

nhiên con bà có thể sống lại”. Thế là người mẹ ấy đi đến từng ngôi nhà ở ven đường thăm hỏi, gặp ai cũng dò hỏi: “Nhà Ngài từng có người chết chăng?” Mọi người đều đáp: “Từ thời ông bà tổ tiên đến nay, trong nhà đều có người chết”. Như thế đi qua mấy chục ngôi nhà, nhà nào cũng đều có người chết. Vì thế người mẹ ấy không xin được loại cỏ cát tường, đành thất vọng trở về gặp đức Phật, đức Phật nói với bà: “Từ khi có loài người đến nay, có sinh ắt có tử, sinh tử là lẽ tự nhiên, hà tất vì một đứa con chết mà đau buồn không nguôi!” Người mẹ ngay đó tỉnh ngộ.

Mỗi người chúng ta nếu biết được định luật vô thường, thì đối với người thân ruột thịt cần nên dứt bỏ sự buộc ràng của lười ái, khi con cháu không thể hằng hạ bên cạnh cũng vui, khi sinh ly tử biệt cũng không sầu não, có hợp thì có tan, có sinh ắt có tử, có thể thấu hiểu điều này mà biết buông bỏ, đừng vì tình cảm mà đau khổ.

LÀM SAO THỰC HÀNH BỐ THÍ TÀI SẢN?

Nhiều người coi tiền bạc là bậc nhất, có tiền thì việc gì cũng xong, thậm chí còn nói: “Có tiền có thể sai quỷ giả gạo”. Thật ra, không luận của cải giàu sang sung túc đến cỡ nào, cuối cùng đều bị

tiêu hủy tú tán. Không phải là do việc kinh doanh không suôn sẻ, hay sự tiêu xài lãng phí quá mức gây ra, mà là do năm nhà tiêu hủy.

Nếu sự thật, những của cải này chẳng phải là vật chất của con người có thể làm chủ. Đức Phật đã từng nói: “Của cải là vật sở hữu chung của năm nhà”. Thế nào là năm nhà? Đó là: Tai họa do nước, tai họa do lửa, giặc cướp, quan lại tham ô, và con cái hư hỏng. Bởi vì, dù chúng ta giàu có cỡ nào, khi gặp phải một trận hỏa hoạn, thì nhà cửa tài sản bị thiêu đốt ra tro; khi gặp phải cơn lũ lụt, thì của cải đều bị cuốn trôi mất sạch; hoặc khi gặp giặc cướp hay gặp quan lại tham ô, họ sẽ chiếm đoạt tài sản của chúng ta; cho đến gần gũi như con cái trong nhà, do ăn chơi hư hỏng, cũng có thể đem gia tài trong nhà tiêu xài hết sạch. Cho nên, không cách gì bảo đảm thực sự chúng ta làm chủ tài sản, bởi vì của cải là sở hữu chung của năm nhà.

Tục ngữ có câu: “Của cải ở ngoài thân, khi sinh không mang đến, lúc chết cũng không mang theo”. Mỗi người chúng ta tay không đến thế gian này, cuối cùng rã tay không lại hoàn tay không, dù lúc hiện đời của cải bạc triệu đi nữa, nhưng khi chết vẫn không mang được một mảy may.

Đời nhà Tống có ông Vương Phủ cùng bạn hữu là Thái Kinh, Lương Sơn Thành, Lý Ngạn, Chu Điện, và Đặng Quán cùng nhau



nịnh hót Tống Huy Tông. Bọn hèn mọn ấy lộng quyền, ăn của đút lót phá pháp luật, được Hoàng đế yêu thích phong cho địa vị cao, người đương thời thường gọi là sáu kẻ giặc. Lúc bọn ấy còn giữ

chức vụ, cuộc sống của chúng vô cùng thối nát, tiêu xài xa hoa phung phí vô độ, mặc gấm lụa, ăn sơn hào hải vị, sung sướng không kẽ xiết. Vương Phủ sai người làm cho hắn một cái giường khảm ngà voi và cẩn thêm châu báu, ban đêm cái giường ấy phát ra ánh sáng lấp lánh, hắn nằm ngủ trên chiếc giường đó, đồng thời hắn sắp thêm những chiếc giường nhỏ hơn ở chung quanh, rã tuyển chọn mười thiếp rất xinh đẹp mỗi đêm ngủ chung với hắn, hắn đặt tên phòng ngủ ấy là Ủng Trướng.

Về sau, hắn âm thầm lén lút cấu kết với nước Kim gây chiến tranh, không may kế hoạch bị thất bại. Hoàng đế ban đầu chỉ ra lệnh đem ông sung vào quân lính, nhưng trên đường áp giải hắn đến làng Phụ Cố, lúc đoàn người tạm dừng chân ở một quán cơm nhỏ

bên đường, bất chợt có khoảng mươi mấy kỵ binh từ phía sau chạy tới, họ nhận ra Vương Phủ đang ngã, liền tuyên đọc thánh chỉ của Hoàng đế, lập tức ban tội chết đối với Vương Phủ.

Vương Phủ sau khi nghe xong thánh chỉ, hắn bàng hoàng biến đổi thành sắc. Dừng lặng giây lâu, lấy lại bình tĩnh hắn nói: “Vương Phủ cả đời hành sự, dù muôn lần đáng tội chết cũng không đủ để

đền trả. Chỉ cầu xin các Hiệu úy (chức quan) chuyển lời tâu của tôi lên Thánh thượng, sau khi tôi chết có một yêu cầu: Xin ban cho tôi một cái quan tài có hai cửa sổ hai bên, để lúc nhập殓, có thể cho duỗi hai cánh tay thẳng ra ngoài quan tài, và làm năm ngón tay xòe ra, chớ có để co nắm lại”.

“Vì sao?”. Quan Hiệu úy lạ lùng hỏi.

“Để cho mọi người đều biết tôi của cải thế ấy, nhưng một chút xíu cũng không mang theo xuống âm ty được”. Vương Phủ chậm rãi trả lời.

Trong cuộc sống có biết bao người dành dụm chắt chiu, cần cù tiết kiệm, một li một tí cũng không dám lãng phí. Nhờ vậy họ được

được một khoản tài sản lớn, rã cho vay nặng lãi, hoặc tự cất giấu riêng. Nhưng đến khi lâm chung không kịp xử lý số của cải ấy, thế

là bị sung vào của công, hoặc bị người khác chiếm đoạt, uổng phí một đời nhọc nhằn dành dụm, và cuối cùng không được hưởng chi cả. Có những người liều chết liều sống kiếm tiền mua sắm của cải,



để dành cho con cháu một tài sản kếtch xù. Nhưng sau khi người ấy chết r *ã* con cháu lại tranh giành hơn thua, hoặc ăn chơi cờ bạc đòn điếm, hay tiêu xài phung phí g *ần* như tiêu ma, thế mà những người con cháu ấy không có mảy may cảm thông đến sự khổ nhọc của cha mẹ lúc còn sinh ti *ền*. Vì thế có người nói: Để dành cho con cháu của cải quý nhất ch *ẳng* phải là vàng bạc châu báu, cũng ch *ẳng* phải biệt thự xe hơi, mà chính là tài năng học vấn và sự tu dưỡng về đạo đức. Có thể nói, ti *ền* của là vật ngoài thân đâu thể khư khư cất giữ

cho riêng mình, cũng đâu c *ần* làm trâu ngựa cho con cháu. Như thế của cải phải xử lý ra sao? Đức Phật nói: “Muôn thú mang đi ch *ẳng* được, chỉ có nghiệp luôn theo mình”. Của cải không thể mang theo một đ *ặng*, nhưng nghiệp lực sẽ theo ta đi suốt một mảy tơ cũng không sót. Vì thế, chúng ta có thể sử dụng số của cải tích trữ được để thực hành việc bố thí, gieo khắp nơi kết duyên lành với mọi người, hoặc làm các việc bắc cầu b *ã* lô, hay cứu giúp người khốn khó, hoặc thành lập cơ sở từ thiện và hội trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo, “Sử dụng của trong mười phương, cứu giúp người trong mười phương”. Chúng ta tận dụng tất cả của cải có được, để

làm thành công đức, thì hiện tại đời sống chúng ta chắc chắn an vui và hạnh phúc, đời sau chắc sinh vào cõi lành, con cháu cũng từ đó được thừa hưởng phước đức, còn niềm vui nào hơn mà chẳng làm?

LÀM SAO ĐỐI MẶT VỚI GIÀ BỆNH?

Con người không nhất định già đi mới phát bệnh, nhưng người còn trẻ cũng không tránh khỏi bệnh tật, “Trên con đường huỳnh tuyền có lầm mồ hoang người trẻ tuổi”, bệnh tật không phân biệt người già hay người trẻ. Có thể nói người tuổi già khi bị bệnh thường hay làm cho người ta không yên tâm, vậy người tuổi già khi bị bệnh phải làm thế nào? Có ba điều cần thể nghiệm:

- a. Từ tâm không khổ đưa đến thân không khổ:** Người không có nghị lực yếu kém, nếu các vị đánh an ta một cái, anh ta liền kêu la hờn oán. Nếu là người có nghị lực mạnh mẽ, thì dù trời rét thấu xương túy, họ cũng không nhăn mặt nhíu mày.

Gặp hoàn cảnh khó khăn, nếu các vị than phiền, thì sẽ càng cảm thấy khó chịu hơn. Có thể nói bị bệnh không phải là điều đáng lo ngại, khi thân thể có bệnh, thì tinh thần phải dã dào tráng kiện, không để cho chứng bệnh làm đau khổ.

b. Từ cách điều trị bệnh bằng thuốc chuyển sang điều trị

bằng tinh thần:

Người lớn tuổi hay sinh bệnh, họ rất vui mừng khi có dịp gặp các thầy thuốc. Nhưng thật ra, phần đông các vị thầy thuốc khi xem bệnh cho người lớn tuổi, họ thường hay chỉ cấp cho một vài loại thuốc để uống an ủi mà thôi. Như thế, các vị đến để tìm sự an ủi với một vài loại thuốc đó thì cần gì phải gặp thầy thuốc? Như vậy, câu hỏi ở chính mình chẳng phải là tốt hơn sao? Thế nên, mỗi người chúng ta đều có thể làm thầy thuốc cho chính mình. Khi thân thể

cảm thấy có phần hơi khó chịu, các vị cần tập luyện tinh thần của mình mạnh mẽ lên, ngay đó thể hội đạo lý tính bệnh vốn không, đừng để ý tới nó. Nếu có thể như thế thì bệnh tình của các vị sẽ

giảm đi phân nửa rã.

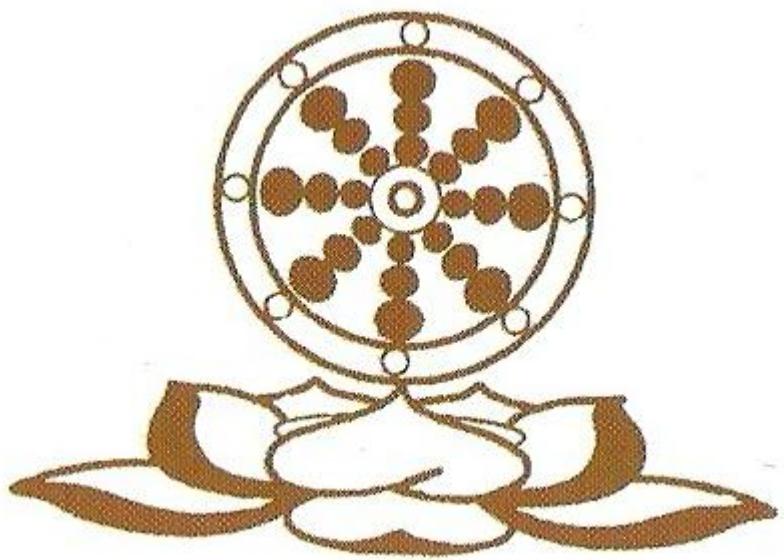
c. Từ sự khám phá cách buông bỏ chuyển đến sự an nhiên tự tại:

Các vị có thấy, chiếc giày của người xuất gia mang, phần trên có các quai (giày La-hán), ý nghĩa của nó là khi chúng ta cần mang thì phải cùi mình xuống để xỏ nó vào, các vị phải nhìn thấu việc này chớ quá câu chấp (lúc cần mang thì cùi xuống, lúc không cần lại thẳng lên).

Đời người giống như khi ta xách chiếc vali, lúc cần thì xách nó lên, nếu không cần thì bỏ nó xuống. Ngay cả khi đối diện với bệnh tật, các vị cần phải đạt tới chỗ an nhiên tự tại như bỏ chiếc vali vậy, thì mới có thể đối phó với bệnh tật.

Hai mươi mấy năm trước, lúc tôi khoảng hai mươi tuổi, trong tâm tràn đầy hoài bão vì giáo pháp, vì mọi người, nhưng khi ấy thân thể tôi chợt phát sinh bệnh phong thấp, hai chân không thể đi được, nằm trên giường hễ động nhẹ một chút là cảm thấy rất đau. Chịu đựng như thế một thời gian khá lâu, sau đến gấp thay thuốc, thay thuốc nói: “Đôi chân của Ngài hết cách chữa trị, vì bệnh xâm nhập quá trầm trọng, chỉ còn cách cưa bỏ thì mới khỏi”.

Khi ấy, trong tâm tôi không cảm thấy mình tàn phế rã phiền muộn, tôi suy nghĩ: “Đôi chân bị bệnh phong thấp phải cưa bỏ cũng





tốt! Đáng lẽ cuộc đời của tôi phải

là xuôi ngược Nam Bắc khổ nhọc,

nếu bây giờ phải cưa đôi chân, thì

cuộc đời của tôi sẽ an nhàn tự tại.

Không đi được thì thời gian của
tôi càng nhai, tôi ở trong thư
viện tha hồ đọc sách mặc tình
xem kinh, sự thể nghiệm về tâm
linh của tôi càng sâu, thì đời sống
của tôi càng có giá trị". Có thể nói
tôi không quan tâm đến người
khác sẽ chê cười hay chế giễu
mình, bởi vì tàn phế không phải là
vấn đề phiền muộn đối với tôi. Thái độ của tôi đối với bệnh phong thấp có
lẽ các vị cần nên tham khảo.

Giống như cô Helen Keller, (có trong Gương kiên nhẫn–

Nguyễn Hiến Lê) ở nước Mỹ, cô là người tàn phế nặng bị câm điếc và mù, có thể nói thân thể của cô mười phần yếu khuyết, nhưng cô là bậc vĩ nhân trong thời đại của chúng ta. Thế nên, già chết không phải là điều đáng sợ, chúng ta sợ nhất là tinh thần không vững vàng. Người già không cần nôn nóng, cốt làm sao tinh thần phải kiên định, đừng nghĩ khi nào mãi mãi không già thì mới tu hành.

PHẦN 2
KHAI THỊ LỤC



PHÁP MÔN TÂM ĐỊA

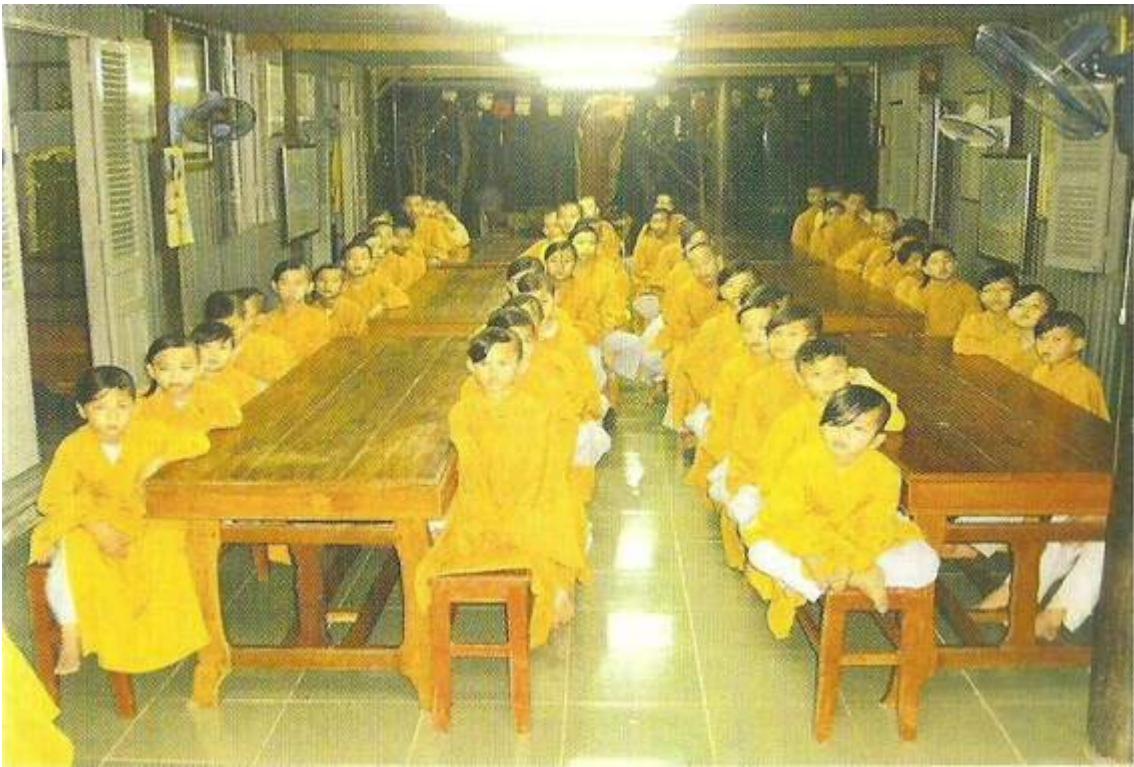
Chư vị đ^ong học! Bốn chữ “Pháp môn tâm địa”, chúng ta y như

trên mỗi mỗi xem qua. Chẳng biết ý nghĩa của bốn chữ ấy rất là quan trọng, rất là rộng lớn, nhưng phải cẩn thận lãnh hội, thì mới có thể ngộ đạo, sao lại mong chờ? Vì bốn chữ ấy phân bày giảng giải, “Tâm” đây chính là Phật, “Địa” dụ cho tâm lượng, “Pháp” dụ cho chính, “Môn” dụ cho đường lớn, vậy nói tâm này nêu giống như địa (Đất tâm), tức chúng ta đã đi trên con đường chánh giác.

Tự tâm chúng ta xưa nay trùm khắp vô lượng, hay sinh muôn pháp, cũng như địa (Đất tâm) có đầy đủ công đức rộng lớn thâm hậu, hay sinh vạn vật, vì thế dùng làm ví dụ. Địa cho nên thường sinh vạn vật vậy, rã cũng thường mặt cuộc tùy thời, sở hành vô sự hồn nhiên không biệt, yên lặng chẳng động. Mà chúng sinh quên chân tùng vọng, thấy cảnh sinh tâm, gặp cảnh vật liền khởi niệm phân biệt, khi đó tự

che mờ tính giác, tăng thêm chướng ngại. Người học Phật trừ vọng tu chân, tức phải dùng pháp bình đẳng, rã núi sông đất bằng đều nhân nơi vọng mà sinh, có thành át có hoại, chúng ta cần gì phải lấy vọng làm pháp? Nên biết địa (Đất tâm) tuy là vọng nhưng nó thường sinh trưởng công đức vô lượng. Địa (Đất tâm) thường sinh trưởng tất cả vật hay chuyên chở tất cả vật, thường dung chứa tất cả vật, lại còn sinh trưởng tất cả vật, mà còn nuôi dưỡng tất cả chúng sinh, tự lợi tự tha; chuyên chở tất cả vật từ lớn cho đến nhỏ, dơ sạch đằng một thể, mà cái thấy không thủ xả phân biệt; bao trùm tất cả vật, yên lặng chẳng động, không một niệm cự tuyệt sân giận. Cho nên gọi là tâm địa, giả sử

chúng ta thấy rõ tâm lượng, có thể rộng lớn đằng như hư không, và tâm ấy đằng một dạng lợi tha, không thủ xả sân giận ngã chấp, thì



không khó chân như bốn tám sẽ tương hợp, lại chẳng có thành tựu sao? Chúng ta học rõ pháp môn tâm địa, mỗi ngày nói vầy tâm địa không chẳng? Lợi tha vô ngã, đại để chúng ta phải rõ tâm ấy, chẳng hay giống như tâm rộng lớn ngang nhau, thường có thể nuôi dưỡng tất cả chúng sinh. Và bao trùm dung chứa, nghe người nói dơ bẩn chẳng động? Không nên nói người ấy chịu được dơ bẩn, chỉ sợ một câu nói đâu có thể dung chứa tất cả. Không nên nói nuôi dưỡng tất cả chúng sinh, chỉ sợ đối với tự mình và người thân thuộc, ngõ hào tự mình lợi tha, như thế lại nói thế nào là tâm địa! Chúng ta học pháp môn tâm địa, giờ giờ khắc khắc cần nên giống như tự tâm, muốn được cứu cánh không nên so đo được mất, theo tôi xem chừng, không nên nói giống như đất bằng rộng lớn như thế, thậm chí nói liền một mẫu đất (10.000

mét vuông) như thế là nhỏ. Vì có sao? Một mẫu đất một năm có bốn mùa, lại thường nuôi dưỡng chúng sinh, vậy có phạm mà không có sửa chữa bao dung, thử hỏi tâm lượng chúng ta. Như thế một mẫu đất sinh dưỡng dung chứa ra sao? Nếu chúng ta không suy nghĩ như trên lại dụng công, không bàn luận như thế và không được chấp trước thọ

dụng.

Địa (Đất tâm) thường rộng lớn hay sinh trưởng muôn vật, và có khả năng chuyên chở bao dung, nên trời hợp Đức ấy, bởi vậy người xưa gọi trời đất là Đức vậy. “Đức lớn” phàm thuộc tâm lượng công đức, cùng đằng bằng phẳng một bậc như nhau, tức là Đại Đức (Đức lớn), người học Phật nếu có thành tựu, cũng gọi là Đại đức. Nhà Nho nói rằng: “Như Đại Đức tất được gọi là vị (Ngôi vị), tất được gọi là lộc, tất được gọi là thọ, tất được gọi là danh”. Người học Phật mà thành Đại Đức, đối với địa vị phúc, lộc, thọ, danh, lợi giống như điện chớp không thật, người mới phát tâm chẳng hiểu rõ Phật pháp, có khi ầm người đến với Phật pháp là vì địa vị phúc lộc thọ lợi danh, tất cả

chúng ta cần nên thấy rõ địa vị khả năng của mình. Nếu ta tưởng thành được Đại Đức tức tâm lượng và công đức, nói chung tất phải đằng với Đại Địa.

Chư vị đằng học! Vì sao chúng được địa vị Bồ-tát? Nếu tâm lượng và công đức ấy, trang nghiêm thanh tịnh đằng với đất tâm rộng lớn kia, cho đến hàng nhị địa và tam địa của Bồ-tát, nhưng tâm lượng và công đức, nên đằng với hai địa và ba địa rộng lớn như nhau, cho đến vượt ngoài thập địa (Thập địa Bồ-tát), đây gọi là Đẳng giác Diệu giác, chúng ta cần nên suy nghĩ thật kỹ, công đức tâm lượng của chúng ta thể tánh nó rộng lớn có một không hai, nên biệt tâm, Phật và chúng sinh cả ba không sai biệt. Tự tâm chúng ta là Phật, xưa nay đây đủ vô lượng công đức, so với thập địa vẫn rộng lớn, chỉ duyên với vọng tâm chẳng dừng, luôn luôn chấp trước ngoại cảnh, ngăn che chân như tự

tính. Cũng như ánh sáng mặt trời mặt trăng, vốn có thể chiếu sáng khắp nơi, chỉ vì ánh mây che phủ, nên chẳng hiện rõ. Một mai mây mù tiêu tan trời quang mây tạnh, người tu hành một niệm chân tâm, vượt



ngoài thập địa, sao lại như thế? Nên Bồ-tát Quảng Ngạch buông đao ngay
đó liền thành Phật.

Chúng ta nên hiểu rõ rằng: Tâm có thể thành tựu được như thế là công đức thật nhất, rất tốt là ở tại hồn nhiên vô tư, yên lặng chẳng động, cho nên ở chỗ thấy biết nhất không tốt, nếu chúng ta còn dính mắc với ngoại cảnh, còn nếu chúng ta dung chứa nhưng không động, thì đối với thế giới này có là bao. Nên thấy biết nhất mà chẳng động, còn vọng tâm như lửa đốt,

chúng ta vọng tâm giống như lửa ở trong tâm tự thiêu đốt, liền sinh phiền não, nên phiền não cũng gọi là nhiệt não, tức là căn bản tạo nghiệp vậy.

Tam giới duy tâm, cũng gọi nhà lửa,
trong nhà lửa vốn có Pháp vương (Phật
tánh), người học Phật vốn ở trong nhà
lửa mà tìm Pháp vương, tài tính chân hữu thọ dụng. Mà phàm phu nhẫn
huyễn làm chân, xả chân cái huyễn.
Gọi là dùng quạt lông che mắt, như hoa

roi rụng trên không, chỉ thấy không hoa,
chẳng thấy Pháp vương, do không biết
tam giới nhất tâm, chuyển thức thành

trí, lìa vọng túc chân, chân túc Pháp vương vậy, không tìm tự thấy, phàm
phu chẳng ngộ lý này, trong tâm thường bị vô minh phiền não thiêu đốt,
chẳng những không thấy Pháp vương, lại bị phiền não này làm tổn hại các
công đức, cho nên một tâm niệm sân khởi, thiêu đốt sạch cả rừng công đức.
Chúng ta học Phật pháp môn đại thừa, nên biết các pháp như huyễn, các
pháp cũng chân. Phàm sự chẳng động vô minh, không sinh phiền não, nhận
định như thế là tốt, tốt rồi lại hoại, tất cả tất cả, chẳng thủ chẳng xả, chẳng
những lửa không thể đốt mà lửa này chuyển thành trí tuệ quang minh,
chiếu khắp vô biên và các pháp đồng một thể. Tự tâm chúng ta vốn là tự
chủ, chỉ cần định lực chẳng đủ lại thường bị nghiệp ngoại cảnh xoay
chuyển, nhưng nghiệp không có tự tính, chỉ cần chúng ta biết được tâm
vọng, tâm phải quấy, tâm sân hận, tâm phân biệt, cho đến một trăm sáu
mươi loại tâm tương tục, tâm mươi bốn ngàn lần lao tâm, đều thảy không
đến, diệu minh chân tâm tự nhiên hiện tiền.

Pháp môn tâm địa, dùng thiền và mật song tu mau chống thổi nhập chân tâm, tức phàm chuyển thành thánh tu chứng được Bồ-tát địa, chúng ta nên tu pháp môn vô thượng thế này, tức là chúng ta có nhân duyên thuần thực, Huệ Minh chẳng qua chỉ đường mà thôi. Hy vọng chúng ta những việc khó hành nên hành, khó nhẫn nên nhẫn, khó xả

nên xả, khó thành nên thành, nỗ lực ở trong tâm địa dụng công, như

quả ngộ mà chẳng ngộ, thấy đằng như chưa thấy, để lỡ thắng duyên há chẳng tiếc sao. Phải biết sinh tử là việc lớn, vô thường mau chóng, chúng ta học Phật là vấn đề giải quyết sinh tử, nếu như có công dụng, không chỉ không được thọ dụng chân thật, lại sợ chuyển thêm nghiệp chướng. Chúng ta lại không nói vấn đề giải quyết sinh tử, cái gì là phiền não, nếu đạo không vọng tưởng lập mạng thì sinh tâm chán đời, chỉ cần nương tâm địa pháp môn, tu tâm thiết thực, người học Phật pháp phải có tâm địa bao dung, không chỉ thanh lương tự tại, thảy đều chuyển động tất cả, mục đích Phật pháp vốn là cứu thế độ sinh, nói đơn giản nên cầu nhân tâm. Người học Phật muốn cầu nhân tâm, trước tiên phải cầu tự tâm, muốn cầu tự tâm, nên phải biết ở trong tâm niệm



dụng công, tiêu trừ tất cả niêm ác, tăng trưởng tất cả niêm thiện, c`ần nêu thời thời kiểm tra tự tâm chẳng khởi vọng tưởng, lớn chẳng lớn, thường hay đ`ồng đất tâm một loại chẳng động, không có một loại công đức, như thế ở đây chân tu pháp môn tâm địa, ta tặng tất cả quý vị bốn câu kệ tham cứu kỹ lưỡng tự nhiên có ích.

Học Phật tại tâm bất ngoại c`ầu

Tâm địa từ bi đức cụ túc

Tham sân si ái nghi vọng tận

Bất động vô minh thị hoạt Phật

Dịch:

Học Phật tại tâm chẳng ngoại c`ầu

Tâm địa từ bi đức dày đù

Tham sân si ái nghi tiêu trừ

Vô minh chẳng động đây là Phật.

THẦU SUỐT PHÁP MÔN TÂM ĐỊA

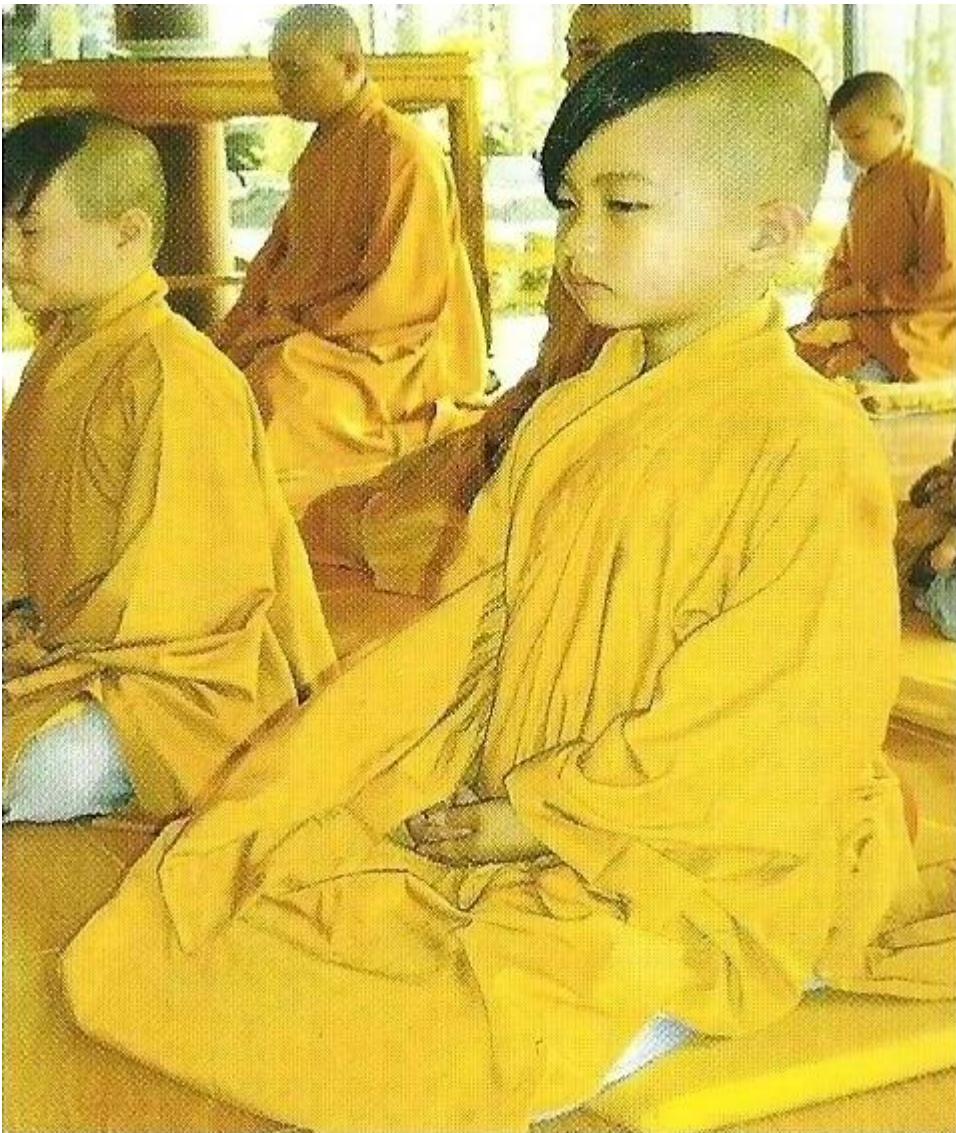
Người học Phật muốn thấy “Bản lai diện mục”, cửa ải đầu tiên cần phải đả phá sinh tử. Trước khi muốn đả phá sinh tử, cần phải quét sạch ác nghiệp của thân tâm từ vô thủy đến nay. Muốn trừ sạch tập nghiệp ấy cần nên hạ thủ công phu giữ gìn giới luật, giữ giới tinh nghiêm ác nghiệp tiêu trừ, một khi hết sạch ác nghiệp bản tính hiện tiền. Chỉ có pháp môn tâm địa là giới tâm, giới tướng thâm cao hạ thủ công phu thì chẳng khác, đây là tiện lợi, bậc sơ cơ làm phương pháp quyết định tiêu trừ tập nghiệp, cũng gọi là phương tiện thấu suốt. Thấu suốt và trì giới ý nghĩa chẳng hai, nếu trừ sạch ác nghiệp. Cửa dụ cho ác nghiệp, ác nghiệp hết nên gọi là thấu suốt. Và lập ra tám điều: Một là tâm và miệng chẳng khác, hai là sát đạo tà dâm, ba là hai lưỡi ác khẩu, bốn là tham lam keo kiệt, năm là sân hận ghen ghét, sáu là tự cao khinh người, bảy là tín tâm không kiên cố, tám là ngã chấp phiền não. Lập ra tám điều này, là chỉ cho học nhân phải giữ gìn thân giới và tâm giới, điều do họ có tập khí, thì tùy theo người trước sai phạm mà tiêu trừ, và để cho người sau không phạm, quyết tâm tự hướng Phật tiêm nghiêm lập trì giới, thấu suốt thệ nguyện, tự lòng sám hối. Sám là tự xấu hổ

chuyện đã qua. Hối là về sau không tái phạm, kỳ hẹn một ngày gần đây mỗi mỗi thông qua. Hoặc một thời gian ngắn tiêu trừ một ít, tỉ mỉ

rõ ràng cân nhắc kỳ hạn đã lâu, tùy duyên định đoạt. Trong hạn kỳ ấy khiếu cho ác nghiệp tiêu trừ, người phạm đã không tái phạm nữa, người đã phạm tự dễ tiêu trừ, người đời nay tu trì công phu thực tế, nếu không thường thực hành thấu suốt thì trong người ấy tập nghiệp



nặng nề, tức là người ấy Phật pháp nông cạn, còn ngăn cách cửa tường,
khả năng thâm nhập tâm địa chẳng qua là vô ngã và vô tướng pháp môn.



PHÁP MÔN TÂM ĐỊA VÀ PHẬT MA, MỘT TÂM

Người thiện và ác đều do tâm

sinh, tâm thiện túc là Phật, tâm ác túc

là ma, Phật mà vốn không định tính,

nhưng tùy tâm niệm thiện ác chuyển

đổi. Thành Phật, cung kính, từ bi, cẩn

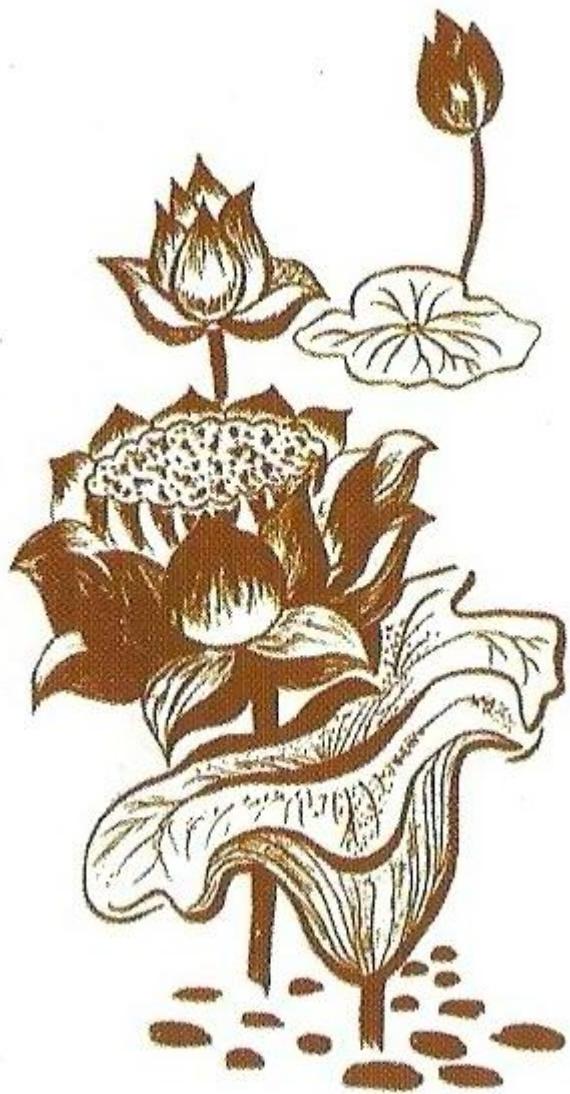
kiêm là niêm thiện. Dối trá, kiêu
mạn, sân hận, dâm dục là niêm ác.

Cho nên một niêm thiện tức Phật
hiện tiễn. Thân tâm, hoàn cảnh, tất cả
hành vi tốt lành, hóa ra ở Phật.

Không chỉ người thiện dù cho việc
thiện, người ác cũng có thể chuyển thành thiện, vì một niêm ác tức ma hiện
tiễn, thân tâm hoàn cảnh chuyển thành ác liệt, thì hóa ra ma.

Không chỉ người tâm ác dù cho việc ác, vì người tâm thiện cũng có thể
chuyển thành ác. Cho nên nói: “Phàm thánh chẳng lìa một tâm, thiện ác đâu
do tâm tạo”. Tâm Phật tức là Phật, tâm ma tức là ma, lý xưa nay là thế.
Thời đại mạc pháp, nhiều người mê muội thiện ác chẳng rõ, và tự vùi trong
khổ não lại có tâm thâm hiểm độc. Chúng ta tạo ra lời nói hiền hòa từ tốn,
đây là người không có khả năng dõi lừa thiên hạ, ở

đời chó có mâu thuẫn với nhau. Thật ra, chúng ta chẳng biết tâm ác tà ma,
và những nghiệp lực phát động, nếu nhỏ thì bệnh khổ tán loạn, còn lớn tức
trầm luân vào con đường ác. Trước kia ỷ lại nhân thiện sinh tâm kiêu hãnh,
một khi phước báo đã hết, ác báo nhiều vô cùng, há



chẳng hiểm nguy lấm sao? Người tạo việc thiện thì đi vào đường lành, người tạo việc ác lại rơi vào đường dữ. Nói chung Phật và ma chẳng lià tự tâm. Vì có sao? Tất cả do tâm tạo, tâm sinh nên các pháp sinh, tâm diệt tức các pháp diệt. Chỉ không tự tính, pháp không có tà chính, tâm chính tu pháp tà, tà pháp cũng trở thành chính, tâm tà tu pháp chính, chính pháp cũng trở thành tà, tâm thiện túc chuyển ma thành Phật, tâm ác lại chuyển Phật thành ma. Ta và tất cả người khởi tâm động niệm giao tiếp, sao chẳng cẩn thận ư!



LUẬN CHÁNH ĐẠO

Phật giáo chánh tông là nói v`engô đạo, ngộ đạo là chánh yếu, làm sao chứng? Tùy duyên ngộ đạo gọi là chứng, tùy duyên ngộ đạo thì không bao giờ thổi tâm, cho nên Thiền sư Linh Vân tọa thiền hơn ba mươi năm, Ngài xem thấy hoa đào mà ngộ đạo.

Tam thập niên lai tâm kiếm khách.

Kỉ hæ lạc diệp kỉ trừu chi,

Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu.

Trực đáo như kim bất cánh nghi.

Dịch:

Ba mươi năm qua tìm kiếm khách,

Ba lần lá rụng với cành khô.
Từ khi được thấy hoa đào nở,
Cho đến ngày nay chẳng chút ngò.



Nhân này lão Quy Sơn chứng tùy duyên ngộ đạo muôn kiếp không thối
tâm, nên tùy duyên ngộ đạo gọi là chứng.

Đắc đạo vì sao là chính yếu? Phật Oai Âm Vương trước kia không thày có
thể tự ngộ đạo, từ Phật Oai Âm Vương về sau được đạo cũng theo đó mà
chứng minh, cho nên lịch đại Tổ Sư, đều là hổ tương chứng minh, vậy
trong kinh *Lăng Nghiêm* có hai mươi lăm vị Bồ-tát tu chứng viên thông, và
mong cầu Phật chứng minh.

LUẬN HỌC GIÁO

Các vị Pháp sư từ bi, các vị đang học: Hôm nay có duyên, đại chúng tềtu về đây, tôi chẳng thường cao hứng, chỉ không một vật tặng biếu, nhưng nói sơ lược đại nghĩa Phật pháp, ngong mong cúng dường.

Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta-bà nói pháp bốn mươi chín năm, nói kinh hơn ba trăm hội, và tự rằng một lời không nói, thuyết năm uẩn mà thôi, biết được năm uẩn là không, liền rõ được sinh tử, chúng ta xem ngay bộ Tâm kinh, hơn hai trăm chữ, đây là đại ý soi thấy năm uẩn đầu không, liền qua hết tất cả khổ ách, thấy được các pháp không tướng, ngay đây Bồ-tát thấy được cứu cánh Niết-bàn. Thế

thì, ba đời chư Phật chứng được A-nậu Bồ-đề (Sự giác ngộ cao nhất, trùm khắp tất cả), năm uẩn là gì? Thế nào là chúng sinh? Lìa năm uẩn không có chúng sinh, năm uẩn không thì chúng sinh độ hết và chứng được Bồ-đề, đây là tông chỉ của chư Phật ba đời, một khi như thế mỗi mỗi đầu không, khi xem kinh Phật, tuy nhiên dạy chúng ta giữ tâm thiền định thấy được Như Lai, lìa năm thứ ô trược (Một kiếp trược, hai kiến trược, ba phiền não, bốn chúng sinh trược, năm mạng trược) và năm uẩn, sắc uẩn làm chướng ngại gọi kiếp trược, cảm giác của thọ

uẩn là kiến trược, tướng uẩn hư vọng là phiền não trược, hành uẩn tạo nghiệp là chúng sinh trược, thức uẩn hợp lại làm nhân là mạng trược, năm trược đầu không Niết-bàn hiện tiền, thấy được Phật tánh, cho nên kinh Phật dạy người tu thiền, thiền định xa lìa ngũ trược để đạt đến Niết-bàn.

Tính tướng của các pháp nói đủ và rộng ra thì trong kinh Lăng Nghiêm có dạy người hội bốn khoa dung bảy đại, giải sáu kết, vượt tam không, và phá ngũ uẩn, bốn khoa là: Năm uẩn, sáu nhập, mười hai sứ, mười tám giới.

Ngũ uẩn là: Tâm sắc hòa hợp đây gọi là chúng sinh, lục nhập...

Mở tâm hợp sắc, mười hai sứ là mở sắc hợp tâm, mười tám giới... Tâm sắc đầu mở nói năm uẩn chúng sinh, bảy đại là... Trước năm đại là sắc, sau hai đại gọi là tâm, tâm sắc hòa hợp gọi là chúng sinh; hội bốn khoa dung bảy đại vềNhư Lai tang, tức là năm uẩn đầu không liền thấy được Phật tính vậy.

Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta phá năm uẩn, Bồ-tát Quán Âm tai nghe viên thông giải thích được rõ ràng; “Mới nghe ở trong nhập vào vong sở”. Từ trong căn tai nghe tự tính hạ thủ, tức là trong bảy đại và kiến đại, hai tướng động tịnh rõ ràng chẳng sinh, động và tịnh thuộc về

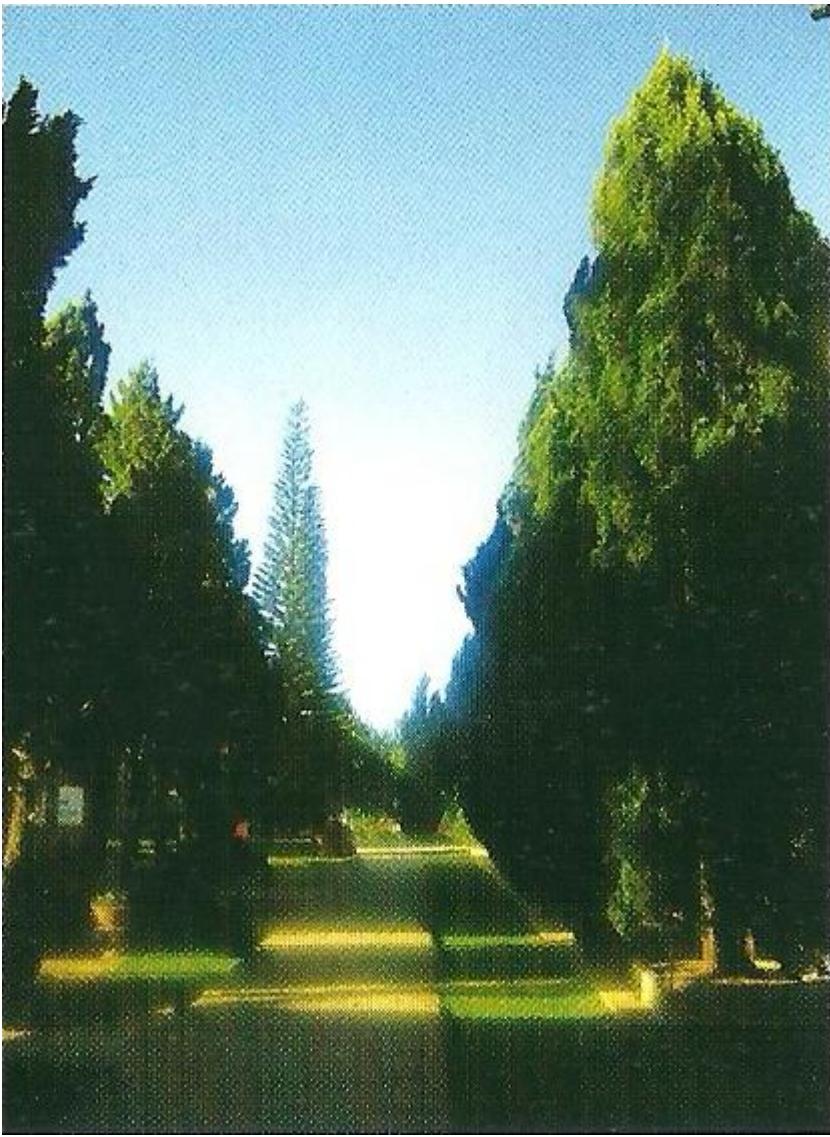
sắc uẩn, nhập vào tính lưu thời sắc uẩn đều không, người xưa nói đi chẳng biết đi, ngã chẳng biết ngã, ngay đây là cảnh giới gì? “Như thế

tăng dã, nghe và hay nghe đều không, đây là phá thọ uẩn”, “Nghe cũng chẳng trụ, chổ giác cũng không”. Chỗ giác căn trấn đều sạch, cái hay giác sáu thức cũng không, đây là phá tưởng ảm, “Giác không tròn đây, không chổ để diệt” chổ không, mười tám giới đây là pháp thể

gian, trí không xuất thế túc là thánh giải diệt, đây là phá hành ảm.

“Sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, tự thể sinh diệt là thức thứ tám, sinh diệt đồng thời diệt, tịch diệt hiện tiền, đây là phá thức ảm, khoát nhiên vượt ngoài thế gian và xuất thế gian, mười phương viên minh, cả

hai thù thắng, một là trên hợp mười phương chư Phật bản diệu giác tâm, và Phật Như Lai đồng một bi lực, hai là dưới hợp mười phương



tất cả lục đạo chúng sinh, và các chúng sinh đ`ầy một bi ngưỡng”. Thế là ngũ uẩn đ`ầy không thì Phật tính khởi đại dụng, thượng c`ầu Phật đạo hóa chúng sinh.

Kinh Lăng Nghiêm giải sáu kết vượt tam không đ`ầy là phá trừ năm uẩn, sáu kết là: Động, tịnh, căn, giác, không, diệt. Tam không là: Một là người không, tức là sáu kết trong động, tịnh, căn, giác tứ kết giải, trong năm uẩn sắc thọ tưởng ba uẩn đ`ầy không, người ấy chứng được vô ngã; hai là pháp không: Trong sáu kết đ`ầy không chỗ không diệt tức là không kết giải, trong năm uẩn hành uẩn diệt; ba là không không, sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện

tì ền, trong sáu kết túc diệt kết giải, trong năm uẩn phá thức uẩn, thì người ấy chứng được Như Lai tặng Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội.

Kinh Pháp Hoa khai quy ền hiển thật, cũng chẳng qua dùng quy ền trí khai phá năm uẩn, hiển thị thật trí Phật tính phải trải qua năm trăm do tu ần mới đến “Bảo sở”, khai Phật

tri kiến thấy cảnh giới Phật, vô lượng

trân bảo không c ầu tự được, phàm phu

năm uẩn chưa không, cho nên bị che

mờ Phật tính, nên gọi năm trăm do

tu ần, Nhị thừa tuy phá được ba uẩn

sắc, thọ, tưởng, phải trải qua ba trăm

do tu ần, chung cuộc chỉ đến “Hóa

thành”, thành này chẳng thật, lại phá

hai uẩn thức và hành, phải trải qua hai

trăm do tu ần mới đến “Bảo sở”. Kinh

Pháp Hoa ở thế giới Ta-bà sau cùng có

nói, trước kia các kinh chưa từng khai quy ền, hôm nay Kinh Pháp Hoa hiển thực, cho nên *kinh Pháp Hoa* là tối thắng đệ nhất, là vua trong các kinh.

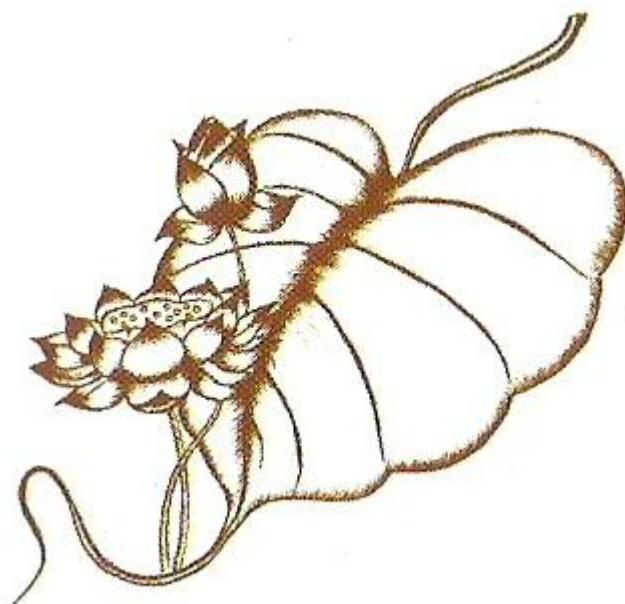
Đức Thế Tôn ở thế giới hoa tang đối với các vị Bồ-tát chỉ nói rõ một bộ *kinh Hoa Nghiêm*, hoàn toàn không phân biệt kinh so sánh loại nào, nếu chẳng khen là đệ nhất, *kinh Pháp Hoa* khai thị Phật tri kiến, kinh Hoa Nghiêm chỉ thấy cảnh giới Phật, nên hai kinh gần giống nhau vậy.

Đến chỗ tông Duy thức, nói rộng tám thức danh tướng, nay người nhận thức thứ tám thức vô tính, chuyển tám thức thành tứ trí Bồ-đề, trước

chuyển năm thức thành sở tác trí, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, chuyển thức thứ bảy thành bình đẳng tính trí, chuyển thức thứ tám thành đại viễn cảnh trí, trên nói tám thức và năm uẩn, trước năm thức là thọ uẩn, năm thức đối với năm tràn là sắc uẩn, thức thứ

sáu là tưởng uẩn, thức thứ bảy là hành uẩn, thức thứ tám là A-mạt-na là thức uẩn, lìa tám thức không có chúng sinh, chuyển tám thức thành bốn trí Bồ-đề, há chẳng độ tận chúng sinh mà thành Phật đạo? Tông Duy Thức chủ yếu chỉ rõ năm pháp, cho nên gọi danh, tướng, vọng tưởng, thật trí, như như, danh tướng không thấy như như, vọng tưởng không chứng chân trí, dạy người xa lìa danh tướng vọng tưởng, thấy được chân trí như như.

Kinh Tiểu thừa bốn bộ *A-hàm* mỗi mỗi nói năm uẩn nêu chẳng luận, kinh Đại thừa cho đến tối thượng Bát-nhã cũng chẳng qua rộng nói năm uẩn là tướng hư vọng, phá phàm thánh tình chấp vậy. Tóm lại, Như Lai một đời giáo hóa dạy chúng ta, không tự mình đích xác năm uẩn, thấy chính mình là thấy Phật tính, toàn tính khởi tu chứng Hoa tang thế giới, nhập cảnh thánh hoa tang.



Các vị đặng học, chúng ta ban đầu học kinh, là mỗi bộ đọc từng đoạn ngắn, thậm chí đến nỗi thuộc lòng, đọc rã tư duy nghĩa ấy, một là đọc hoàn toàn

mà chưa có ít nhất hai vị, thứ hai thứ ba đọc trước biết sau, đọc sau biết trước, đọc giữa rầm biết trước sau, chỉnh trong bộ

kinh đại ý hiển hiện trước mắt, cho đến danh tướng trong kinh, mỗi mỗi giáo thừa pháp số liền rõ, ngoài ra chủ yếu nghiêm trì giới luật, và tùy thời, tùy chỗ dụng công ít nhất, hoặc tọa thiền hoặc niệm Phật, hoặc trì chú, chẳng biết chẳng giác một niệm tương ứng, trừ sạch vọng tưởng, liền giải yếu nghĩa trong kinh.

Người thanh niên thân tâm rất sung mãn, nếu như hai mươi đến ba mươi tuổi, đây là người tu hành thời đại hoàn kim, chứ có phụ lòng không quá mươi năm rất tốt đẹp!

Chúc các vị nỗ lực tinh tấn tu hành, đạo tâm kiên cố tiễn đắc quang minh vô lượng.

ƯNG VÔ SỞ TRỤ NHI SINH KỲ TÂM

Các vị đắc học! “Ung vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” (Nên không chỗ trụ, mà sinh tâm kia...) hai câu kinh này, trong kinh Kim Cang hai câu này rất quan trọng, nay lược nói kinh Kim Cang là thật tướng Bát-nhã, Phật vì phát tâm đại thừa mà thuyết, vì phát tâm tối thượng thừa mà thuyết, có thể khai mở trí huệ lớn của học nhân, toàn bộ kinh Kim Cang đều nhằm chỗ phá tướng hiển bày thể tính, “Ung vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm”. Hai câu này thể dụng rõ ràng. Vì sao là thể dụng? “Ung vô sở trụ” là thể, “Nhi sinh kỳ tâm” là dụng, dụng chẳng lìa thể, thể

chẳng lìa dụng. “Ung vô sở trụ” là không chấp có, “Nhi sinh kỳ tâm” cũng chẳng chấp không, đây là bốn chỉ kinh Kim Cang. Cho nên Lục Tổ nghe hai câu kinh này, ngay đó liền ngộ đạo. Lục Tổ vì sao một nghe liền ngộ, phải biết Lục Tổ là nhục thân của Bồ-tát, sớm đã kiến tính, vì thế cho nên thử xem Lục Tổ nói kệ: Bồ-đề bốn vô tho,

Minh cảnh diệt phi dài,

Bốn lai vô nhất vật

Hà xú nhạ tr`ân ai?

Dịch:



B`ôđ`êvõn không cây,

Gương sáng cũng chẳng dài,

Xưa nay không một vật,

Chỗ nào dính bụi bặm.

Ngũ Tổ do đó nói kệ, biết Lục Tổ đã ngộ không trụ bản tính là thể, mà chưa rõ sinh tâm khởi dụng là Diệu, nên đến canh ba Ngài vào thất, Ngũ TỔ truyền kinh đến hai câu “Ung vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” Lục Tổ liền đại ngộ lý thể dụng không hai. Về sau tức y như thế mà giáo hóa học nhân, làm hưng thịnh tông phong, đủ thấy hai câu kinh này thật phi thường thiết yếu, nên tất cả chúng ta đặc biệt chú ý.

“Ung vô sở trụ”, ngay đây tất cả không trụ, tất cả không trụ, đây tức là cảnh giới thật tướng, đã ngộ thật tướng vô tướng là không có chỗ được, nên không có chấp ngã, phiền não sinh tử, vô minh không thể trụ, nếu chấp trước vô trụ lại rơi vào thiên không (lý Không mà Tiểu thừa chứng đắc, vì chỉ biết Không mà chẳng biết Bát không nên gọi là Thiên không). Vì có sao? Phải biết chân không là chẳng không.

Thế nào là chẳng không? Yên lặng mà thường biết, khởi dụng tự thấy.

Khởi dụng thế nào? Nương trí Bát-nhã mà sinh tâm kia! Đây tức là khởi dụng. Vì sao sinh tâm kia? Tức sinh gấp người xưa nay đây đủ

diệu minh chân tâm, đây là Bồ-tát sinh tâm bi nguyện vô tận, tâm Bồ

đề, tâm từ bi, tâm bình đẳng, tâm lợi tha vô ngã, tâm như thế v.v.. đây là không chỗ trụ mà sinh tâm kia. Thì đây chính là chân tâm, thanh tịnh tâm, cũng gọi là tâm Phật. Do chúng sinh lại sinh tâm ấy là tâm tham, tâm chấp ngã, tâm cống cao, tâm phân biệt, cho đến tâm mươi bốn ngàn tâm phiền não. Tâm như thế v.v... đây là có chỗ trụ mà sinh tâm kia, ngay đó là tâm vọng, tâm nghiệp thức, cũng gọi là tâm chúng sinh. Vì thế, nhân chúng sinh mỗi mỗi chấp tướng, tướng nào đều nên vọng tâm cũng nào, nào tâm tức chẳng thanh tịnh, tâm không thanh tịnh thì không ngộ được chân tâm thật tướng. Nếu người học Phật muốn ngộ được chân tâm thật tướng, cần phải buông hết tất cả, tất cả không trụ chân tâm tự thấy, đây chính là đạo tâm. Đạo từ tâm sinh, đạo do tâm thấy, giảng đến cứu cánh một chữ đạo này cũng không thể nói, cho nên “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành lô tuyệt”. Lý này vi diệu, người mới học không thể lãnh ngộ, Phật cần người lãnh ngộ thật tướng vô tướng, lìa niệm tức là chân tâm, nên nói “Ung vô sở

trụ”, Phật cần người lãnh ngộ khởi dụng là Diệu nên phương tiện nói

“Nhi sinh kỳ tâm”, hai câu “Ung vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” xem lại rất mâu nhiệm, kỳ thật như thế như thế.

Các vị đặng học! Đã biết ưng vô sở trụ tức là thật tướng Bồ-đề, cũng là cảnh giới pháp thân Phật, há chẳng cần để tìm thật tướng này, tìm pháp thân Phật này, tìm tức chẳng phải. Vì có sao? Thật tướng, vô tướng không

thể tìm, ngay đây liền buông! Động niệm liền trái, lại khởi tâm tìm liền thành vọng tưởng. Phải biết cảnh giới thật tướng này, không chỉ có riêng chư Phật, chúng ta ai ai cũng vốn tự đầy đủ. Vì thế

cho nên, Phật và chúng sinh xưa nay chẳng hai, chỉ cần khoảnh khắc nhắm mắt yên lặng, một niệm không sinh túc như như bất động, vạn vật đang thế, đây chính là chân tâm thật tướng vô trụ. Như một niệm động nhẹ, túc là có chỗ trụ, có chỗ trụ túc không có thật tướng. Cho nên Cố Đức nói: “Một niệm không sinh toàn thể hiện tiền, sáu căn vừa động liền bị mây che”. Các nhà tu hành chẳng hay tương ưng, nhân có chỗ trụ nên có chỗ cầu; có trụ có cầu liền thêm trói buộc, đâu có thể tự

thấy bản tính?

Hiện tại, các nhà tu hành pháp môn tâm địa, nên giống như không chỗ trụ mà sinh tâm kia là đạo lý thanh tịnh, cần nên sáng tỏ hai câu kinh thể dụng này, trước tiên lập thể rã sau mới khởi dụng. Làm sao lập thể? Tất cả có cầu liền có trụ, tâm buông hết tất cả vọng tưởng, nên vọng tâm tự an, túc không trụ chân tâm tự nhiên hiện tiền. Chúng ta phải sáng suốt buông hết vọng tưởng là tốt. Vì sao? Người có nghiệp thức thâm sâu, buông chẳng được, nhân vì buông chẳng được nên muốn hạ thủ điền phục tâm kia. Thật chẳng ngờ tất cả vô trụ, thì ngay đây là hàng phục, nếu riêng cầu hàng phục, thì đây trên đây đặt thêm đây. Quả là tất cả không trụ, túc được thật tướng bản thể. Nương thật tướng bản thể mà trụ không chỗ trụ, sinh không chỗ sinh, đây túc là



nương thể khởi dụng.

Phật và chúng sinh phân rõ, chỉ ở giác và chẳng giác, từ bi và không từ bi, giác túc là tướng lìa tướng, tất cả không trụ nên gọi là Phật; không giác túc thấy cảnh sinh tâm, tất cả đều trụ nên gọi là chúng sinh. Từ bi túc bình đẳng túc phải nhớ, vạn vật đằng một thể

đây gọi là Phật; không từ bi túc tham sân si, mạn nghi, phiền não nghiệp sinh, đây gọi là chúng sinh, giác và chẳng giác là trên thể mà phân; từ bi và không từ bi là trên dụng mà biệt. Thể dụng không hai đều là một tâm, nếu hay chuyển tâm ác thành tâm thiện, tức là tâm Phật. Nên Lục Tổ nói: “Một niệm bình chân, chúng sinh là Phật”.

Chư vị đặng học! Phật có ba thân, tôi và người cũng có ba thân, cho nên pháp thân, báo thân, hóa thân, người ấy không trụ, chân tâm yên lặng sáng suốt, trùm khắp hư không đây chính là pháp thân. Nếu sinh tâm kia, tâm thiện sinh thì được quả báo thiện, nếu tâm ác sinh thì được quả báo ác, ngay đây tâm chính là báo thân. Một niệm suy nghĩ

chùng chùng biến hóa, suy nghĩ tà sinh địa ngục, suy nghĩ thiện sinh thiên đường, ngay đây là tâm chính là hóa thân. Chúng ta hiểu rõ lý này, nên cần thời thời ở chỗ không trụ sinh tâm dụng công. Tâm như

hở không, và chẳng còn hở không mà lượng; độ hết tất cả mà không chấp tất cả tướng. Cho nên tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, bất biến túc không chỗ trụ, tùy duyên túc sinh tâm kia.

XUẤT THẾ VÀ NHẬP THẾ

Chư vị đặng học! Chân lý Phật pháp vốn không có thể nói, xuất thế và nhập thế cũng là giả danh, tạm dùng phương tiện mà thuyết, đều về nhau, cứu cánh tâm nào gọi là xuất thế và tâm nào gọi là nhập thế? Phải biết chân tâm là xuất thế, vọng tâm là nhập thế. Xuất thế là Phật pháp, nhập thế chính là thế gian pháp, xuất thế là không, nhập thế

là có, xuất thế là pháp thân, nhập thế là báo thân. Xuất thế là chân, nhập thế là vọng, nhưng chân và vọng không hai, xa lìa nhập thế cũng không xuất thế. Nên Lục Tổ nói lìa thế không có Bồ-đề. Đạo lý này cần dụng tâm

tham cứu, ta biết con đường Phật đạo từ bi nên Phật ra đời vì đại sự nhân duyên.

Người mới học Phật chỉ nói xuất thế, không nói nhập thế. Mê ở

Phật pháp, một mực nhập thế không biết xuất thế, như thế đ^èu rơi vào biên địa. Vì có sao? Thế pháp tức là Phật pháp, lìa vọng không có chân, lìa chân không có vọng. Hơn nữa đạo lý Phật pháp chân thật, nhập thế là xuất thế, xuất thế là nhập thế. Nên kinh ghi: “Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu”. Lại nói: “Như như không động”. Phải biết nhập thế và xuất thế, lý này thể dụng không hai, xuất thế là thể, nhập thế là dụng, lìa thể không có dụng, lìa dụng không có thể. Chân lý Phật pháp như thế như thế. Mà phàm phu vọng sinh tâm phân biệt, chấp trước nhập thế tức khởi hoặc tạo nghiệp; chấp trước xuất thế tức chán lìa sinh tử. Không biết các pháp như huyền, sinh tử

hoàn toàn không thể được. Vì phá tất cả chấp trước, nên hằng thuận chúng sinh, thị hiện mỗi mỗi phương tiện, dẫn dắt họ vào đạo, kỳ thật trụ và không chỗ trụ là pháp thân chân tâm, trùm khắp mười phương diệu dụng như như, chính biến nhập thế đây là báo thân, vốn chân tâm này thị hiện thân huyền, tùy duyên biến hóa, chính là nhập thế, người học Phật nếu như hiểu rõ đạo lý này, trụ không chỗ trụ, sinh không chỗ

sinh, không trụ không sinh tức là chân tâm, chân tâm là không, vọng tâm là có, tất cả có việc vô tâm, ngay đây tự tại, có khó gì mà lại xuất nhập, chẳng qua lý vi diệu này, người mới học hơi khó lãnh hội, cho nên không trụ tâm mà dụng công. Nên kinh ghi: “Ung vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm”. Không trụ tức là xuất thế, sinh tâm đó tức là nhập thế, không trụ sinh tâm, tức là diệu tâm xuất thế và nhập thế không hai.

Phật pháp Đại thừa, chẳng lìa xuất thế chẳng bỏ xuất thế, gìn giữ

tại tâm tu hành, tu trì chẳng tương ưng, nhân người học không ở tại tâm dụng công, nên không sáng được tâm địa. Chẳng biết tâm thế nào là chân, tâm thế nào là vọng; lại chẳng biết tâm chân và vọng, chính là nhất tâm; chẳng biết nhất tâm là Diệu, cũng không có thể được, cho nên tu trì không

tương ứng. Tu trì không tương ứng tức dụng công chẳng thành, nếu dụng chẳng rõ, che mờ chân lý Phật pháp không thể

ngộ được, người ấy đạo lý cũng khó triệt để, vì vậy thế đạo chịu ảnh hưởng. Nên biết thế đạo suy dần, chẳng phải thế pháp không tốt là do tâm người bất chính gây ra. Vì có sao? Tâm người không chính, tức đạo tâm chẳng lập, đến nỗi xả chân cùu vọng, bỏ gốc theo ngọn, chân lý càng tối, thế đạo càng suy, cho nên nói việc ở tại người vậy! Đạo ở

tại người hành, thế pháp và Phật pháp lý không hai. Nên nhà Nho nói:

“Tu thân dùng đạo, tu đạo dùng nhân”. Như người người vốn có thiện tâm, người làm việc thiện tức có nhân từ, nhân tốt là nhân yêu thương, nhân tha thứ, dùng thiện cảm hóa bất thiện, sao lo thế đạo chẳng thiện?

Gần đây nhân sĩ trong nước là gương soi bất động, thích nghi văn hóa trước kia đã có hết sức thiết thực, kỳ thật văn hóa Trung Quốc đích thực, đề cao đạo đức, các nhà nho tu chỉnh sắp xếp đạo đài rất có hiệu quả, mà tinh thần Phật giáo Đại thừa dung chứa tất cả, và phổ độ

quần sinh, song hành không ảnh hưởng nhau, chẳng qua từ xưa cho đến nay, Âu hóa Đông tiệm, học thuật tuy mới, chỉ mê ở duy vật, mà quên ở duy tâm, chỉ biết nhập thế nhưng không biết xuất thế. Người dân trong nước tự khoe dụ lợi, đối với văn hóa vốn có, phẫn đồng chẳng những thâm nhập nghiên cứu, đến nỗi lòng người như nước sông ngày càng xuống thấp, mà đạo đài càng thêm khe khắc, nếu muốn cứu vãn đạo đài, trước cùu nhân tâm, muốn cùu nhân tâm, cần được hoằng dương chánh pháp. Vì có sao? Phật pháp vô biên, không trụ vô vi chẳng chấp hữu vi; chẳng xuất thế chẳng lìa nhập thế, chẳng nghiêng duy tâm chẳng nghiêng duy vật, dùng tất cả pháp vô ngã chân tâm, vận dụng tất cả pháp, dùng tất cả từ bi tâm lượng, đối phó tất cả người, như vậy vạn vật có chỗ được, tự nhiên thành hoan hỷ! Đây có một bài kệ:

Phật pháp dữ thế pháp

Bốn lai bất nhị pháp

Tâm thiện thị Bồ-đề

Tâm ác thị Dạ-xoa.

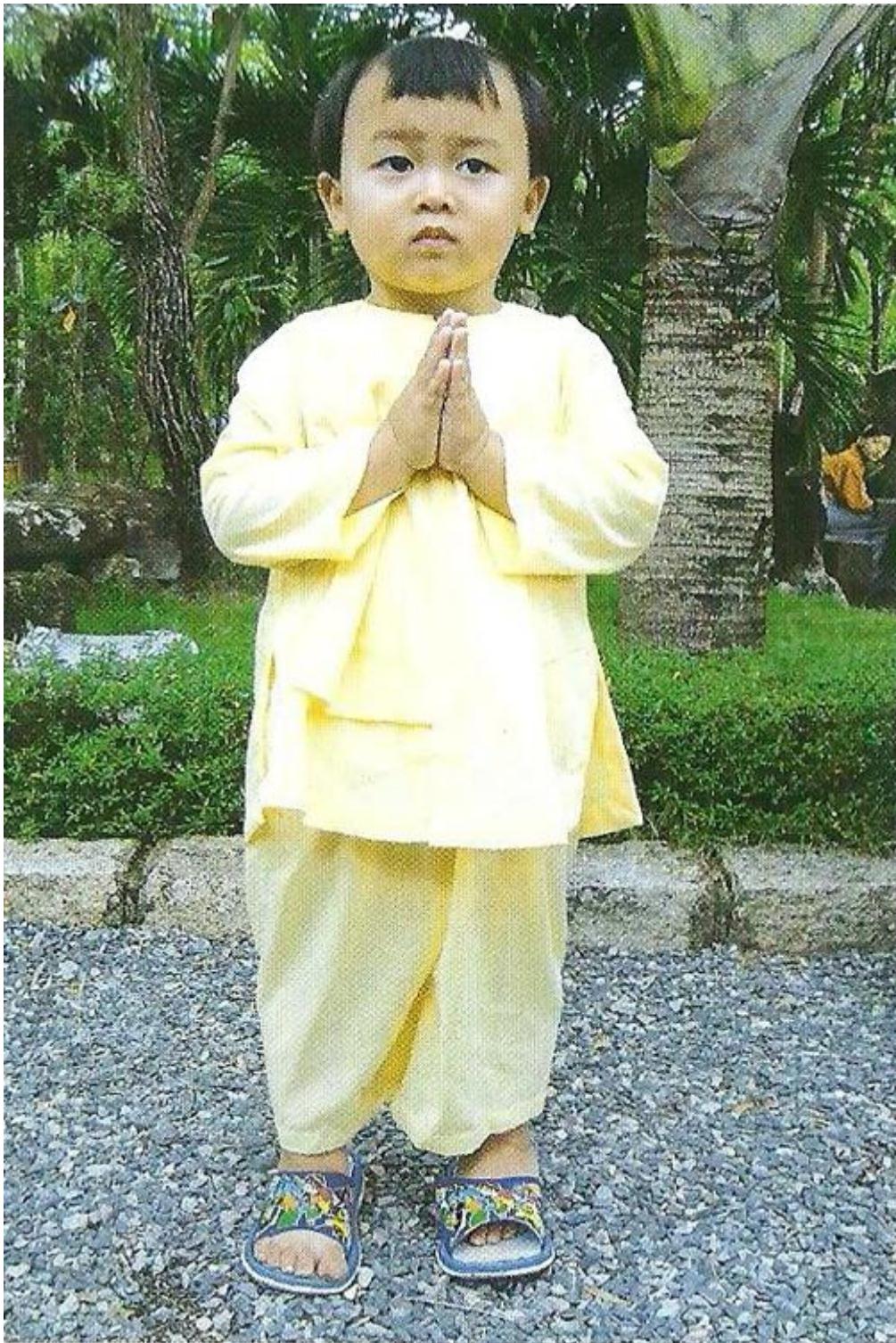
Dịch:

Phật pháp và thế pháp

Xưa nay chẳng hai pháp

Tâm thiện là Bồ-đề

Tâm ác là Dạ-xoa.



Như Lai nói tất cả pháp đæu là Phật pháp, lại nói tu tất cả thiện pháp, tức
được A-nâ^u-đa-la-tam-miê^u-tam-b^o-đæe (Sự giác ngộ cao nhất, trùm khắp
tất cả), có thể thấy Phật pháp chẳng lìa thế gian pháp, chỉ ở thiện và không

thiện phân minh rõ ràng, pháp không có tự tính, thiện và chặng thiện đều ở nhất tâm, tâm chính tức pháp thiện, tâm tà tức pháp tà, dùng tâm xuất thế vô ngã, thường hành việc lợi tha thì tất cả pháp đều là thiện pháp, thiện pháp tức là Bồ-đề. Không phải thế, tức tất cả pháp đều chẳng thiện pháp, chẳng thiện pháp tức là Dạ-xoa.

Khoa học Âu Mỹ, thiên về vật chất,
dĩ nhiên thiện và chặng thiện, tùy theo
cuộc sống tinh tế, có ích cho nhân loại
và cũng là Bồ-đề. Tùy theo vũ khí chiến
tranh mới lạ, và độc hại quẩn sinh, đây
tức là chặng khác với Dạ-xoa, vũ khí
chiến tranh mới lạ như thế, con người
vốn chỉ phát minh, tưởng là có lợi cho
Quốc gia, nhưng chưa tưởng đến có hại
cho thế giới nhân loại, đến nỗi càng biết
hóa càng cháy mạnh, những điều đều phát
minh như ý chỉ bằng thừa, nên biết con
người mỗi ngày tạo nghiệp sát sinh, thì
người ấy nhận quả báo sát, tương lai sẽ bị thảm hại, không thể tưởng được,
đây là nguyên nhân, bởi do thiên chấp nhập thế hữu vi là dụng, mà chọt ở
xuất thế vô vi là thế. Hữu dụng vô thế, thiên ở một bên mất đi thăng bằng,
cho nên người không chấp vào nhập thế hốt nhiên xuất thế, bởi vì cho vô
vi là rơi vào không, chẳng như hữu vi sinh vạn hữu, kỳ

thật không và có chẳng hai. Giống như tất cả sinh vật, lìa không chẳng



sinh, lìa đất không sinh trưởng, trời sinh đất nuôi dưỡng, chính đây không và có dụng chẳng hai, thế nên nghiêng chấp vèc có, tuy công hiệu lên ùn ùn một thời, mà sự vật đạt đến chỗ cùng cực tất phải quay trở lại, kết cuộc không phải là kế sách trị yên lâu dài, văn hóa Trung Quốc vốn thâm thúy, triết lý tăng trưởng khắp ở nhân tâm. Lúc đó kẻ sĩ duy tâm, người ác duy vật có hại, bèn nghiêng nặng vètinh thàn, thật không ngờ

nghiêng nặng vèvật chất, cõi nhiên chấp có, nghiêng nặng vètinh thàn, đây là chấp không. Chấp có chấp không, đàu chẳng trong chánh đạo.

Phải biết tinh thàn là thể, vật chất là dụng; nếu có thể không dụng, thì chỗ học nói ra đàu là vô dụng; có dụng không thể, sự việc tạo tác đàu là vô thể, học lại vô dụng, và sự lại vô thể, cả hai đàu tê ngang nhau, cho nên ở đây tình hình trừ bỏ tiêu cực và phát minh đạo đức văn hóa, một mặt lấy tinh thàn vận dụng vật chất, một mặt phát triển hữu ích cho khoa học, lấy vật chất làm sáng sủa tinh thàn là ý nghĩa trung chính.

Người thế tục cho là học Phật không nên nói thế pháp, nói thế pháp đảo ngược thấy không được rõ ràng. Vì thế cho nên, pháp pháp viên dung hỗ tương cho nhau, nhập thế hợp với xuất thế, *xuất thế cũng chẳng lìa xuất thế*. Nhập thế xuất thế đàu là giả danh; ngược xe thuận xe đây là hí luận. Nên kinh ghi: Có và không nhất định pháp không thế

nói. Nói chung chân lý Phật pháp, không lìa thế pháp, xuất thế và nhập thế đàu ở tại tâm, tâm chính nhập thế cũng là xuất thế, tâm tà xuất thế

cũng là nhập thế. Nên Lục Tổ nói rằng: “Chính kiến gọi xuất thế, tà kiến gọi thế gian”. Nên Huệ Minh ngộ cảnh hữu hạn, phuong tiện cõng hiến, vậy đủ chúng ta nhất tâm tham khảo.

HỮU VI VÔ VI KHÔNG HAI

Chư vị đ^ềng học! Tâm chính là Phật, không quý ở miệng nói suông; có và không chẳng hai, li^{ền} không thể nói. Nhưng tạm thời dùng phuong tiện mà nói. Cứu cánh có thể tâm là Phật, tâm hữu vi là gì? Tâm vô vi là gì? Nên gọi tâm hữu vi tức là tâm sinh diệt. Tâm vô vi tức là chân tâm. Nếu nói tâm hữu vi là Phật, tức tâm hữu vi là vọng tâm sinh diệt, nhưng tâm phàm phu sao gọi là Phật? Nếu nói tâm vô vi là Phật, tức tâm vô vi là diệu tâm chân như, đ^ềng với hư không xưa nay vô tướng, hiểu không thể được, vô tướng vô đắc. Phật là ai? Phải biết tâm hữu vi vô vi v.v... xưa nay chẳng hai.

Chẳng hai là tâm, đây là tự tâm được gọi là Phật. Thế nên tất cả muôn pháp đ^ỀU do nhất tâm chân như mà hiện, người ngộ vọng tâm vốn là chân tâm. Nên thường trụ chân tâm, đây là thể của vọng tâm sinh diệt, vọng tâm sinh diệt là dụng của chân tâm thường trụ, nên gọi chẳng hai. Pháp thân là thể, báo thân là dụng. Pháp thân và báo thân vốn là một thân, chân tâm vọng tâm đ^Ềng v^Ền nhất tâm, chẳng qua người ngộ chân tâm pháp thân là vô vi, vọng tâm báo thân là hữu vi. Vô vi là thể, hữu vi là dụng, dụng chẳng lìa thể, thể chẳng lìa dụng. Nên gọi không hai.

Cửa chân như Phật pháp, không sinh không diệt, gọi là vô vi; cửa sinh diệt, có sinh có diệt gọi là hữu vi. R^{ất} nói có nói không, nói sinh nói diệt, nói chẳng sinh chẳng diệt, đ^ỀU là phuong tiện đối trị mà nói, phải biết có sinh có diệt tức rơi vào có; chẳng sinh chẳng diệt lại rơi vào không. Tâm chân như xưa nay sinh mà chẳng sinh, diệt mà chẳng diệt, tức là chân như không thay đổi, chân như không thay đổi, không thể nói có, không thể nói không. Tiết Giản hỏi Lục Tổ: “Chẳng sinh chẳng diệt có khác chi ngoại đạo?” Tổ đáp: “Sắp diệt chỉ sinh, dùng sinh hiển diệt, vì ngoại đạo nói. Ta nói chẳng sinh chẳng diệt, xưa nay tự không sinh, nay cũng chẳng diệt nên chẳng đ^Ềng ngoại đạo”. Đây là triết lý vi diệu, thật không dễ biết lấy kính sáng làm rõ.

Thể kính xưa nay sáng suốt dụ cho chân như, hay hiện rõ sắc dụ

cho sinh diệt. Kính soi chiếu muôn vật, thể sáng không động, chiếu màu hăng hiện màu hăng, chiếu màu xanh hiện màu xanh. Đương chiếu màu hăng tuy hiện sắc hăng, nhưng kính chẳng nhiễm màu hăng. Đương chiếu màu xanh tuy hiện sắc xanh, nhưng kính chẳng nhiễm sắc xanh, đây tức là sinh diệt. Tuy nhiên sinh diệt thể kính không động, không động là thể túc là chân như, sắc lìa kính nhưng kính không lưu hình sắc, túc là trước niêm không sinh. Sau sắc đến kính, kính lại hiển sắc, túc là sau niêm chẳng diệt. Như trước niêm chẳng sinh, đương thể không tịch, ngã chấp phá rã, thì không trụ chân thâm hiện tiễn. Túc là chẳng qua vô ngã, như sau niêm chẳng diệt, chân tâm này chẳng không, từ thể khởi dụng, túc do không trụ mà sinh tâm kia, đây tức là vô ngã lợi tha, kính thường chiếu mà thường hiện, túc là sinh diệt mà chẳng diệt là lợi tha, kính không nhiễm không lưu bóng, chính là không sinh không diệt, chân như và kính là một không hai. Vật đến liễn hiện, việc đi chẳng giữ, quang minh tự tại, ứng dụng như nhau. Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, chỉ kính long đong tràn cầu, quang minh chẳng hiện, vật ở trước mặt không thể hiện chiếu, nếu trải qua lau chùi, tràn cầu thời thanh tịnh, quang minh hiện rõ, cũng như chúng sinh, nghiệp chướng chân như bốn tâm, muốn đến chân vọng tưởng điên đảo. Nếu phát tâm tu chân, nghiệp chướng liễn tiêu trừ, chân tâm lại hiện, chân như và kính, lý vốn không hai, siêng năng tu trì, sự cũng tương đồng. Đây là cứu cánh trí, cũng gọi là Đại viễn cảnh trí.

Lại dùng trời đất làm ví dụ: Trời thể vốn không, túc là vô vi, chân như pháp thân cũng đồng nhau. Đất sinh vạn vật túc là hữu vi, và



vọng tâm báo thân cũng đ`ông như nhau, đất không trời nhật nguyệt chiếu sáng, mưa đường ẩm ướt mỗi mỗi diệu dụng, sao thường sinh trưởng vạn vật? Trời không đất và cao nguyên đ`ông bằng bát ngát, núi sông, mồm má, mỗi mỗi các loại? Do vậy có thể biết trời đất hổ tương với nhau, chúng ta vô vi pháp thân, hữu vi báo thân, cũng lại như thế
cho nên không hai.

Phàm thành Phật r`õ, tức là chuyển vọng tâm thành chân tâm vô vi, tức là pháp thân, chẳng phải báo thân thay đổi thành pháp thân, nhưng do báo thân xưa nay không tu mà thành, nên lại không xả báo thân, mà lại hay thành pháp thân, che pháp thân vô vi và báo thân hữu vi, xa lìa hữu vi chẳng rõ vô vi; tất cả hữu vi vốn là vô vi. Nếu như chúng ta chẳng lìa chân ngã; chúng sinh vọng tâm, chẳng lìa chân tâm. Chân ngã của chúng ta xưa nay một ngã; vọng tâm chân tâm tức là một tâm nên gọi không hai.



Phật pháp Tiểu thừa, thiên về không tịch, nhân đây chấp ở vô vi, mà mất ở hữu vi, chấp một mất một túc gọi là hai. Phật pháp Đại thừa tự lợi lợi tha, nên gọi chẳng hai. “Pháp môn tâm địa”, dùng “Tâm địa chẳng qua là lợi tha vô ngã” hai câu thể và dụng. Thể nào là thể và dụng? Tâm địa chẳng qua là thể, lợi tha vô ngã là dụng. Nếu không lập tâm địa chẳng qua là thể, quyết chẳng hay khởi lợi tha vô ngã là dụng.

Nếu chỉ biết tâm địa chẳng qua là thể, mà chẳng khởi lợi tha vô ngã là dụng, túc có thể mà vô dụng, thì rơi vào vô vi. Thiên chấp khởi dụng lợi tha, không lập tâm địa chẳng qua là thể, túc có dụng vô thể, lại chấp ở hữu vi, đài chẳng không hai. Cần phải thế lập dụng to lớn, chẳng rơi có và không, nên gọi không hai. Lại nữa, ví như sáng tối.

Không sáng thì không thể thấy tối? Không tối lại như thế nào là rõ ràng?
Chỉ sáng và tối hỗn tương là dụng, lợi tha vô ngã cũng lại như
thế.

Phật thuyết tướng không các pháp, lại nói chân không chẳng không. Đã nói cái có là có. Nói có là giả, nói giả cũng chân; nói không là chân, nói không

cũng giả. Nói tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh; lại nói tu tất cả thiện pháp, liền được chánh đẳng chánh giác.

Nên nói hữu vi, lại nói vô vi; nếu nói xuất thế rã nói nhập thế. Ngài đã nói pháp bốn mươi chín năm, sao chưa từng nói ra một chữ, đã nói vô lượng pháp môn, sao lại không thể nói, không thật không hư, túc đúng túc sai. Đạo lý Phật pháp khó hiểu, túc tại nơi đây. Nhưng chân lý Phật pháp chân thật chẳng hư, sao chẳng có thể nói? Như người tu hành nương pháp khởi tu, lấy giả tu chân, tu đến chân không diệu hūu, diệu hūu chân không, túc giả thành chân, dùng chứng vô vi đây gọi là thế.

Dùng chân đáp huyễn, hiển thị hữu vi, đây gọi là dụng. Nương thế khởi dụng, túc tướng lìa tướng. Túc tướng là dụng, lìa tướng là Phật.

Xưa nay tâm Phật tùy duyên độ sinh, không chấp hữu vi không rời vô vi. Hữu vi vô vi xưa nay chẳng hai, tất cả tất cả đều là như thế. Chỉ vì chúng sinh chấp trước sâu nặng, nói có chấp có, nói không chấp không, nói một chấp một, nói hai chấp hai. Cho nên Phật lại nói có không chẳng hai, chân vọng đều nói, vừa nói vừa quét, rõ ràng chẳng hai, chân vọng đều nói, vừa nói vừa quét, rõ ràng chẳng hai. Kỳ thật đều là phương tiện khéo léo dẫn người vào được. Nói đến ban đầu pháp môn không hai vốn không thể nói. Thênh nenh, viên diệu một tâm (Tam đế viên dung, không thể suy nghĩ gọi là viên diệu), còn chưa có thể

được, sao lại nói ư? Xưa Bồ-Tát Văn Thù, dùng pháp môn không hai hỏi ngài Duy Ma Cật, Duy Ma Cật im lặng không nói. Văn Thù than thở rằng: “Thiện tai! Thiện tai! Đến đây văn tự ngôn ngữ có không, đây thật là vào pháp môn không hai”. Là chẳng hai pháp, như thế như thế.

Chư vị đồng học! Thiền tông vốn không ngôn thuyết, mật pháp thì không thể nói. Huệ Minh tự thẹn ngộ lý chẳng sâu, trước các Thiền gia



bốn lầu cát thỉnh, không nên phật ý. Khai giảng ban đài, tức tự ghi chép, cõi thỉnh các Ngài đành phải tùy duyên mà xa các vị đàng học, xưa nay nghe giảng, gom lại phân ra mong cát xem xét. Lý chẳng thâm sâu, lời nói cũng thô tục. Các vị muốn ấn hành, xem coi cho kỹ

không nên in nhanh, để khỏi phải lưu hành ở đời ta ít tội lỗi. Tất cả pháp môn, lời nói rõ nghĩa là quý, nếu chúng ta thường quên lời nói giữ nghĩa, tức nói v.v... mà không nói, in v.v... mà chưa in, đây là phán ngôn thuyết. Chúng ta nếu rõ tức tâm là Phật, thì không gìn giữ ngôn thuyết, và nghiêng về ngôn thuyết, đài thành phế bỏ. Mong chư vị
đảng học một trí ý an.

SỰ VÀ LÝ

Các vị đàng học! Phật pháp có sự và lý rõ ràng, Người ban đài tập giảng kinh luận, chưa hiểu rõ lý; người đó cần phải nương pháp tu trì, và chưa

hiểu được sự “Tâm chính là Phật”, một khi đã ngộ thì lý sự phân minh, học nhân nêu nhận thức rõ ràng, sự và lý xưa nay chẳng hai, tức phải nương lý mà thấu suốt sự, nhân nơi sự mà hiển bày lý.

Đến khi sự lý nhất như, tức sự và lý sao nói tức tâm là Phật. Nếu đột nhiên nói một câu tức tâm là Phật, vẫn còn trên sự là Phật, vẫn còn trên lý là Phật, nếu như trên sự là Phật, tức phải thực hành Phật đạo, và ở trên sự chứng minh; nếu không trên sự chứng minh, tức vẫn trên lý là Phật, chẳng qua là một loại lý tưởng rỗng tuếch.

Cố Đức nói thiền vì lòng đại từ đại bi, sợ học nhân ở trên lý nhận sai, là tăng thêm tri kiến tà, lại giống như chém đình chặt sắt, ắt sẽ đả

phá tất cả lý luận, chẳng xem kinh không giảng dạy, không những dạy người chuyển từ trên sự thấu suốt, nếu trên sự thấu suốt có thể sáng được tâm. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trên hội Hoa Nghiêm, “Giảng thuyết nhất pháp giới, lý duyên khởi vô tận”, tâm ý an định tức là Phật, mà người căn khí tối tăm thấy đằng chẳng thấy, nghe đằng chẳng nghe, là phương tiện truyền thuyết Tiểu thừa. Lại do Tiểu thừa hướng đến Đại thừa, từ từ dẫn đến nội tâm.

Lại nói trí Bát-nhã phá tất cả lý chướng và sự chướng. Về sau trên hội Pháp Hoa, hội ba vềmột đài là nhất thừa chẳng hai đường, dùng lý sáng được tâm tức là Phật. Phương tiện khéo léo, chung quy không



ngoài yếu chỉ của người nhận rõ tâm là Phật, dạy người phá trừ tất cả chấp trước. Phải biết ba tạng mười hai bộ kinh luận, tám vạn bốn ngàn loại

pháp môn đ`èu từ lý này. Cho nên tất cả kinh giáo đ`èu nói giáo lý, nếu không nương lý thành sự, sao quý ở có kinh giáo này?

Nếu hay cho sự hiện lý, sao lại có thể chấp kinh giáo này? Cố Đức nói thiền, không xem kinh, cho đến mắng Phật chửi Tở, là đạo lý gì? Tuy nhiên, chẳng những không dạy kinh giáo, lại còn thậm chí mắng chửi phi báng Phật pháp, tức sinh mỗi mỗi lý chướng, chấp lý càng sâu thì lìa sự càng xa, cho nên buông hết thấy nghe, chỉ ở trên sự dụng công, sự thấu suốt thì lý tự toàn. Tự nhiên thường ngộ túc tâm là Phật.

Thiền tông “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt” đây là tám chữ

rất cần thiết, thử nghĩ bắt đường dứt tâm là cảnh giới nào? Trở lại có lý thuyết sao? Người xưa thật lòng ngay thẳng tin tưởng Thầy Tổ một cách xác thực rõ ràng, chỉ tin lời nói của Thầy mà thực hành làm theo, đạo lý chẳng cùng, cho nên thấy tính (tánh) rất dễ. Vì sao người nghi ngại vọng tưởng mênh mang, lại thích lý giải, lý thuyết nhieu chướng ngại càng nhieu, muốn cái giải thoát trở lại trên chướng càng thêm chướng, trói buộc thêm trói buộc, há chẳng có tâm đại bi sao?

Chư vị đ`èng học! Người học Phật cần phải có đủ trí tuệ lớn, người có trí tuệ lớn liền thấu suốt Thiền tông triệt để, một đấm té nhào.

Người không có trí tuệ, không sáng được lý thuyết quyền thật (Pháp thích ứng với cơ nghi nhất thời thì gọi là Quyền, pháp cứu cánh bất biến thì gọi là Thật), chấp trước pháp môn vô thượng thênguyện học, nêu sờ Đông mó Tây, không ở tự tâm dụng công. Thật chẳng biết tự

tâm là pháp môn, xưa nay vô lượng; tất cả pháp môn chẳng lìa tự tâm.

Đã là tất cả pháp chẳng lìa tự tâm, thế mà Phật vì chúng sinh lại nói rộng tất cả kinh giáo? Chỉ vì chúng sinh buông gốc tìm ngọn, bội giác hợp tràn, đến nỗi hư sinh lâng tử, mê mất bản tâm. Cho nên Phật nói các pháp, đối trị tất cả bệnh vọng tâm của chúng sinh, không những dẫn dắt người ấy trừ vọng về chân, và thấy tự tâm là Phật. Nếu người đại căn đại trí, một nghe ngàn ngộ, dứt bỏ cuồng tâm nhất phát Bồđề

lì ên thành chính giác, và ba đời chư Phật đ^ăng một lỗ mũi này mà thở, tất cả kinh giáo đ^ăi ở tâm này, sử dụng mãi mãi không hết. Sao lại cứ

hướng ngoại tìm c^{ăr}ai? Cổ Đức dạy: “Phật nói tất cả pháp, để trị tất cả tâm. Ta không có tất cả tâm, đâu c^{ăr}an tất cả pháp?” đủ thấy tất cả pháp đ^ău là Phật dùng phương tiện mà nói. Trong *Kinh Kim Cang* ghi: “Nếu người nói Như Lai có thuyết pháp, tức là phỉ báng Như Lai”. Lại nói:

“Người nói pháp, là không pháp có thể nói, đây mới gọi là thuyết pháp”. Người học Phật nếu rõ được nghĩa này, tự nhiên không hướng ngoài tâm c^{ăr}ai pháp, thì không còn lý chướng vậy.

Hoặc là: “Kinh này Phật thuyết, người tu hành xa lìa kinh giáo, sao gọi là Phật pháp?” thật ch^ăng biết Phật lý cao thâm, ch^ăng những sáng đạo r^ă c^{ăr}an phải nương văn tự giải nghĩa, chúng ta phải nương ngón tay chỉ thấy mặt trăng, nếu hay lìa nghĩa văn tự r^ă, cùng là thuộc lý không, ví như người đang đói ăn mà chẳng no. Cho nên trong *kinh L^ăng Nghiêm*, Phật bảo A-nan: “Mặc dù Như Lai trải qua ức kiếp trì bí mật diệu nghiêm, không như một ngày tu nghiệp vô lậu”. Lời nói của Thiền tông một câu thấu suốt bản tâm, không chút quanh co do dự chi cả, người xưa phàn nha nương Thầy một câu có thể ngộ. Thầy dạy tức tâm là Phật, ngay đó liênn tin tâm tức là Phật, Thầy nói tâm không có thể được, liênn tim tâm không có thể được. Người đệ tử đặt niềm tin đối với Thầy, thì vọng tưởng tiêu trừ, nên hả ngũ liênn ngộ. Đây tức là dùng tâm truyền tâm thật tế thọ dụng (Bờ mé chân thật, chỉ cho Niết-bàn thật chứng lìa hẳn hư vọng. Lại chỉ lí thể chân như), tâm người v^ăe

sau d^ăn d^ăn xa lìa vọng tưởng, và trở lại thuần thực, nhưng đổi câu tham thoại đ^ăi, học nhân chỉ nương Thầy thọ nhận một câu vô nghĩa, đi đứng ng^ă nầm cứ niêm cứ tham, ch^ăng những xem kinh dùng thiền bản mà đánh, nếu như xa Thầy thọ tham thoại đ^ăi, cũng dùng thiền bản mà đánh. Tham đến sơn cùng thủy tận, và đến khi hoát nhiên đại ngộ, tức ngộ tự tâm là Phật, đi^ăi mà sự lý không những thấu triệt, đến đây kinh giáo cũng chẳng c^{ăr}an xem, không còn lý chướng ngại nữa.

Chư vị đang học! Ba đời chư Phật đầu trì mật thành tựu. Chỉ mật pháp là đặt nặng việc tu, không quan trọng ở lý luận, như đại để là *kinh Kim Cang* đản kinh đầu đặt nặng sự việc tu. Thì các **mật** pháp kinh điển cũng lại như thế. Nếu còn mỗi mỗi phép tắc, trang nghiêm đạo tràng. Là mục đích học nhân cần phải sinh tâm cung kính khởi tu, từ sự nghiệp tâm về một. **Mật** pháp rất quan trọng kim cương thượng sư, chỉ nương trên sư truyền miêng, không có ý nghĩa. Mà còn đang một mật chú, thượng sư chỗ truyền là tiếng nói mỗi mỗi chẳng đang, học nhân phải nương theo âm tiếng của Thầy đã truyền nếu có cảm ứng. Tuy tiếng chẳng đang cảm ứng túc một. Như thế vẫn còn lý có thể giảng giải.

Như trên đã nói, sau khi biết hai tông Thiền và Mật, đầu đặt nặng ở sự không chấp ở lý, chỉ nương ở người không nương pháp. Ngài Huệ Minh dùng lời nói trước, nương pháp chẳng nương người, nhưng tự thẹn công đức chưa nhanh chóng thêm ngã mạn. Thật ra, học thiền hoặc học mật, chỉ đặt nặng ở nơi Thầy truyền, tất cả đừng nghi cứ như thế mà thọ dụng.

Nói rằng: “Phàm phu thì sư cách trở, Bồ-tát trở ngại ở lý”. Nếu biết đạo lý ngăn ngại là cách trở nhân địa của Bồ-tát; nếu là quả địa Bồ-tát, đây chẳng là chỗ lý ngăn ngại. Như Lục Tổ nghe Ngũ Tổ nói *kinh Kim Cang* liền ngộ, có khó gì đâu ở lý chướng ngại, người xưa ngộ đạo đầu không chướng ngại ở lý. Nếu thấu suốt ở sư thì lại chướng ngại ở lý, nếu lý sư không nhất như, đâu có thể gọi là Bồ-tát.

Gặp người học Phật đối với tất cả pháp môn, trước phải nêu nghiên cứu sư thâm thấu, thử xem trên con đường đối đãi mà chẳng đối đãi, chúng ta không thể theo một cách mù quáng, đây là rất cần, quả nhiên



trên con đường đối đãi liền phải một cửa mà vào, nương pháp tu hành không nên chấp lý vậy.

Chư vị đòng học! Phật pháp và thế pháp, có phân cũng chẳng phân. Thế nào là phân? Là phân rõ thấy biết và không chấp nặng nơi thấy biết. Thế pháp quan trọng ở thấy biết, cho nên thấy nheiều nghe nheiều, tham cứu càng nheiều, lại thêm sâu rộng. Nhưng biết thấy nheiều, tức tâm phân biệt rất nặng, thì nhân ngã rất sâu cho đến tranh giành càng dữ, học thuyết tranh nhau danh lợi cũng thế. Sau lại từ đây mà khởi, Phật pháp ban đầu phải phá trừ tri kiến tà, nhân thế trí biện thông là một trong tám điệu khó vào đạo, cho nên cái thấy hướng ngoại phải trừ. Quên đi hướng ngoại, cho nên lý chướng và sự chướng đeo được tiêu trừ, vô ngại tự tại. Nên nói là có phân biệt.

Chân lý Phật pháp, tìm tâm còn chưa biết được, há sao chỗ thấy biết của cuộc đời một cách thông suốt. Như vậy người đánh mắng ta, người phàm cho đây là nhận oan gia, chúng ta học Phật nhẫn được như

thế cũng tạm gọi là Thiện tri thức, nghèo khổ bệnh nguy, phàm phu cho rằng là xấu xa, người học Phật nhận biết như thế là tốt, còn danh lợi cung kính, phàm phu cho là tốt, mà người học Phật biết rõ cho đây là hoại nát, phàm phu bị che mờ không thấu suốt được nhân quả, chỉ

thấy ở trước mắt mà thị phi thì có ân oán tốt xấu, lý căn bản của Phật pháp nương theo nhân quả xoay vần, và thấy tất cả bình đẳng, như

đánh ta chửi ta thì có thể tiêu trừ nghiệp chướng; nghèo khổ bệnh nguy sao lợi sinh trưởng Bồ-đề, còn danh lợi cung kính thường trở ngại Bồ-

đề

Cho nên nói tốt túc là xấu, xấu đây cũng là tốt, các loại như thế, Phật pháp và thế pháp, thì sự thấy biết tương phản với nhau, vẫn còn chấp trước giải thích sao? Nếu cần giải thích nên nương lý Phật mà giảng, đó là chân lý.

Thiền và Mật song tu, không chấp nơi lý mà chuyên sâu ở sự, và từ sự thấu suốt được lý, lý thì không ai không toàn vẹn, còn quả phải nương theo pháp tu hành, sự sự từ bi, niêm niệm thanh tịnh, lại có sao lý chẳng đủ? Nếu chấp lý rã quý ở sự, lý lại trở thành bánh vẽ, cho dù bác thông giáo lý, nếu miệng nói lung tung mà việc làm không tương xứng, ngã chấp phiền não thêm tăng chẳng giảm, thì ở lý sao an? Nên sự lý không hai, vì vậy lý sự thấu suốt, chẳng phải dùng lý cân lường ở sự, mong chúng ta chú ý.



KHAI THỊ BÁT QUAN TRAI GIÓI

Thời gian tấn tốc mạng người vô thường, vạn vật đàu biến đổi, Phật giáo nhận thấy vạn vật vô thường, bây giờ có quán vô ngã, như

trong kinh Phật có nói vô ngã, như *Tâm Kinh* ghi: “Soi thấy năm uẩn đ`ầu không, li`ên qua hết tất cả khổ ách”. Giống như người dùng năm uẩn là ngã, nếu năm uẩn đ`ầu không, chỗ đó có ngã chăng? Nếu vô ngã li`ên không còn khổ, có mười ph`ần ngã li`ên có mười ph`ần khổ, có một ph`ần ngã thì có một ph`ần khổ, như đập nát chén trà, nhưng ta có một ph`ần chấp trước li`ên khó qua, đây có một ph`ần khổ, nếu có mười ph`ần chấp trước, giống như tự lấy dao cắt thịt mình; Đại sư Liên Trì khi chưa xuất gia đêm trù tịch (Đêm giao thừa) li`ên đập nát chén trà bạch ngọc Tổ truy`en. Đây là mười ph`ần khó qua, vợ con ông ấy an vui bạch: “Tất cả vô thường” và ông ấy giác ngộ đến đây xuất gia r`ă, cho nên cái này khổ chăng phải xưa nay mà có, đây vốn không chấp mà thành.

Lại như ban đêm đi đường, thấy trên đất có sợi dây, tâm khởi lên sợ hãi, đ`ầu do nhân chúng ta tưởng tượng giống như con rắn, nếu chúng ta xem kỹ rõ ràng thấy đ`ầu là dây li`ên không còn sợ hãi nữa, chúng ta có cảm giác sai l`ầm, người ta giảng nói tai anh nghe đó li`ên khởi lên, chỉ c`ần nghe một câu quên hết một câu, cho nên người ta giảng nói anh li`ên sinh phi`ền não, Phật giáo kêu gọi con người không được trộm cắp, người ăn trộm nghe giảng nói nhưng vẫn phạm giới.

Vả lại, nghe đ`ầu chăng nghe đuôi, mỗi mỗi sinh ra vô hạn phi`ền não.

Người tu hành thứ nhất phải thọ giới, thọ giới trước tiên là phải quy y Tam bảo, xưa nay Tam bảo cũng là giới, quy y Phật giới, quy y Pháp giới, quy y Tăng giới, nên ba l`ần quy y đây gọi là Tam quy giới.

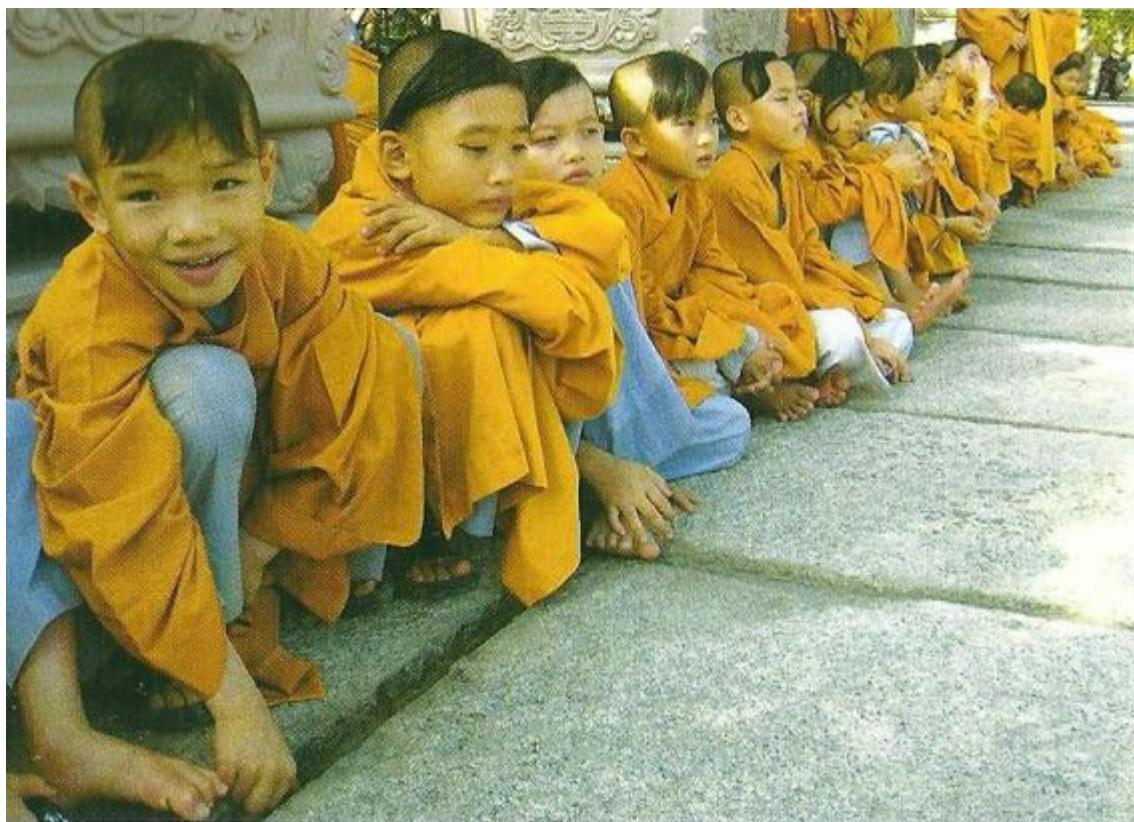
Quy y Phật giới không còn mê, quy y Pháp giới không còn đi trên con đường tà, quy y Tăng giới không còn nhiễm ô, cho nên gọi là Tam quy y giới, Tam quy y đây là giới thể, theo thể khởi dụng li`ên cảm thọ

giới, muốn được người thân thọ trì năm giới: không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu năm đ`ầu giới; Muốn sinh thiên phải tu mười đ`ầu lành: Nương thể quy y khởi lên mười đ`ầu thiện, người này li`ên sinh thiên vậy. Nếu chúng ta bỏ tam quy y giới, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh li`ên có ph`ần cho chúng ta, tam quy y hay độ chúng ta ra khỏi ba đường ác vậy; Song chỉ có người sơ vào địa ngục không từ chối quy y Tam bảo, nói đạo

rõ ràng, quy y Phật không đọa vào địa ngục, quy y Pháp không đọa vào ngạ quỷ, quy y Tăng không đọa vào bàn sinh, cho nên tam quy y đây là giới thề, từ thề khởi dụng thọ mỗi mỗi giới.

Cư sĩ tại gia, một khi được cơ hội xuất gia cửa phương tiện của họ vào Phật Như Lai rất gần, cho nên xuất gia một ngày đêm, không phải cắt tóc đi tu thọ bát quan trai giới, song tu hôm nay đến sáng mai, như chư Phật không sát sinh, chúng ta một ngày đêm không sát sinh như thế, chư Phật đến cuối đời không sát sinh, chúng ta chẳng hay đến cuối đời cũng phải cố gắng làm theo hạnh các Ngài.

Chư Phật ngày đêm không sát sinh liền ra khỏi nhà sát sinh, nếu chúng ta không xuất gia chắc phải gặp sát sinh, mỗi ngày giết vô số dê con, về sau xá tội phát tâm quy y Tam bảo liền buông đõđao lập tức thành Phật, xuất gia ngay đó ra khỏi nhà sát sinh.



Như chư Phật không trộm cắp, nhưng các vị một ngày đêm không trộm cắp, người khác cho anh chẳng gọi là trộm, thế giới Đông Tây có nhiều kẻ trộm, như nghe trộm xem trộm, trộm danh trộm lợi, cho đến trộm tâm chẳng ra ngoài ba cõi. Thời quá khứ có một vị Tỳ-kheo đắm hương sen, nên cứ đến bên hồ sen đi kinh hành để ngửi hương thơm của phẩn hoa sen, vị Thầy hỏi hiện lên hỏi: “Tỳ-kheo, sao Ngài lại bỏ

rừng đến đây ngửi trộm hương sen của tôi?” Ngay lúc ấy có người vào hồ sen bẻ hoa, đào luôn cả củ sen, mà vị Thầy vẫn chẳng nói nǎng gì cả. Vị Tỳ-kheo nói với vị Thầy “Sao người kia đã phá hồ, cắt hoa, đào củ mà ông chẳng nói nǎng gì cả? Tôi chỉ thửng thức hương thơm của hoa sen thôi, sao ông mắng tôi đến đây ngửi trộm hoa sen của ông?”

Vì Thầy đáp: “Người thế gian tâm bất tịnh, tội lỗi ngập đầu nêng tôi không nói đến họ. Còn Ngài là bậc tu hành thanh tịnh, thường hành thiền định, nếu Ngài đắm chấp hương thơm là Ngài đã tự phá định tâm của Ngài. Nay tôi vì Ngài mà nói. Ngài như tâm vải trắng, nếu để vấy do thì thật quá uổng. Còn người kia như tâm vải đen, nếu có lấm hêt cũng chẳng có sao”.

Vị Tỳ-kheo nghe nói hết lòng cảm ơn vị Thầy, từ đó giữ tâm thanh tịnh, không đắm trước hương tràn nữa.

Thế nào gọi là xuất gia? Nếu ở đời này chúng ta không ăn trộm và cũng không liên can đến, ngay đó là người xuất gia.

Thứ ba đầu giảng thanh tịnh, mọi người đầu có tình thường thanh tịnh, thân này thanh tịnh, tâm đây thanh tịnh, thân thể không thanh tịnh thì trong tâm nhất định không thanh tịnh, năm căn của chúng ta vốn là thanh tịnh, sao không dùng năm căn này hặt quang phản chiếu? Cần gì dùng phù trầm căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) xưa nay tham chấp sáu trần độc hại đến thân tâm nên chẳng thanh tịnh, xuất gia là ra khỏi cái không thanh tịnh nhiễm ô này.

Thứ tư là giới vọng ngữ, thế nào là vọng ngữ? Việc tự mình lừa đảo chính mình, tương tự như cây trũ (Một lại cây hạt dẻ), nếu trong tâm thấy mà bên ngoài miệng nói chẳng thấy, miệng chẳng đối với tâm, ở miệng tuy nói

chẳng thấy, trong tâm tự mình cũng chẳng thấy biết đạo, ngay đây tự mình lừa đảo chính mình, nói dối người trước r ồi lừa đảo lương tâm chính mình, lại vọng chấp lương tâm lừa đảo người khác, như người dùng tay che trời, kêu to “A ta xem chẳng đến thiên tử”, một bàn tay có thể che được trời chẳng, người bàng quan lại xem thấy trời, đây chẳng qua dùng tay lại che mắt, cho nên nói dối nhì ều người chẳng hợp với tâm, nên tâm và miệng chẳng hay tương ứng, thử

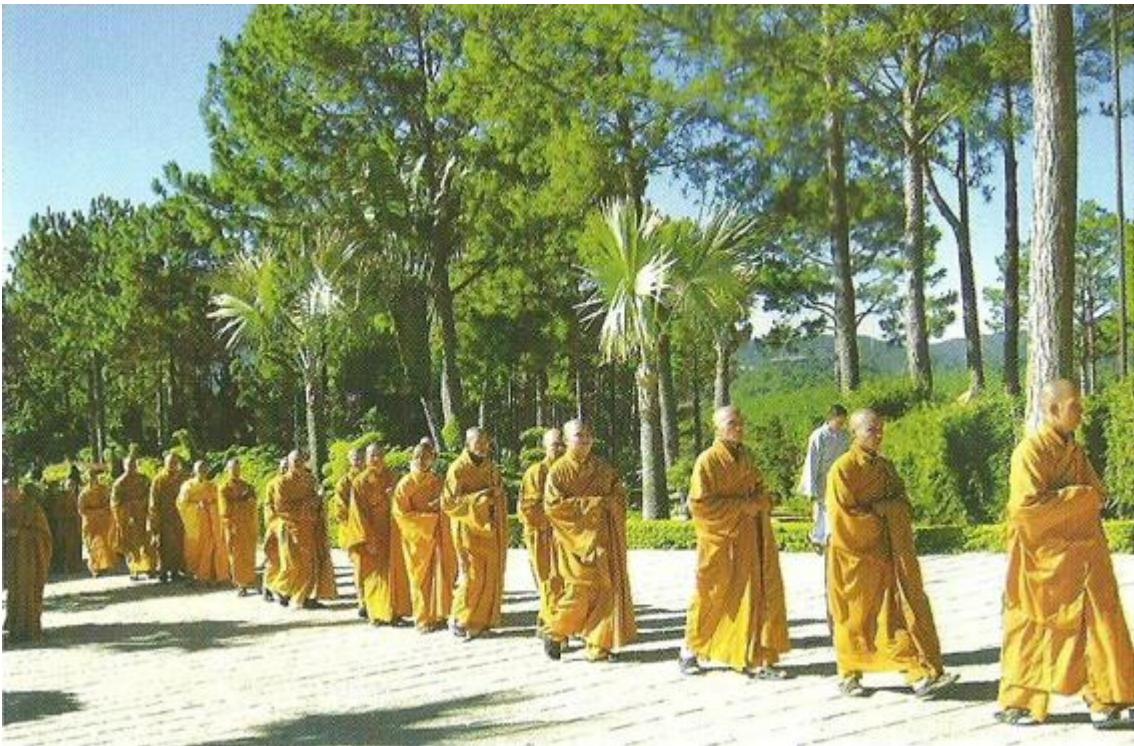
hỏi ngày nào mới ngộ đạo được? Người tu hành ngộ đạo là tâm và miệng phải tương ứng, người đã phạm lỗi nói dối cả ba thân, khẩu, ý chẳng tương ứng, chắc hẳn có một cái giả áy, cái dụng này là giả vọng tu hành, làm sao có thể ngộ đạo được.

Một chân tất cả đ`ều chân, một vọng tất cả đ`ều vọng, dù cho có tu mỗi mỗi khổ hạnh, vọng áy nhân v ề sau nhất định sẽ có kết quả. Người xuất gia ra khỏi nhà vọng ngữ, đây nói lời chân thật của Như Lai, không nói giả dối, không nói lời ác, đây là người xuất gia chân thật. Vì

Tỳ-kheo thân hình thọ mạng đã hết, Bồ-tát và chư Phật cũng thế, anh chẳng hay thọ mạng đã hết, có thể một ngày đêm như chư Phật không nói dối, là xuất gia một ngày đêm vậy.

Thứ năm là không uống rượu: Rượu làm mê mờ bản tính chính mình, cho nên uống rượu làm chúng ta tối tăm, người uống rượu tăng thêm vô minh, nếu người tỳ khí không tốt, mà cho uống rượu ngay đó liền bị ngộ độc, và có thể dẫn đến chết người. Một người vô minh rất nặng, nếu uống rượu nhì ều cũng giống như gặp lửa lại châm thêm xăng, cho nên chư vị Bồ-tát không được uống rượu, giới Tỳ-kheo cũng lại như thế. Người thọ trì bát quan trai giới một ngày một đêm không uống rượu, như đức Phật thanh tịnh không uống rượu, ngay đây liền ra khỏi nhà vô minh phiền não.

Thứ sáu không được mang vòng hoa thơm hay dùng hương thơm xoa mình, kỳ thật thân thể của chúng ta có chín lỗ thường chảy ra những thứ bất tịnh, nơi đó có mùi hương chẳng? Xưa nay là mùi hôi, nên gọi là túi da có mùi, chúng ta không nên khởi tâm ngã chấp ngã kiến, và xưa nay thân này có chín lỗ thường chảy ra những thứ bất



tịnh, muôn phòng ngừa mùi hôi phải sức nước hoa trừ khử, đây là giả dối! Tô sức chẳng qua là ở bên ngoài, nào là phân, nước giải như thế mà chúng ta tô quét như thường. Ta thấy người có tiền đàu dùng là lương cao mỹ vị, ăn uống thì là thơm ngon, lại béo, nhưng khi bài tiết ra đàu thì hôi thui vô cùng. Ở Ấn Độ người dùng hương dàu, ở Hương Cảng người dùng nước hoa, dùng nước hoa sức cho thân thể chủ yếu để có mùi thơm, chẳng những tự mình được có mùi thơm, mà còn ảnh hưởng đến người khác chung quanh cũng có hương thơm, mùi hương này trợ giúp kiết sử sinh khởi lên các duyên, xưa nay tham sân si mạn kiết sử ở trong giấc ngủ, một khi ngửi mùi hương kiết sử liền khởi lên, phiền não theo đó mà sinh, người không có định lực liền theo phiền não phá giới tạo nghiệp, xuất gia mà dùng hương dàu bôi thân xuất gia như thế là xuất cái gì?

Thứ bảy chẳng được khiêu vũ hát xướng cho đến không được ngồi quán cafe nghe nhạc, chúng ta đang ngồi ở đây giống như ngồi trong nhà lửa, kinh Diệu Pháp Liên Hoa ghi: “Trưởng giả Đại Phước vào trong nhà lửa độ tất cả chúng sinh, nhà lửa đây có rất nhiều lửa, cho nên ba khổ (khổ khổ, hoại khổ, hành khổ), tam khổ (sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt

ly khổ, oán hận hội khổ, cài bất đắc khổ, ngũ ấm suy thẹn khổ), và vô lượng các khổ sẽ đến rất nhanh với chúng sinh, nhưng lại chúng ta vui sướng ở trong nhà lửa ca hát, chúng ta ở trong ba cõi giống như trong lao ngục họ khổ, A-tỳ giam tội các phạm nhân, việc ấy sao lại hát ca tạo niềm vui trong nhà lửa ba cõi khổ

(dục giới, sắc giới, vô sắc giới) không có thể nói hết, tự mình không hát xướng, khiêu vũ cũng không được xem người khác khiêu vũ hát xướng, cả hai đều dắt vào hầm lửa. Cho nên Như Lai thanh tịnh không hát ca và nhảy múa, chúng ta phải cố gắng giữ một ngày một đêm như thế.

Thứ tám không ngã giường cao rộng lớn: Phật Thích Ca Mâu Ni dùng cỏ làm tọa an tọa trên tòa kim cang, Ngài chỉ kiết già tĩnh tọa, không thể nằm ngủ mà tu hành giác ngộ được, về sau lịch đại Tổ sư

dùng sàng thiền an tọa. Như thế đều đêm giữa đêm cuối đêm, dũng mãnh tinh tấn chỉ nhớ vô thường, chẳng có buông lung. Không ngã giường cao rộng lớn, thế nào là giường cao rộng lớn? Giường này chẳng những một người có thể ngủ mà nhiều người ngủ cũng được, đây là giường cao rộng lớn. Nay tự mình cống cao ngã mạn, chúng ta là người xuất gia học Phật, một ngày đêm chẳng ngã giường cao rộng lớn. Đây là ra khỏi nhà cống cao ngã mạn.

Trở lại có chín điền trai giới, tám điền giới một điền trai, trai thuộc về thế, thế tức là trung đạo, Phật pháp mọi việc đều là trung đạo, đi đứng ngã nằm không lìa trung đạo, ăn uống không lìa trung đạo, thế

nào là trung đạo? Không thái quá, không bất cập, đây là trung đạo, người đời vì ẩm thực quá đắng, sáng ăn, trưa ăn, tối ăn, người xứ

Quảng Đông quá lắm, trở về đêm ăn tối, như thế là quá lắm rã. Ở Ấn Độ ngoại đạo tu khổ hạnh không ăn, nhịn đói, cho nên đây là bất cập.

Vì thế, không thái quá không bất cập gọi là trung đạo, ăn uống điền hòa là trung đạo, Phật xem quá ngọ không ăn là trai giới, mọi việc Phật xem là trai giới và đây là trung đạo, cũng gọi là trai thế.

Khi Phật còn tại thế, sau giờ ngọ trưa có một h ^ãi chuông báo, r ^ãi cắm một cành trúc xuống đất, bóng mặt trời không nghiêng đây là giữa ngọ, cho nên gọi là quá ngọ không ăn, ngọ thời ch ^{ảng} quá gọi là trung.

Qua ngọ không ăn tâm lý đi êm tĩnh, hoặc ít vọng tưởng, hoặc ít niêm dục, hoặc ít hôn trầm, tăng thêm biện tài, và rất dễ nhập định. Xưa nay quá giờ ngọ chúng ta không ăn có giữ giới như thế công đức rất hoàn hảo, hợp với con đường trung đạo.

Phật tử tại gia chưa có cơ hội xuất gia, ch ^{ảng} hay phòng thọ bát quan trai giới, người tại gia một ngày một đêm thọ bát quan trai giới, từ

sáng nay cho đến sáng mai, mỗi một đi ^{ầu} giới có năm vị th ^{ần} hộ giới đến quản lý, sau khi xả giới các ông li ^{ên} rời khỏi giới tràng, nếu các vị

muốn tiếp tục kéo dài thêm nữa là việc rất tốt, chủ yếu mỗi ngày chúng ta đ ^{ầu} thọ, nếu ch ^{ảng} hạn xuất gia giới tướng tạp loạn. Có đ ^{ầu} là các vị thời gian không nh ^{ều}. Tóm lại, Phật pháp tại gia hay xuất gia đ ^{ầu} bình đẳng, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng ch ^{ảng} qua là trợ duyên giúp đạo. Dĩ nhiên như thế, chúng ta không nên qua mắt Quán Âm, cũng không nên lừa dối chính mình, tập trung tinh th ^{ần} nỗ lực dụng công để tìm ra ánh sáng đạo m ^{âu}.

PHẦN 3
TÂM KINH GIẢNG GIẢI



TÂM KINH GIẢNG GIẢI
BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán tự tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt, bất cầu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cõi không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãm, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãm giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử

tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cõi, Bồ-đề Tát-đỏa-y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cõi, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cõi, vô hữu khủng bố, viễn ly diên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cõi, đắc A-nậu Đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề

Cõi tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cõi thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ-đề tát bà ha.



Thưa các vị Thiện hữu tri thức, các vị Pháp sư và Cư sĩ.

Hôm nay tại Bửu Liên Thiền tự có tổ chức pháp hội giảng kinh liên tục ba đêm. Với bản kinh rất đơn giản và phổ thông, mọi người đều có thể biết được, đó là “TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT

ĐÀ”, gọi tắt là Tâm Kinh.

Chữ tâm này rất quan trọng, thành Phật cũng do tâm, tạo nghiệp và làm chúng sinh cũng do tâm; lên thiên đường cũng do tâm; đọa vào địa ngục cũng do tâm, cho nên kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm ghi: “Nếu người muốn biết rõ tất cả chư Phật ba đời, nên quán pháp giới tính, tất cả chỉ do tâm tạo”.

Tâm như công họa sư

Hỏa chủng chủng ngũ uẩn

Nhất thiết thế giới trung

Giai do duy tâm tạo

Dịch:

Tâm như nhà họa sư

Ngũ uẩn từ tâm sinh

Hay vẽ những thế gian

Đều do tâm tạo tác.

Ví như Hương Cảng là do tâm tạo ra, do tâm con người đến nơi này, có phước đức mà lập dựng nên. Non sông gấm vóc của Tổ quốc cũng do tâm lành của người dân xây dựng thành, cho đến thế giới Ta-bà của chúng ta, cũng do tâm chúng sinh ở thế giới Ta-bà này tạo nên; thế giới Cực lạc là do Phật A-di-dà và tâm của đại chúng thanh tịnh tạo ra. Thật vậy, rất nhiều người chưa nhận biết được tâm này, vì mê lầm tâm này mà thọ khổ vô lượng, sinh tử luân hồi không có ngày dừng, chỉ có chư Phật và Bồ-tát mới thấu suốt được tâm này.

Khi hiểu biết tâm này một cách viên mãn thì gọi là Phật, nếu thấu hiểu từng phần, tâm này gọi là Bồ-tát, Bồ-tát là chủng nhân thành Phật, Phật là quả thành tựu của Bồ-tát, Phật nhân và Phật quả không lìa tâm sáng suốt này, nếu tâm chưa sáng, Phật nhân của chúng ta sẽ

không có ph&graveacute;n, thì Phật quả cũng lại như thế. Cho nên người học Phật có một điều kiện: Chư Phật hành trì như thế nào, thì chúng ta cũng phải hành trì như thế ấy, chư Phật tu như thế nào, chúng ta cũng phải tu hành y như thế. Nhưng thế nào là tu? Chính là thấu suốt được tâm ấy!

Luận Đại Thừa Khởi Tín cho tâm có bốn tướng: Sinh, trụ, di, diệt. Phàm phu ở trong bốn tướng chỉ có rõ biết tướng diệt, khi tâm phàm diệt r&graveacute;, phàm phu mới rõ biết, nhưng thật ra chẳng rõ biết, bởi vì tâm lặng đi, tâm mất r&graveacute;, tâm đã không còn, thì như vậy khi nào mới biết rõ được tâm? Giống như giặc rút lui hết r&graveacute; mới dấy binh, giặc đi r&graveacute; đem binh đến cũng vô dụng, thế nên phàm phu không gọi là giác... tâm phàm diệt r&graveacute; mới giác thì có tác dụng gì?

-Thế nào gọi là tướng diệt? Ví như chúng tôi vừa buông bỏ vọng tưởng, ngay khi lúc buông vọng tưởng mà không biết chính mình buông bỏ vọng tưởng, khi buông bỏ vọng tưởng xong mới biết vừa r&graveacute; mình buông vọng tưởng, thì vọng tưởng ở nơi đâu? Ta có nắm bắt được nó hay không?.. Hay là nó đã lặng đi r&graveacute;! Thế nên, phàm phu biết được tướng diệt thì chẳng gọi là giác. Lại như một niệm ác khởi lên, ta biết được niệm ác đó chẳng, hay là diệt r&graveacute; mới biết? Nếu như niệm chưa diệt lại chẳng giác, sau khi niệm diệt r&graveacute; mới giác, thì không gọi là giác. Thế nên, phàm phu đối với tự tâm một điểm cũng không giác, sau khi diệt r&graveacute; mới giác thì gọi là bất giác.

-Thế nào gọi là tướng dị? Dị tức là biến đổi không cố định. Biết cảnh biến đổi ở thế gian nên không còn biến đổi nữa, một khi biết tướng biến đổi của tâm thì tướng biến đổi này liền rõng không, đó là biết cảnh biến đổi nên không còn biến đổi. Ví như người trong mộng, biết được mộng thì mộng không còn, cũng như người suy nghĩ sai lầm, một khi biết được sự sai lầm liền không còn sai lầm.

-Hàng Nhị thừa biết được tướng biến đổi của tâm, tướng biến đổi là đúng hay sai? Cho đến tướng thiện-ác, sinh tử, nhân ngã, oán thân,... đều là tướng biến đổi, hàng Nhị thừa biết được tướng biến đổi của tâm, biết được cảnh biến đổi, nên không còn biến đổi, liền không có đúng sai, thiện-ác, sinh tử, nhân ngã, oán thân... không biến đổi đây là Niết-bàn, cho nên hàng Nhị thừa chưa có gì hoàn toàn viên mãn, họ chẳng qua chỉ tu hành dụng

công, thấy được tướng biến đổi của tâm, biết được cảnh biến đổi là không biến đổi, thì sinh tử

liền dứt.

Bồ-tát tiến thêm một bước biết rõ tướng trụ, biết được tướng trụ

nên không còn trụ, khi mê liền có tướng trụ, khi tỉnh ngay đó liền không. Ví như chúng ta khi tạo việc ác là tâm niệm đang mê, khi tỉnh liền không tạo tác; không tu thiện thì mê, một khi giác liền tu thiện thì không mê, cho nên biết được tướng trụ thì không còn trụ ngay lúc biết tướng trụ thì tất cả không có chỗ trụ, còn có chỗ trụ đây là vọng tâm, tất cả không chỗ trụ liền là chân tâm.

Bồ-tát không trụ, không trụ lại là tướng gì? Không trụ đây là vô tướng, không trụ là bên trong không có tướng ngã, bên ngoài không có tướng nhân, khoảng giữa không có một vật, gọi là tam luân không tịch, (Ví như lúc bối thí, không có tướng ngã của người bối thí, không có tướng của vật đem ra bối thí, cũng không có tướng của người thọ

nhận bối thí. Thế nào là không? Chẳng trụ tướng là không, còn trụ

tướng là có, người đời chọn hình tượng Phật lê bái, chọn chúng Tăng dâng cúng dường, hai việc làm này cũng là hình thức trụ tướng, chọn Phật lê bái thì công đức không thể to lớn, chọn chúng Tăng cúng dường thì mất đi tâm dâng cúng rộng khắp, không gọi là phô cúng dường, đây gọi là tâm phân biệt thỉnh cúng dường, tâm nhỏ hẹp thì công đức cúng dường cũng nhỏ hẹp).

Không trụ tướng bối thí, dâng cúng một người cũng là cúng dường tất cả mọi người, bởi vì tâm không trụ giống như hư không, công đức cũng rộng khắp như hư không.

Kinh Kim Cang ghi: “Bồ-tát đối với pháp, nên không chỗ trụ mà thực hành bối thí, gọi là không trụ sắc bối thí, không trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bối thí; này Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên như thế bối thí, không trụ nơi tướng, vì có sao! Nếu Bồ-tát không trụ tướng bối thí thì công đức không thể nghĩ lường;

này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao! Hư không phương Đông không thể nghĩ lường chăng? Không thể nghĩ lường vậy, Thế Tôn! Nay Tu-bồ-đề, phương Nam phương Tây phương Bắc, hư không từ phía và hai phương trên dưới không thể nghĩ lường chăng? Không thể nghĩ lường vậy, Thế Tôn! Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát không trụ tướng bối thí, phước đức cũng không thể nghĩ lường như

thê”.

Bồ-tát biết được tướng trụ nên không còn trụ, bởi vậy không trụ sinh tử, không trụ Niết-bàn; nếu trụ bối thí, thì không thể tu tiến trì giới, nếu không trụ nhẫn nhục, thì không thể tu tiến thiền định, Bồ-

tát không có chỗ trụ như thế, đây gọi là đặng tu lục độ vạn hạnh.

Tướng sinh tâm như thế nào? Nếu biết tướng sinh túc là không sinh, không sinh là gì? Không sinh chính là Phật, Bồ-tát đãng giác vẫn còn một phần vô minh sinh khởi, Bồ-tát thập địa vẫn còn hai phần vô minh sinh khởi, Bồ-tát sơ địa thì có mười phần vô minh sinh khởi, Phật thấy được tướng sinh của tâm, biết được tướng sinh túc vô



sinh, thấy tâm vô sinh, thì xem tất cả pháp cũng vô sinh, chứng được vô sinh pháp nhẫn; phiền não là pháp sinh tử, phiền não không sinh liền chứng được Bồ-đề, nghiệp chướng không sinh, đây là giải thoát, sinh tử không sinh, đây là Niết-bàn, chúng sinh vô sinh liền là chư

Phật. Cho nên chúng sinh thành Phật rất dễ, chỉ cần có thể biết tướng sinh là vô sinh, ngay đó thành Phật. Vì thế, Phật gọi là Đại giác viên mãn.

Phật đối với bốn tướng của tâm rất rõ ràng thông suốt, cho nên gọi là minh tâm... biết tướng sinh là không sinh, biết được tướng trụ

là không chỗ trụ, biết cảnh biến đổi của thế gian là không còn biến đổi, biết tướng diệt ngay đó liền không diệt, bốn tướng sinh trụ di

diệt đâu không, đây chính là tâm Bồ-đề, tâm thanh tịnh, cũng chính là tâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chỉ có Phật mới thể nhập cứu cánh, phàm phu mê là do bất giác nên không nhập được.

Tu hành chính là muôn sáng được tâm, nhưng muôn sáng tâm không phải dễ, Tổ sư Đạt-ma có một bài kệ:

Tâm tâm tâm,

Nan khả t`âm,

Khoan thời biến pháp giới,

Trách dã bất dung châm

Dịch:

Tâm tâm tâm,

Khó có thể suy tìm,

Khi rộng trùm pháp giới,

Khi hẹp chẳng chứa mũi kim.

“Tâm tâm tâm” Chính là chỉ cho tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai. Kinh Kim Cang ghi: “Tâm quá khứ không thể được”. Đã không thể được thì làm sao mà tìm? Nếu tâm có thể được thì mới đi tìm. Lại ví như hư không, không hình, không tướng làm sao có thể

nắm bắt, ba tâm ấy không thể được, nên gọi là khó có thể truy tìm.

“Khoan thời biến pháp giới”, khoan nghĩa là rộng lớn, khi rộng thì trùm khắp pháp giới, “Trách dã bất dung châm” khi hẹp thì một mũi kim cũng không lọt, hai câu sau là chỉ tướng mạo của tâm.

Lại nói:

Ngã bốn c`ầu tâm bất c`ầu Phật
Liễu tri tam giới không, vô vật,
Nhược dục c`ầu Phật đản c`ầu tâm,
Chỉ giá tâm tâm thị Phật.

Dịch:

Ta vốn c`ầu tâm chẳng c`ầu Phật,
Rõ biết ba cõi không, không vật.
Nếu muốn c`ầu Phật chỉ c`ầu tâm,
Chỉ tâm tâm này là Phật.

Tổ sư Đạt-ma nói: “Ta chỉ c`ầu tâm, chẳng c`ầu Phật”. Chư Phật ở phương Đông như sô cát sông Hằng, phương Nam phương Tây phương Bắc, bốn phương và hai phía trên dưới cũng có chư Phật như sô hát sông Hằng, thế thì ông c`ầu đức Phật nào? Cho nên nói, ta vốn c`ầu tâm chẳng c`ầu Phật. “Biết rõ ba cõi không, không vật”, ba cõi do tâm tạo, nếu sáng được tâm, ba cõi liền không, người xưa nói: “Ba cõi không có pháp nào khác, chỉ là một tâm tạo, nếu người biết được tâm, đại địa không tặc đất”. Cho nên ba cõi chỉ do tâm, chẳng phải ngoài tâm có ba cõi, chúng ta trụ ở trong ba cõi này, hoàn toàn do tâm biến hiện, đều do tâm tạo, cho nên Tổ Sư nói biết rõ ba cõi là không cũng không có một vật. “Nếu muốn c`ầu Phật chỉ

c`ầu tâm, chỉ tâm tâm này là Phật”. Muốn thành Phật, cần phải sáng tâm, Phật vốn từ tâm tạo, chẳng phải Phật tạo ra Phật, từ tâm thành Phật, cho nên trong kinh có ghi: “Là tâm là Phật, từ tâm thành Phật”. Tổ sư Đạt-ma dạy chúng ta phải sáng được tâm, tức tâm là Phật.

偈

居塵囂
錢則殲兮
家中有寶道且隨緣
對境無心休尋覓
蔓問禪
陳仁宗

Dịch nghĩa

Ở đời vui đạo lây tùy duyên
Đời đến thì an nhàn ngủ liền
Trong nhà có báu thời tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chờ hời thiên

Trích theo bài kê:

Ngã bỗn c`âu tâm tâm tự trì,

Cầu tâm bất đắc đai tâm tri,
Phật tính bất tùng tâm ngoại đắc,
Tâm sinh tiện thị tội sinh thời.

Dịch:

Ta vốn cầu tâm, tâm tự giữ,
Cầu tâm chẳng được đợi tâm biết.
Phật tính chẳng từ ngoài tâm được,
Tâm sinh ngay đó tội liền sinh.

Ý nghĩa hai câu đầu: Nếu chúng ta muốn cầu tâm, thì tâm ấy sớm đã trói buộc chính mình. Xưa kia Trưởng giả Tu-đạt-đa xây dựng Tinh xá Kỳ Hoàn, Xá-lợi-phật và ông ấy cùng đi đến kéo dây cẩm mốc, Xá-lợi-phật bất chợt cười lên, Trưởng giả hỏi có sao Ngài cười? Xá-lợi-phật nói: “Tinh xá Kỳ Hoàn vẫn chưa xây dựng, hiện tại chỉ là kéo dây đo đất mà thôi, nhưng phước báo của Ngài đã hiện rõ ra ở cõi trời lục dục”. Chỉ sáu tầng trời của dục giới: **1. Tứ thiên vương.**

2. Đao lợi thiên.

3. Dạ ma thiên.

4. Đâu suất thiên.

5. Lạc nhạo biến hóa thiên.

6. Tha hóa tự tại thiên.

Trưởng giả nói: “Tôi hy vọng chỉ sinh vào cung trời Đâu-suất, gần gũi với Bồ-tát Di-Lặc”. Nói xong lời này, năm tầng trời trong sáu cõi trời dục đều ẩn, chỉ còn cung trời Đâu-suất hiện ở trước mắt, đây gọi là “Tâm tự tri”.

Trì nghĩa là gìn giữ tâm, Tinh xá Kỳ Hoàn tuy chưa xây dựng, chỉ mới khởi niệm, phước báo liền hiện ra ở cõi trời, cũng như chúng ta chưa cài tâm, thì đã bị tâm trói buộc chính mình rã.

“Cài tâm chẳng được đợi tâm biết”, tâm vốn rất sáng suốt, khi cài tâm không thể để bị tâm biết, tuy nhiên tâm chính là cái tâm chân thật của mình, gọi là tâm Bồ-đề, cũng gọi là bản tâm, nhưng từ

vô thủy kiếp đến nay chúng ta quên mất bản tâm này, nếu muốn tìm lại bản tâm này, ta không nên khởi tâm động niệm tìm cài, một khi khởi tâm động niệm, là bị tâm giết liền cài không được, người xưa tu hành đều là vô tâm ngộ đạo, vọng tưởng buông đi tâm liền sáng suốt, người ấy hoàn toàn đều là vô tâm, đây gọi là vô tâm ngộ đạo, nếu còn vọng tâm, đạo không thể hiện tiễn trước mắt, cho nên nói vô tâm là đạo.

“Phật tính không từ ngoài tâm mà được”, chẳng phải ngoài tâm có Phật tính, cho nên nước trong thì trăng hiện, tâm thanh tịnh thì Phật hiện tiễn. “Tâm sinh ngay đó tội liền sinh”, lúc tâm dấy khởi, không những Phật tính không thấy được, thì tội đã hiện sờ sờ trước mắt, thế nên người học Phật cần phải thận trọng, tâm sinh tội liền sinh, khởi tâm túc sai, động niệm liền trái, khởi tâm động niệm đều là tội lỗi, có tội còn có thể được thấy Phật tính sao? Nếu chúng ta có tội liền phải chịu quả báo.

Chúng ta muốn nhận biết rõ ràng cái tâm ấy là gì? Tâm Bồ-đề, tâm Niết-bàn, tâm chân như, tâm Phật, đây là chân tâm thường trú, các vị vẫn có thể chưa thấu suốt được ngu侬 tâm, bây giờ tôi xin giải thích ngắn gọn rõ ràng ở dưới đây:

Luận về minh tâm, chính là thấu suốt tâm phiền não chưa sinh trở

về trước, tâm phiền não là cái đến sau, có vô minh trước rã mới có phiền não. Một niệm bất giác gọi là vô minh, từ vô thủy kiếp đến nay tâm mê là có phiền não. Phiền não xưa nay vốn không, vậy tâm xưa nay không có phiền não là như thế nào? Chúng ta cần phải thấu suốt điều này, nếu phiền não xưa nay là thật, thì không một người nào có thể tu hành thành Phật được, bởi do phiền não xưa nay không thật, cho nên chúng ta chắc có cơ hội tu hành thành Phật, chỉ cần ngộ

được phiền não xưa nay vốn không, liền thấu suốt tâm thanh tịnh, không phiền não, tiến thẳng vào con đường thành Phật.

Thế nào là tâm không phiền não? Là bản lai dien mục của chúng ta, bản lai dien mục không có phiền não, nếu có phiền não chẳng phải bản lai dien mục, bản lai dien mục không có sinh tử, sinh tử v.v.

sau mới có, sinh tử khi chưa sinh trở về trước, xưa nay vốn không sinh tử, tâm xưa nay không sinh tử chính là tâm Bồ-đề của chúng ta, tâm Niết-bàn, tâm chân như, tâm Phật, chúng ta phải dùng cái tâm không sinh tử này mà tu hành để đạt được Niết-bàn, tiến thẳng vào con đường thành Phật.

Có phải chúng ta chờ đợi tâm phiền não diệt rồi, mới có thể thấy được tâm Bồ-đề thanh tịnh hay không? Chẳng phải là lúc có phiền não ta cũng có thể thấy Bồ-đề sao? Bởi vì phiền não không thể làm nhiễm ô tâm Bồ-đề, khi có phiền não ấy mà, cũng có thể ở trong phiền não, nhận thấy được tâm thanh tịnh xưa nay là không phiền



não. Thật ra, chúng ta nhất định phải có Thiện hữu tri thức chỉ dẫn, lại c`ần phải tự mình quyết tử tu hành, hội đủ hai nhân duyên này mới có thể đoạn trừ phiền não, Bồ-đề-sê hiện tiền.

Sinh tử xưa nay vốn không, tất cả chúng ta tuy có sinh tử, nhưng tâm thanh tịnh sáng suốt không sinh tử, cũng không nhất định lìa sinh tử mới thấy Niết-bàn, mà ngay ở trong sinh, lão, bệnh, tử

khoảng mấy mươi năm ta có thể thấy tâm thanh tịnh Niết-bàn không sinh tử, thật ra, chúng ta cũng c`ần phải có Thiện tri thức chỉ dẫn và tự mình cố gắng dũng mãnh tinh tấn tu.

Thế thì, dụng công thế nào mới có thể thấy được tâm Niết-bàn?

Đề Kinh nói Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu muốn thấy tâm thanh tịnh, thì phải nương vào sức lực Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã là gì? Bát-nhã là trí huệ, là mẹ của ba đời chư Phật, người đời chỉ có thông minh, gọi là thế trí biện thông, lại trái với tự tâm mà nhận lấy ngoại cảnh, khi nhận lấy ngoại cảnh chắc có cái ngã bên trong, trái với tâm nhận lấy cảnh mà nghiên cứu thế pháp, gọi là hướng ngoại cài học, thì không thể xa lìa một chữ ngã, vì có cái ngã tích chứa học vấn nên gọi là thông minh, thế nên người thông minh trí huệ ở thế gian khẳng định phải có cái ngã, cho nên người thông minh ngã kiến (chỉ thân tâm của mình do ngũ uẩn hòa hợp giả tạm tạo ra mà cho là thường trú cố định, đó là ngã kiến) rất nặng, học vấn càng nhiều ngã kiến càng sâu.

Có ngã, đó là pháp hữu vi, Bát-nhã chẳng phải là pháp hữu vi.

Nên bỏ ngoại cảnh mà cài tự tâm sáng suốt của mình, tâm sáng suốt là khẳng định không có cái ngã bên trong; tâm sáng suốt là muôn pháp đong quán... muôn pháp không lìa tự tâm! Thấu rõ tâm này, ba đời chư Phật cùng đong ở trong tâm, mười phương thế giới cũng ở

trong ấy! Mười phương thế giới cũng rõ ràng, chúng ta thấu suốt cái tâm này, bất luận văn tự trong ngoài, cho đến ngôn ngữ của loài chim thú cũng thông suốt rất rõ ràng, đều được ngôn ngữ Đà-la-ni, cho nên khi tâm sáng suốt muôn pháp đều thông, chỉ cần vô ngã, tâm ta vô ngã, muôn pháp đều thông, đây chính là trí huệ Bát-nhã.

Bát-nhã, thông thường gọi là trí huệ, nhưng ta cho là phải thêm vào hai chữ... Bồ-đề, trí Bồ-đề gọi là Bát-nhã, Bồ-đề là Phật tính, từ

Phật tính lưu xuất trí huệ cũng chính là Bát-nhã, không phải hướng ngoại cài học có được Bát-nhã, hướng ngoại cài học chỉ gọi là thông minh, không gọi là trí huệ Bát-nhã, chỉ có lìa cảnh tâm sáng suốt, tâm sáng phát sinh trí huệ, đây gọi là Bát-nhã.

Phản cảnh xét tâm, mắt xem lại chính mình, không hướng ngoại nhìn người khác. Xem lại chính mình là biết những lỗi lầm của mình có hay không, như thế gọi là phản tỉnh, đem lỗi lầm chính mình tẩy trừ hoàn toàn trong

sạch. Cho nên Lục Tô nói: “Bậc đạo nhân chân tu, thường tự thấy lỗi mình”. Vì sao chúng ta không thể thường tự

thấy lỗi mình? Đâu do mắt chúng ta không xem lại chính mình, mà hay hướng ngoại nhìn lỗi người khác, thường nhìn lỗi người khác như vậy, thì làm sao thấy được tội lỗi của chính mình, chúng ta nhất định phải hỡi quang phản chiếu, để thấy được lỗi của mình.

Xem lại chính mình có phải là tính cách tiêu cực? Hay tích cực?

Nhìn lại chính mình là thái độ tích cực chứ không phải hành động tiêu cực. Tự nhìn lại mình là chúng ta đạt đến một trình độ cao tột, từ

nhục nhãnsẽ phát sinh thành thiên nhãns, khi có thiên nhãnhiện tiền, thì trên trời dưới trời đâu nhìn thấy rõ ràng, không ngại, có thể

thấy thấu suốt đến thế giới Cực lạc. Tự xem lại chính mình thì tiến thêm một bước, khi chúng được huệ nhãnhiện tiền, thân này là vô ngã, sinh tử một lúc liền không, vượt ngoài ba cõi; tự xem lại chính mình thì tiến thêm một bước, chúng được pháp nhãnhiện tiền, nên tất cả không ngoài cái biết trùm khắp, lục độ vạn hạnh cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn, đâu có thể biết một cách rõ ràng; rốt sau chúng được Phật nhãnhiện tiền, thấy cảnh giới Phật, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thập lực, tú vô sở úy, pháp thập bát bất cộng, đại từ đại bi, đại hỉ đại xả, công đức Phật viên mãn, mỗi



mỗi đài rõ ràng.

Nếu chúng ta nhìn lại chính mình, không hướng theo bên ngoài, liền có thể thấy đủ ngũ nhãn, (nhục nhãn là mắt thịt, thiên nhãn là mắt trời, huệ nhãn là mắt huệ, pháp nhãn là mắt pháp, Phật nhãn là mắt Phật). Vì thế, Bát-nhã không phải hướng ngoại mà cùi, Bát-nhã chính là tự nhìn thấy lại chính mình.

Xưa kia Ngũ Tổ bảo Lục Tổ làm việc, Lục Tổ đáp rằng: “Đệ tử tự tâm thường phát sinh trí huệ, chẳng lìa tự tính, ngay đây là phước điền, con chưa hiểu Hòa thượng chỉ dạy con làm việc chi?” Trí huệ tự tâm sinh khởi, chẳng lìa tự tính, ngay đây là phước điền, có thể

Lục Tổ ban đài đã hiểu rõ được ý nghĩa nhìn lại chính mình, nhưng tự nhìn lại chính mình là việc rất khó, nhìn lỗi người khác là dễ dàng, tự nhìn lỗi mình tức khó được cơ!

Cho nên mắt thịt của chúng ta không dễ tự thấy; tai thường không dễ tự nghe; tâm vọng chẳng thể tự giác, ý tưởng nhớ chẳng dễ tự biết, tự nhìn tự xem, không phải dễ dàng, nhưng chúng ta nhất định c`ần phải hướng vào chỗ ấy mà hạ thủ tiến tu.

Xưa kia Mã Tổ có một người đệ tử là Thiền sư Thạch Củng, khi chưa xuất gia ông là một vị đại tướng quân, thích thú trong công việc săn bắt nai. Có một hôm, ông đi ngang qua đao tràng của Mã TỔ, Mã TỔ hỏi: “Ông là người gì?” Ông ấy đáp: “Tôi là thợ săn, chuyên săn bắt nai”. Mã TỔ hỏi: Một mũi tên ông bắn được bao nhiêu con? Ông ấy đáp: “Bắn được một con”. Mã TỔ nói: “Người thật chẳng biết săn bắt”. Con không thể săn bắt, thế thì Hòa thượng biết săn bắt chẳng?”.

Mã TỔ nói: “Ta cũng biết săn bắt”. “Thế thì một mũi tên Ngài bắn được bao nhiêu con?”

Mã TỔ đáp: “Một mũi tên ta bắn cả bầy”. Thợ săn nói: “Đây đó là chúng sinh, có sao một mũi tên bắn cả bầy?” Mã TỔ nói: “Người đã thấu hiểu đạo lý ấy, sao chẳng tự bắn?”

“Nếu dạy con đây tự bắn, thì không có chỗ hạ thủ”. Ngài xem, con săn nai có chỗ hạ thủ không, con tự bắn lại không có chỗ hạ thủ.

Ngay đó Mã TỔ liền tán thán khen ngợi: “Kẻ này nhíu kiếp vô minh trong nhất thời liền tiêu sạch”. Tự bắn chỗ không hạ thủ tức là không còn có mình, cho nên dù trải qua nhíu kiếp vô minh, mà trong nhất thời liền tiêu sạch, nhân việc này vị tướng quân ấy xuất gia.

Chúng ta c`ần biết, nếu đoán trừ mỗi niệm mỗi niệm phiền não, c`ần phải có thời gian lâu dài, nếu hay luôn tự đoán trừ phiền não như

thế, thì tất cả phiền não một lúc đều sạch. Phiền não từ nơi nào phát sinh? Từ ta mà sinh ra, khi tự ngã phiền não đã tiêu diệt, cho nên tự

xem tự thấy các pháp môn rất vi diệu, chỉ là chỗ không hạ thủ mà thôi. Vì thế, Bát-nhã không phải hướng ngoại mà c`ầu, ta quên chân tâm theo ngoại

cảnh là có ngã, đây là thuộc là thế trí biện thông, khi quên cảnh trở về chân tâm mới là vô ngã, tâm sáng suốt phát sinh trí huệ, trí huệ không lìa tự tính, đây là trí Bát-nhã.

Chúng ta có trí Bát-nhã rõi lại phải như thế nào? Bát-nhã ba-la-mật-đa ư!

Sao gọi là Ba-la-mật? Ba-la-mật nghĩa là đến bờ bên kia (Bờ giác ngộ), và đạt được cảnh giới chư Phật và Thánh nhân, chứng được Niết-bàn, thế nhập Bồ-đề, luôn ở cõi thường tịch quang, nói giản đơn là trở về quê hương chốn cũ.

Đáo bỉ ngạn làm sao chúng ta hiểu được? Lục Tổ giải thích rất rõ ràng: “Tiếng Phạn Ba-la-mật, Trung Hoa dịch là sự cứu cánh đến bờ

bên kia, có nghĩa lìa sinh diệt, nếu chúng ta chấp ngoại cảnh, thì tâm sinh diệt liền khởi, như nước nổi sóng mòn, tức là bên bờ mê, tâm lìa trôi cảnh không sinh không diệt, như nước thường trôi chảy, tức là đến bờ giác”. Thế nên dùng trí Bát-nhã ba-la-mật, xem tất cả pháp không sinh không diệt, thì đó gọi là bờ Niết-bàn. Nếu người thông minh không chấp ngã, nhưng lại thấy tất cả pháp có sinh có diệt, thì đó là bến bờ sinh tử, ngay thế giới này tất cả đều là sinh diệt: Cõi nước, con người, sự việc hết thảy đều là sinh diệt, như nước luôn nổi sóng, sóng bờ này không đong sóng bờ kia, Hương Cảng chẳng đong với Luân Đôn, nếu chúng ta đến bờ giác lìa cảnh không sinh diệt, đây là Niết-bàn, như nước thường lưu thông, nước này và nước kia đã trở thành một khối, Niết bàn cũng là Ta-bà, Ta-bà cũng là Niết-bàn. Đây gọi là lưu thông.

Có được trí huệ Bát-nhã rõ, chúng ta mới xem tất cả các pháp là không sinh không diệt, và tất cả pháp thanh tịnh dung hợp nhau, muôn pháp thành một khối, đó gọi là đến bờ kia, muôn pháp thanh tịnh, đây gọi là tâm Ba-la-mật... tâm thanh tịnh, cũng là tâm không còn luân hồi sinh tử, không phiền não, trừ sạch nghiệp chướng. Đến bờ kia rõ, sau đó thấy được tâm chân như, tâm thanh tịnh, và chứng được tâm Niết-bàn.

Nhưng trí Bát-nhã không phải là một vật, trí Bát-nhã chưa từng lìa tất cả pháp, mà lại chẳng phải là tất cả pháp, trí Bát-nhã là vô tướng. Kinh Bát-nhã ghi: “Sắc tức là không nên trí Bát-nhã cũng không; sắc là vô ngã nên trí

Bát-nhã cõng vô ngã; sắc là vô tận nên trí Bát-nhã cõng vô tận; sắc không hoại nên trí Bát-nhã không hoại, sắc thanh tịnh nên trí Bát-nhã thanh tịnh; thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên trí Bát-nhã thanh tịnh, thọ tưởng hành thức vô ngã nên trí Bát-nhã vô ngã; thọ tưởng hành thức không, nên trí Bát-nhã cõng không”. Cho nên trí Bát-nhã chẳng lìa tất cả pháp, trí Bát-nhã cùng tất cả pháp tạo thành một khối. Như Lai nói kinh Bát-nhã, giảng suốt hai mươi hai năm, chính là do không lìa một pháp Bát-nhã.

Dùng trí Bát-nhã xem thấy chính mình, tự nghe, tự giác, tự chiểu.

Lìa cảnh quán tâm liền được pháp vô ngã, vì thế nên rõ được sinh tử, ngày xưa có một Thiền tăng đến hỏi Thiền sư Duy Chánh:

“Thỉnh hỏi Thiền sư, đạo ở chỗ nào?”

Thiền sư đáp: “Đạo ở trước mắt”.

-Đạo ở trước mắt vì sao con không thấy?

Thiền sư đáp: “Vì có ngã cho nên không thấy”.

-“Có ngã chẳng thấy, vậy Hòa thượng thấy chăng?”

-Nếu có ngươi có ta cho nên chẳng thấy.

-“Nếu không ngươi không ta, thì thấy chăng?”

-Không ngươi không ta thì ai cõi thấy.

Thế nên, nếu muốn cõi trí Bát-nhã, thì diệt sạch hết chấp ngã, tâm vô ngã tức là thấy đạo, thấy đạo liền sinh trí huệ, đây chính là trí Bát-nhã.

Bây giờ vào chính văn...

Quán tự tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiểu kiến ngũ uẩn giai không.

Khi Bồ-tát Quán tự tại hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Ngài soi thấy năm uẩn đâm không.

Vì sao trong Tâm kinh không có phàn lục chủng thành tựu? Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, Phật ở nơi nào.. để chứng minh đây là kinh Phật nói.

Thời nhà Đường Thái Tông có một vị Quốc sư là Pháp sư Huyền Trang, lúc ở tại gia họ Trần, năm mươi hai tuổi theo anh trai xuất gia. Sau khi xuất gia, đọc tất cả kinh điển, có một số kinh điển do pháp sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch, và một số kinh điển do các pháp sư khác phiên dịch, Ngài đối với kinh điển này có những câu còn nghi ngờ, nên trong lòng muốn đến Ấn Độ thỉnh kinh, sau khi ngủ

nhờ ở Thành Đô Tứ Xuyên, gặp được một lão Hòa thượng, thân bị bệnh ghẻ lở, mọi người không ai dám đến gần, chỉ có pháp sư Huyền Trang còn trẻ với lòng thông cảm phụng dưỡng ông ấy, giúp ông rửa



sạch máu mủ và thoa thuốc, chẳng bao lâu lão Hòa thượng bệnh ghẻ lở hết hẳn, lão Hòa thượng nhớ ơn của Ngài mà không có gì báo đáp, chỉ có một bộ kinh, lão Hòa thượng đem bộ kinh ấy đọc lại cho HuyỀn Trang nghe, đó chính là bộ Tâm Kinh. Tổng cộng bộ Tâm Kinh có hai trăm sáu mươi chữ, đọc qua một lần pháp sư HuyỀn Trang liỀn nhớ trong tâm, sau đó Ngài đem ra dịch lại một chữ cũng không sai, Pháp sư Cưu-ma-la-thập cũng có phiên dịch bộ Tâm Kinh này, gọi là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm kinh, có đây đủ lục chủng thành tựu: Tôi nghe như vậy.. nhưng lão Hòa thượng không kịp truyỀn hết cho pháp sư HuyỀn Trang mà chỉ đọc một cách ngắn gọn rõ ràng và trôi chảy. Lão Hòa thượng ấy là người gì? Ông ấy chính là Bồ-tát Quán Thế Âm.

Trên đường pháp sư HuyỀn Trang đến Ấn Độ thiền kinh, đi qua sa mạc dài tám trăm dặm, trên trời không có chim bay, dưới đất không có thú chạy, và không thấy một bóng người qua lại, chỉ toàn là ma quái, niệm kinh gì cũng không hàng phục được, Ngài chỉ niệm Tâm Kinh thì tất cả yêu ma quỷ mị đều ẩn náu. Nhờ công đức và thần lực của Tâm Kinh này, mà HuyỀn Trang đến Ấn Độ thiền kinh thành công, sau mười lăm năm du học, Ngài trở về Trung Hoa và làm Quốc sư, Ngài chuyên tâm vào công tác phiên dịch kinh điển.

Tâm là thần lực của Bồ-tát Quán Thế Âm, tâm và trí lực của Bồ-tát Đại Trí Văn Thủ Sư Lợi, nội tâm và pháp lực, đây chính là đại hạnh của Bồ-tát Phổ HiỀn, trong tâm và nguyện lực, đây chính là Bồ-tát Địa Tạng Vương.

Cho nên Bồ-tát Quán Thế Âm dạy chúng ta tâm phải sáng suốt, phàm phu do tâm chưa sáng, nên khởi phiền não tạo nghiệp, thọ vô lượng sinh tử khổ não, thế nên trong văn kinh nói rằng: “Khi Bồ-tát Quán tự tại hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thấy năm uẩn đài không, liỀn qua hết tất cả khổ ách”. Trước tiên chủ yếu Ngài dạy chúng ta phải nhận rõ chính mình, chính mình không biết thì không thể độ

mình được, nếu nhận rõ chính mình mới gọi là thường độ mình vậy, và chủ yếu cũng phải nhận biết chúng sinh, thấy rõ chúng sinh đây là chúng ta hay độ chúng sinh, chư Phật đã tự biết rõ thì mình cũng tự

biết chúng sinh, nên chư Phật thành Phật độ tất cả chúng sinh.

Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Đức Phật mười phương, đặng cùng một pháp thân, một tâm một trí huệ, lực vô sở úy”. Như Lai trong tất cả

mười phương cùng đặng một tâm này, không hai không khác. Tâm Phật A-di-dà và tâm Phật Thích Ca cũng giống nhau; tâm Thích Ca Như Lai và tâm Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai cũng lại như thế, cho nên chư Phật mười phương vô lượng cùng đặng một tâm. Xem lại tâm chúng sinh, mỗi mỗi chẳng đặng, bởi vì tâm chúng sinh là tâm vọng tưởng, tâm vọng như thế làm sao có thể tương đặng, có ta có người cho nên có vọng, có một trăm người thì một trăm người vọng tưởng, cho nên tâm người chẳng đặng.

Vậy mặt người như thế

nào?

Thế nên Bồ-tát Quán tự tại. Tùy theo căn cơ thuyết pháp đối với bệnh khổ vui, tất cả chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, tự mình chưa rõ tâm Bồ-đề mà lại quán pháp, phản tâm Bồ-đề mà lại quán pháp đây chẳng phải nguy hiểm sao? Cho nên ở tất cả pháp không được tự tại mà bị pháp trói buộc. Lìa tâm Bồ-đề quán sắc, liền chấp sắc nén sắc trói buộc, chẳng được tự tại; lìa tâm Bồ-đề nghe âm thanh, liền bị nhiễm âm thanh, lại bị âm thanh trói buộc chẳng được tự tại; lìa tâm Bồ-đề ngửi mùi liền bị mùi trói buộc cũng chẳng được tự tại; lìa tâm Bồ-đề giảng nói liền chấp ngôn ngữ văn tự, cũng chẳng được tự tại, lìa tâm Bồ-đề liền có cảm giác chấp bị xúc trấn trói buộc, nên chẳng được tự tại, chúng ta do chưa rõ được tự tâm chính mình mà quán tất cả pháp, thì trong tất cả pháp chẳng được tự

tại. Nếu quán tâm như pháp, thì tâm sáng suốt, các pháp đều là không, thì trong tất cả pháp chúng ta đều được tự tại. Cho nên Bồ-tát Quán Âm dùng một chữ “Quán” nếu không bảo chúng ta quán các pháp, thì khi chúng ta xem vàng bạc có thể khởi tâm ăn trộm, quán sắc túc chấp sắc, quán danh túc cái danh, cho nên Ngài dạy chúng ta chủ yếu phải lìa trấn cảnh... lìa

cảnh trong tam giới, lìa cảnh sáu tr<`ần, lìa cảnh trời người, lìa cảnh trước
mắt, mà quán chiếu tự tâm, quán



chiếu tự tâm tức là vô tâm, tâm
rỗng không ngoại cảnh yên lặng,
tất cả pháp như huyền như hóa,
như thế trong tất cả pháp chúng ta
đ`âu được tự tại.

Trong Đại bi sám, Bồ tát Quán

Âm nói: “Nếu ta hướng về rừng
gươm thì rừng gươm tự tan biến, nếu ta hướng về nước sôi thì nước sôi tự
khô kiệt, nếu ta hướng về địa ngục thì địa ngục tự tiêu diệt, nếu ta hướng

vềngạ quỷ thì ngạ quỷ tự no đủ, nếu ta hướng vềsúc sinh, thì súc sinh tự
được đại trí huệ” Bồ-tát Quán Âm quán tâm ở tất cả pháp đều được tự tại,
nên gọi là Bồ-tát Quán tự tại.

Phẩm Phổ Môn ghi rằng:

Giả sử sinh ý hại

Xô rót hầm lửa lớn

Do sức niêm Quán Âm

Hầm lửa biến thành ao

Ở hầm lửa tự tại

Hoặc trôi dạt biển lớn

Các nạn quỷ, cá, rồng

Do sức niêm Quán Âm

Sóng mòi chẳng nhận chìm

Ở dưới nước tự tại

Hoặc ở đỉnh Tu-di

Bị người xô rớt xuống

Do sức niêm Quán Âm

Như mặt trời trên không

Ở Tu-di tự tại

Hoặc gặp oán tặc vây

Đều cầm dao làm hại

Do sức niêm Quán Âm

Liền khởi sinh lòng lành

Ở oán tặc tự tại

Bồ-tát Quán Âm chẳng những ở các chỗ khó khăn được tự tại, và trong ba độc tham sân si cũng được tự tại, hôm nay các người thọ trì thánh hiệu Bồ-tát Quán Âm cũng được tự tại.

Nếu có nữ nhân muốn cẩn sinh nam tử, lễ bái cúng đường Bồ-tát Quán Âm liền sinh được người nam phước đức trí huệ, muốn cầu người nữ, liền sinh người nữ tướng mạo đoan chính... và muốn cầu nam cầu nữ đều được như ý.

Khi cúng đường Bồ-tát Quán Âm, là thọ trì cúng đường hằng hà sa công đức Bồ-tát, công đức lại tương đồng, cho nên dù ít nhì gì cũng được tự tại. Nếu có thể dùng thân tự độ mà nói pháp, thì trong tất cả chỗ nơi thân được tự tại.

Có người dùng “Quán tự tại” tự cứu chính mình cũng được tự tại, và tự mình xem lại được cái gì? Chủ yếu tự mình phải nhận biết chính mình, chính mình là chúng sinh, chỉ vì chúng sinh mê mê không rõ được Phật tính, biết rõ được chúng sinh liền nhận ra Phật



tính, nếu chúng ta không mê Phật thì chẳng biết rõ chúng sinh, nếu độ tận chúng sinh thì không còn mê nữa, nếu thật không mê liền thấy được Phật tính, Phật và chúng sinh đều thành chánh giác, và nhất định chúng ta phải hiểu rõ chúng sinh, ví dụ như bánh mì hấp và bánh xép làm từ bột mà thành.

Phản dưới soi thấy năm uẩn đều không, năm uẩn đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, như thế xem thấy năm uẩn đều không ư? Chủ yếu là dùng sức trí Bát-nhã, và trí Bát-nhã không thể hướng ra ngoài tìm cài, mà là soi vào trong để phát hiện, chính mình đây là năm uẩn, năm uẩn đều không liền độ tất cả khổ ách, nếu bị năm uẩn che mờ

liền không thể nhận biết tự mình, cho nên mọi người tu thiền, cũng chẳng biết được tu thiền là ai? Bởi vì bị năm uẩn che mờ, vì vậy phải gia tăng sức trí Bát-nhã Ba-la-mật-đa, liền thấy năm uẩn đều không.

Nhưng việc này một chữ “Thâm” rất là quan trọng, Đại thừa gọi là hành “Thâm Bát-nhã” Tiểu thừa gọi là “Tiểu Bát-nhã”, ta vì việc này mà hành sâu trí Bát-nhã là tinh thần Đại thừa trí Bát-nhã, chúng ta là hành giả tu

thiền nhất định phải hành sâu trí Bát-nhã, chư Phật trong ba đời cũng từ nơi trí Bát-nhã mà ra!

Vượt ngã tam nhìn sâu cạn, không nên xem thường mà phải thấu suốt đến nơi, cho nên Như Lai nói “Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ cõ

danh Như Lai” nghĩa là không từ đâu đến cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai, chúng ta xem lại công phu tu thiền là ai? Mà cũng không có chỗ đến và đi, chỉ có xem việc đó từ trong ấy mà ra, đây chính là từ trong việc ấy thẳng tiến... các pháp không có chỗ nơi, cho nên chẳng có chỗ đến, nếu có chỗ đến, thì Như Lai liền không có chỗ

đến, mà ở đây chính là có chỗ đến, và dĩ nhiên Như Lai không có chỗ đến, hiệu Phật cũng không có chỗ đến, đã không có chỗ đến liền đây chính là hành “Thâm”, thế nên hành sâu Bát-nhã (Trí huệ) vô cùng. Tuy nhiên chẳng nhìn rõ hiệu Phật từ đâu lại, chỉ cần nhập vào riêng một thế giới, thì việc trọc ác ở đời liền không, chẳng luận chúng ta xem là ai tu thiền, hãy xem tự mình lẽ Phật, xem tự mình giảng nói, xem sinh từ đâu đến, tử đi về đâu... tất cả pháp đều không có chỗ đến. Thậm thâm, thậm thâm! Nên Bát-nhã gọi là trí huệ thâm sâu.

Có một số người đây đủ cẩn lành, trong khi tọa thiền thân thể

rỗng không, liền khởi lên hoảng sợ, chúng ta nhất định không nên kinh sợ như thế, thân thể tuy nhiên rỗng không, nhưng tâm trở về với tính không chẳng? Thân thể rỗng không chân tâm hiện tiền, nếu chúng ta nhìn lại tâm này sẽ rõ, tâm có vô lượng vọng tưởng, chúng ta liền nhìn những vọng tưởng ấy, thì những vọng tưởng ấy tự dừng, ngay bây giờ tâm ta liền xuất hiện Niết-bàn thanh tịnh, cho nên ở

trong Bát-nhã, Bồ-tát Quán Âm nói soi thấy năm uẩn đều không.

Năm uẩn đây là chúng sinh. Năm uẩn này cũng chính là ta, nếu các vị muốn nhận biết chính mình, thì tự mình chính là năm uẩn, uẩn tức là che mờ bản tâm, năm uẩn che mờ Phật tính, tâm Bồ-đề bị năm uẩn che mờ, nếu năm uẩn đều không tâm Bồ-đề liền xuất hiện, bây giờ chúng ta gọi tâm này là tâm vọng tưởng, chẳng phải là tâm Bồ

đ`è, cũng chẳng gọi là tâm đạo, cũng có thể nói đây là nhân ngã thị phi, tâm tham danh tham lợi, nếu chúng ta thấy năm uẩn đ`èu không li`en chứng được tâm B`ô-đ`è, tâm B`ô-đ`è từ đây mà khởi tu cho đến khi thành Phật.

Muốn sinh v`ề cảnh giới Niết-bàn thì phải phá trừ năm uẩn, kiếp uế trước đây chính là sắc uẩn, phi`en nǎo trước đây là tưởng uẩn, kiến trước đây là thọ uẩn, chúng sinh trước đây là hành uẩn, mạn trước đây là thức uẩn, nếu không rõ được năm uẩn thì không thấy được cảnh giới Niết-bàn thanh tịnh.

Phật Thích Ca có nói tất cả kinh điển, đ`èu dạy chúng ta xem năm uẩn là không, *Tâm Kinh* cũng lại như thế, trong kinh nói lìa năm trước thì năm uẩn tức là không, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* có ghi, trải qua năm trăm do tu`n mới đến được Bảo sở “Chỗ có trân bảo, dù

cho cứu cánh Niết-bàn” câu năm trăm do tu`n cũng tức là năm uẩn, cho đến *kinh Giải Thâm Mật* nói tám thức là không, chuyển tám thức thành bốn trí, tám thức này cũng là năm uẩn, thức nhẫn nhĩ tỳ thiệt thân, thì đây là thọ uẩn, đối với năm tr`an nó là sắc uẩn, ý thức thứ

sáu là tưởng uẩn, ý thức thứ bảy là hành uẩn, thức thứ tám là A-mac-na cũng là thức uẩn, thế nên tám thức này cũng là năm uẩn. Duy thức dạy chúng ta chuyển được tám thức thành bốn trí, chẳng dạy chúng ta phân biệt danh tướng chi cả, chuyển tám thức tức năm uẩn đ`èu không, bốn trí tức là Phật tính, đó cũng là tâm B`ô-đ`è

- “Hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời”. Muốn giải thích một chữ

“thời” nghĩa là tất cả pháp đ`èu do thức biến hiện, do tâm sở hiện đ`èu chỉ cho quá khứ, hiện tại, vị lai, quá khứ hiện tại vị lai đ`èu hành sâu trí Bát-nhã, cho nên quá khứ không thể được, quá khứ li`en có trí Bát-nhã, vị lai không thể được, vị lai li`en có trí Bát-nhã, hiện tại không thể được, hiện tại li`en có trí Bát-nhã, tức là quá khứ hiện tại vị lai chẳng có thể được, nên gọi là hành sâu Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Cầm sáu trăm quyển kinh *Đại Bát-nhã* dày đặc và hơn năm ngàn chữ kinh *Kim Cang*, và nhiều lần cầm hơn năm ngàn chữ kinh *Kim Cang* dày đặc và hơn hai trăm chữ *Tâm kinh*, hiện tại ta cầm trên tay bản *Tâm kinh* dày đặc chỉ nhớ một câu ta thấy năm uẩn là không?

“Liền qua hết tất cả khổ ách” Bồ-tát Quán tự tại xem thấy năm uẩn đều không, thời vị lai Bồ-tát cũng xem thấy năm uẩn đều không, thời quá khứ Bồ-tát cũng xem thấy năm uẩn đều không, hiện tại người học Phật cũng xem thấy năm uẩn đều không, thì đây chính là con đường hành giả quán xét năm uẩn đều không. Lại đặc biệt là một chữ... chiếu!

Chiếu túc là xoay lại. Mọi người có thể xoay lại chính mình, ví như dắt em bé ra ngoài nhất định sẽ quay trở lại, nếu không trở lại liền bị điên đảo, hoặc là đi lạc mất rã, trên con đường đi bộ chúng ta phải quán xét, nếu không quán xét liền đạp phải phân uế, hoặc rơi vào trong hố. Ta nói đây chủ yếu là phải xoay trở lại với chính mình, nếu không xoay lại thì buổi hội giảng hôm nay liền không có tác dụng, lẽ Phật chúng ta cũng xoay lại, phải biết xoay lại thì liền phát hiện “Nắng lê sở lê tính không tịch, hoặc cảm ứng đạo giao nan tư

nghì” cho nên lê Phật một lạy, tội diệt hè sa, miệng đọc tụng kinh tâm tư duy, tùy câu kinh mà quán xét, xoay trở lại liền phát hiện trong kinh nghĩa lý vô cùng, liền hay diễn thuyết đạo lý trong kinh, khi trì chú cũng phải xoay lại, quán chiếu âm thanh này từ nơi nào mà đến, nếu hay quán chiếu như thế, thì ngay đó chúng ta có thể

nhập định, khi nhập định thì thế giới này đều là không, cho nên từ sinh tử sẽ đến bờ kia là bờ Niết-bàn, từ cõi Ta-bà uế độ sẽ vượt đến Tỳ-lô-tí-hải.

Thời quá khứ có một vị tăng, bị bệnh tý khí hư hoại, thày tri khách chỉ dạy tường tận, ông ấy vâng lời liền chí nguyện sám hối, và từ đây chỉ nói nhất tâm trì chú Đại bi, dụng công ngày đêm, liên tiếp chỉ một câu chú Đại bi này mà đến bờ Niết-bàn bên kia, trì chú không phân biệt pháp môn, nếu thường liên tục trì một câu chú này thì nhập vào đại định, thì có thể xa lìa

thế giới uế độ này, và cũng không ngoài cảnh giới thiền định kia, cũng gọi là tam hòa (chỉ ba sự

căn, cảnh, thức hòa hợp). Dựa vào đó mà sinh ra tâm sở xúc. Luận Duy Thức ghi: “Căn, cảnh, thức tùy thuận lẫn nhau, nên gọi là tam hòa, nương vào đó mà xúc được sinh ra”.

Thế nào là tham thiền? Tham thiền tăng thêm sự phản chiếu, trong thiền đường tĩnh tọa phản chiếu, nhất cử nhất động cũng phản chiếu lại mình, chỉ xoay lại chính mình thấy rõ từng tâm niệm, ở

trong chẳng rõ mà tìm töi bên ngoài, ở trong chẳng rõ mà tham cứu, và ai chẳng biết không rõ? Tất cả đàu do chẳng biết, người nhà mắng chửi anh, anh chẳng biết, người nhà đánh anh, anh chẳng biết, người nhà cãi danh anh chẳng biết, người nhà tranh quyền đoạt lợi anh cũng chẳng biết, thị phi nhân ngã anh cũng không biết, niệm Phật là ai anh cũng chẳng biết, tại địa phương này, chẳng rõ một năm hai ba năm, lão Hòa thượng Hư Vân tham “Kéo thây chết là gì?” Hành mà chẳng biết hành nên chẳng rõ, ăn mà chẳng biết ăn nên chẳng rõ, thân mà chẳng thấy thân nên chẳng rõ, sau lại chẳng rõ đoạn mất nghi tình, lìền ngộ quá khứ, vị lai và soi thấy năm uẩn đàu không, năm uẩn đàu không đây chính là trí Bát-nhã, nếu có trí Bát-nhã thì đây là Phật tính.

Cho nên, nhất định muốn hạ thủ công phu, nếu dùng một chữ

“Chiếu” này từng giờ từng phút phải xoay lại với chính mình, một niệm đàu động đàu phải xoay lại, niệm thiện có thể phát huy, niệm ác cần phải tiêu diệt, chúng ta động một niệm liền xoay lại, và niệm ấy từ đâu mà đến, khi xoay lại niệm ấy đi vèchỗ nào, nếu thường có thể xoay lại từng tâm niệm của chính mình, tức thì thọ tưởng hành thức đàu không, nếu xoay lại sắc thân của mình tức thì thân thể đàu không, nhưng tâm chưa không thì vọng tưởng sinh sinh diệt diệt, thấy được vọng tưởng thô tế. Sau khi vọng tưởng thô tiêu diệt, rã đến vọng tưởng tế tiếp theo, vọng tưởng tế giống như dòng nước như

nhau, người xưa gọi là dòng nước chảy sinh diệt, như lão nhân Triệu Châu gọi là trên nước đánh banh gấp, niệm niệm chẳng dừng cũng như thác đổ

không khác, thật ra không sinh diệt, vì niệm vi tế sinh diệt chẳng dừng, xoay lại với sinh diệt r ^õ, thì tịch diệt hiện t ^{ên}, đây hoàn toàn nương tựa vào một chữ “Chiếu” này.



Cho nên tu hành ch ^ỗng
dụng công nhi ^êu, chỉ thấy
năm uẩn đ ^êu không thì tất
cả khổ ách tiêu trừ, và lưu ý
chữ “chiếu” này, chiếu là cái
gì? Nghĩa là tự soi lại chính
mình, thân ta là năm uẩn,
người nào cũng có năm uẩn, năm uẩn xưa nay là không, người mê trong
tâm đem tối, người ngộ thời lại túc không. Cổ nhân nói: Sắc uẩn giống như
nước bọt, thọ uẩn giống như bong bóng nước, chẳng luận thọ khổ, thọ vui,
lì ^{ên} rất thích quá khứ, tưởng uẩn giống như
ngọn lửa, vọng tưởng là cái gì không thực tại, hành uẩn giống như

cây chuối, từng từng rơi rụng, rơi rụng đến khi sạch hết liền thành không, và thức uẩn cũng giống như huyền hóa không thật.

Độ nhất thiết khổ ách.

-Liên qua tất cả khổ ách.

Dùng trí Bát-nhã soi thấy năm uẩn đài không, liên ra khỏi nhà lửa tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới).

Xá-lợi-tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.

-Này Xá-lợi-phất, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.

Đây là chân lý giải thích năm uẩn đài không.

Xá-lợi-tử tức là Xá-lợi-phất, Ngài là bột trí huệ đệ nhất, Phật Thích Ca giảng giải Tâm Kinh thời là chúng đương cơ.

Phàm phu, vì cho tất cả sắc ở ngoài tâm, nhưng ngoài tâm không có sắc. Chấp tâm và sắc chia thành hai loại, vì không biết sắc từ tâm mà sinh, tìm tâm chẳng thể được, sắc là thế nào mà có thể tìm, cho nên sắc chính là không. Bởi vậy sắc chẳng khác không.

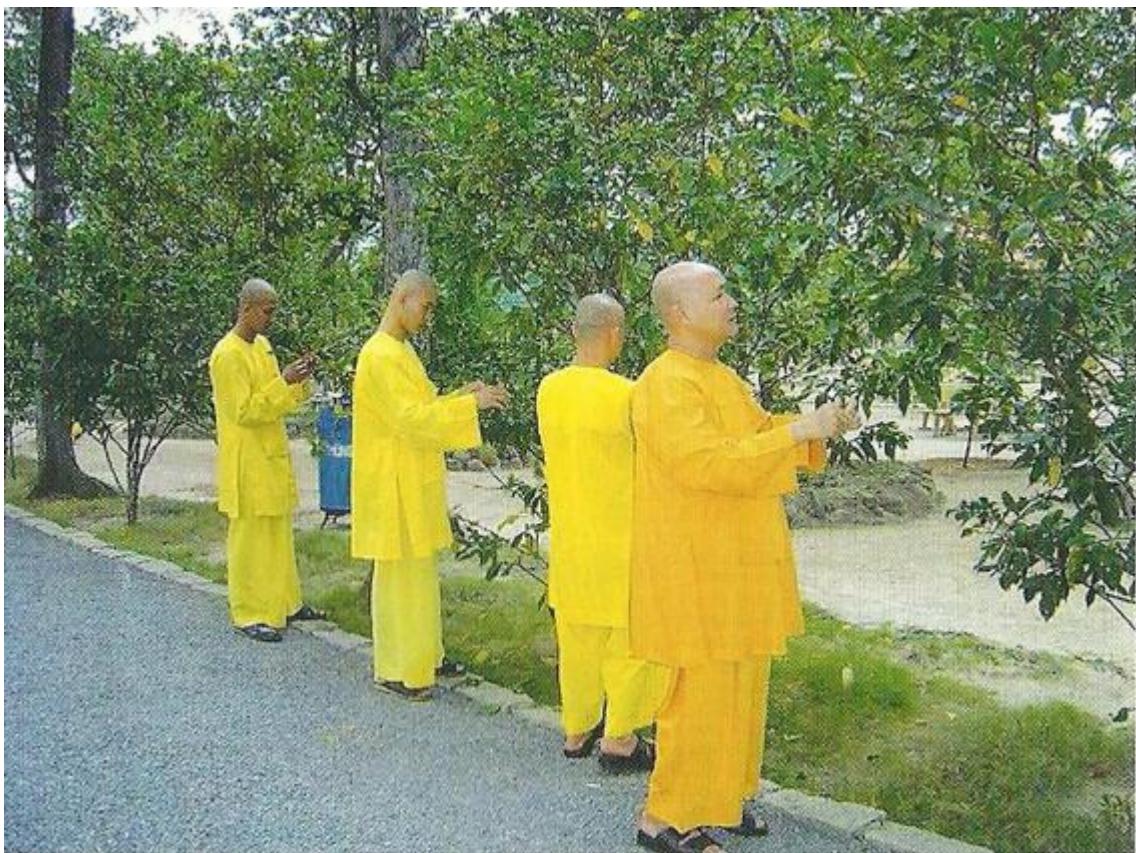
Lại có phàm phu cho là không ở ngoài tâm, mà chẳng biết không đây là một pháp, một pháp này cũng chưa từng xa lìa tâm kia! Và không cũng do tâm mà sinh, nhưng không cũng do tâm mà có, nên tìm tâm chẳng thể được, tâm không, tâm do đâu mà sinh cũng do đâu mà diệt, nên không chẳng khác sắc.

Không và sắc chẳng phải hai, có nghĩa là một, sắc tức là không, sắc từ không mà sinh, nên đương thế chính là không, vì thế “Sắc tính tự có” chẳng phải sắc diệt rã mới không. Ví như trong nước có trắng, trắng trong nước đương thế tức là không, không phải trắng trong nước diệt rã mới là

không, cho nên sắc túc là không, vì trong nước không có trăng thật, và thường hiện một mặt trăng này, đây gọi là không túc là sắc, tính không sinh ra tất cả sắc, tất cả sắc chung quy cũng về không, như thế tất cả pháp từ không mà sinh, thiên đường không, địa ngục không, giàu nghèo khổ vui cũng là không, thế nên sắc túc là không, và không túc là sắc.

Hiện tại giải thích như sau lân rõ ràng.

Sao gọi là sắc? Theo ngôn ngữ văn tự, cho đến mắt thấy tất cả vật có tướng đều là sắc, sắc như thế túc là không có? Ví dụ như chú Đại bi, như người thể hội được vì Đại bi chú là sắc, sau khi học hiểu một chữ tâm ở trong, như sau lân nhìn lại trong tâm, không còn chú Đại bi tồn tại? Một chữ còn chẳng thể được, cho nên chú Đại bi là không, và chú Đại bi cũng là sắc, đây sắc túc là không. Lại do vì chú



Đại bi là không, cho nên chẳng thể dung nạp riêng ngoài Đông Tây gì cả, nếu như thật có, thì chúng ta chẳng thể học triết Đông Tây như sau lân, không nên chấp ngoài kinh và chú dung chứa trong tâm, bởi vì đây túc là

không, có thể nói là lần học chú Lăng nghiêm, mỗi chữ mỗi chữ đều phải tiến vào, lại xem một chữ cũng chẳng có thể

được, vì đây cũng là không. Như thế đọc nói lần chú Đại bi, và cuối cùng trở về với không, đọc nói lần chú Lăng nghiêm cũng trở về không, đọc thư *kinh Kim Cang* cũng về không, và như thế chứng minh rằng sắc tức là không.

Thế nào không tức là sắc? Trong tâm trì chú Đại bi tức là không, một chữ chẳng thể được, chỉ có thể một chữ mà đọc thuộc lòng tới lui, để chứng minh không tức là sắc.

Sắc tức là không, không tức là sắc, hiện hiện thành thành, cho nên Phật pháp hiện thành, Như Lai người đã phát minh nên Phật pháp gọi là phát minh tâm địa, không nói mà làm nên. Nếu ai phát minh chân lý, người ấy chính là Bồ-tát, còn ai không phát minh chân lý người ấy chính là phàm phu. Cho nên Phật pháp bình đẳng, một người phát minh một người thành Phật, hai người phát minh hai người thành Phật, trước giác sau cũng giác, người giác sau học hỏi người giác trước.

Niệm chú Đại bi và chú Lăng nghiêm qua lại là sắc, sắc này xưa nay là không, chẳng phải sắc diệt rã mới không, tánh sắc tự là không, chúng ta phải quán tùy lúc “Tánh không tự sắc, phi không diệt sắc”, chẳng phải không diệt rã mới có sắc, tánh không tự chiếu sinh ra tất cả sắc, cho nên sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.

Thọ tưởng hành thức diệt phục như thị.

-Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Một pháp như thế, pháp pháp đều chiếu.

Xá-lợi-tử, thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt, bất cầu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

-Này Xá-lợi-phất, tướng không của các pháp, không sinh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt.

Dùng trí Bát-nhã, soi thấy năm uẩn đài không liền qua tất cả khổ ách. Tất cả khổ ách qua rã thì thấy được các pháp tướng thanh tịnh, thanh tịnh không có tên phân biệt, cho nên gọi là tướng không của các pháp.

Các pháp và bản lai diện mục chính là tướng không. Thật tướng các pháp xưa nay là không, các pháp chưa từng xa lìa tướng không này. Ví như sinh tử cũng là tướng không, nếu ta mê thời là có, chúng ta dùng trí Bát-nhã quán sinh tử là không, phiền não cũng không đây chính là Bồ-đề, chúng sinh xưa nay cũng là không, và thật không có chúng sinh được diệt độ chăng? Thật tướng của tất cả pháp là không, thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay không sinh không diệt, không dơ

không sạch, không thêm không bớt.

Tất cả pháp chẳng sinh, thử hỏi mặt trăng trong nước có tử có sinh không?... không sinh. Trăng trong nước có diệt không?... không diệt. Trăng trong nước không sinh không diệt, tất cả pháp cũng không sinh không diệt. Trăng trong nước có dơ sạch chăng?... không.

Thế nên trăng trong nước không dơ, song chỉ không bị nước dơ làm nhiễm, trong nước thanh tịnh cũng có trăng, và trăng cũng chẳng nhiễm nước thanh tịnh, cho nên nói chẳng dơ chẳng sạch.

-Không thêm không bớt, biển lớn trời cao hai thứ thủy triều, nước biển không thể tăng thêm, trời cao nước xuống, cả hai đều không tăng không giảm, cho nên chúng sinh khi thành Phật, Phật tính không tăng và khi chưa thành Phật, Phật tính cũng không giảm.

Sinh vê Niết-bàn Phật tính thanh tịnh, đọa vào địa ngục Phật tính cũng chẳng nhiễm ô, phàm phu luân hồi có sinh tử, Phật tính không sinh cũng không tử, ở hư không.. sáng đến tối đi, Phật tính không sinh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt.

Thị cõi không trung vô sắc, vô thọ tưởng hành thức.

-Cho nên trong tướng không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức.

Thật tướng của các pháp là không, năm uẩn là sắc thọ tưởng hành thức, cho nên chư Phật Như Lai tuyệt không chấp sắc, không chấp thọ tưởng hành thức. Trong tướng không của các pháp, năm uẩn có không thể được, vì thế trong tướng không của các pháp không có một chúng sinh. *Kinh Kim Cang* ghi: “Diệt độ vô lượng vô biên chúng sinh nào, thật không có chúng sinh được diệt độ”, đây là ý này vậy.

Trong thật tướng của các pháp, không sắc không tướng có thể

được, sắc và tính là tướng không của các pháp, cho nên trong tướng không, không sắc tướng có thể được. Chú Lăng nghiêm và chú Đại bi không một chữ có thể được, cũng không văn tự *Kinh Kim Cang* có thể được, thế nên trong không vô sắc. Nếu vô sắc, thân này liền không, và cũng không thọ tưởng hành thức, tâm không, cho nên cả

hai thân và tâm đều dứt, thân tâm đều không Phật lại hiện tiền. Vì thế, chúng ta chưa thấy thân tú đại này không, nên có khổ về sinh, lão, bệnh, tử, tâm chẳng không nên có sinh, trụ, dị, diệt, thân và tâm cả hai đều quên thì Phật tính hiện tiền, vì thế người học Phật thật là giản đơn, và rất hiện thật.

Vô nhãn nhĩ tỳ thiêt thân ý.

-Không có mắt tai mũi lưỡi thân ý.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là sáu căn. Các căn này thường chứa nghiệp phiền não, ví dụ như mắt xem sắc liền thấy sắc, hoặc chúng ta thường nhìn trộm vào người khác mà không nhìn vào chính mình, cho nên liền tạo nghiệp; Nếu mắt nhìn thấy vàng bạc, khởi tâm trộm cắp, thấy người đẹp khởi tâm tham dục, thấy danh lợi tham danh lợi, thấy thức ăn ngon khởi tâm tham ăn. Ở đây do căn mắt mà chúng ta tạo nghiệp. Nếu sáu căn đều không, tức là tâm thanh tịnh, còn bằng không thì chúng ta tạo nghiệp trói buộc, Như Lai nhãn căn đều không, súc sinh mắt thịt; mắt chư thiên, mắt trí

huệ, mắt pháp, mắt Phật, năm mắt đầy đủ, cho nên nhãn căn đ`ầu không, thì không thể tạo nghiệp; căn tai cũng lại như thế. Nếu căn tai chẳng không, thì tất cả phải quấy, dâm từ, ca khúc, hợp lại r`ồi chúng ta tạo nghiệp.

Mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế, cho nên sáu giặc này làm môi giới, tự cướp gia bảo của chúng ta, sáu căn túc là sáu giặc cướp mất đi chân như Phật tính của chúng ta, vì vậy ta phải dùng trí huệ quán chiếu, để thấy rõ thật tướng của các pháp là tướng không. Thế nên trong tướng không không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nếu tất cả

đ`ầu không đây là thanh tịnh.

Vô sắc thanh hương vị xúc pháp.

-Không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sáu tr`ần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tr`ần đây là ô nhiễm, hay che mờ bản lai thanh tịnh Phật tính, như mắt xem sắc tr`ần tâm khởi niêm tham, nên sắc tr`ần che mờ Phật tính, như thế tai nghe âm thanh tâm khởi chấp trước, và mũi ngửi hương tr`ần tâm khởi chấp trước, lưỡi nếm vị tr`ần li`en khởi tâm ham thích, và thân chấp xúc tr`ần, ý duyên pháp tr`ần, đ`ầu là che mờ Phật tính.

Sáu căn đối với sáu tr`ần, sáu căn nếu không sáu tr`ần cũng thế, nếu sáu căn giữ chấp sáu tr`ần, thì li`en có sinh tử; Nếu sáu căn h`ồi quang phản chiếu trở về với một đây là Niết-bàn, cho nên Bồ-tát Quán Âm tu từ âm thanh vào Tam-ma-địa, (Chánh định) đây là chúng ta dùng nhĩ căn “Phản văn vǎn tự tính” tính thành Vô thượng đạo. Nhĩ căn nghe tốt xấu, lời nói gian dối r`ồi tạo tội, nếu nhĩ căn phản văn xa lìa thanh tr`ần. Ngay đó chúng ta thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Người tu hành nhất định phải xa lìa sáu tr`ần, cho nên xuất gia nghĩa là ra ngoài sáu tr`ần, ví như chúng ta giữ giới Sa-di phải hoàn toàn xa lìa sáu tr`ần, đây là năm giới sát sinh, trộm cướp, tà dâm, uống rượu, vọng ngữ. Người cư sĩ tại gia phải lanh thọ giới cao quý này, chỉ giới Sa-di mới tăng thêm giới thứ sáu chẳng được đeo tràng hoa hương và không được dùng hương thơm thoa mình, giới thứ bảy là tự mình không được đàn ca hát

múa, cũng chẳng được đến xem nghe, chúng ta phải lìa xa âm thanh sắc tràn, giới thứ tám là không được ngã giường cao rộng lớn, đây là ra ngoài xúc tràn. Giới thứ

chín không ăn phi thời và không tham chấp thức ăn hương vị, đây là vượt ngoài vị tràn, giới thứ mười không được cấm giữ đồ sành tượng vàng bạc vật báu, đây là vượt ngoài pháp tràn.

Vô nhãm giới nãi chí vô ý thức giới.

-Không có nhãm giới cho đến không có ý thức giới.

Nhãm thức, nhãm thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức gọi chung là sáu thức, cộng thêm phàn trên sáu tràn, và sáu căn đây gọi là tám giới, mười tám giới này của chúng sinh, sáu căn bên trong, sáu tràn bên ngoài, trong khoảng giữa gọi là sáu thức, sáu tràn vô tri (không biết), sáu thức hữu giác (có biết), sáu thức khởi lên phân biệt, nhưng sáu căn không phân biệt, như mắt nhìn thấy vật, không phân biệt dài ngắn vuông tròn, đây là do mắt khởi phân biệt, căn tai thường nghe âm thanh, chẳng hay phân biệt đây là âm thanh của người nam hoặc nữ, hay âm thanh gió hoặc lửa.. đây là do thức tai khởi lên phân biệt, chúng sinh chẳng những xa lìa sinh tử, đều do



nhân lưu luyến tự mình có ở sáu căn, sáu thức, sáu tr`ần, ở tại mười tám giới vây khốn, xa lìa mười tám giới tức không có chúng sinh, cho nên cái không này cũng bị phá luân, nếu mười tám giới hòa hợp thì có chúng sinh, nên cái có này cũng phải phá luân, chúng sinh xưa nay vốn là không, nếu không sáu căn không sáu tr`ần, sáu thức, sao lại hợp có chúng sinh, chỉ vì chúng sinh chẳng giữ được mười tám giới trên, nên bị mười tám giới che mờ Phật tính.

Thế nên nơi nơi thọ sinh, lục đạo luân h`ã, không có lối thoát.

Xưa kia khi Đức Phật còn tại thế, có một vị Bà-la-môn tên Hắc Chi, vận dụng th`ần thông hái hoa cúng dường Đức Phật, Đức Thê

Tôn bảo Bà-la-môn Hắc Chi:

-Buông xuống!

Bà-la-môn buông cành hoa bên tay trái xuống.

Thế Tôn lại bảo.

-Buông xuống!

Bà-la-môn buông cành hoa bên tay phải xuống.

Song, Thế Tôn lại bảo:

-Buông xuống!

Khi ấy, Bà-la-môn Hắc Chỉ nói:

Con có hai tay cầm hoa đã buông hết! Vậy Thế Tôn muốn con buông cái gì?

Thế Tôn lại nói:

Ta không bảo ông buông cành hoa trên tay, ta muốn ông buông sáu căn bên trong, buông sáu trấn bên ngoài, khoảng giữa buông sáu thức, mười tám giới, tất cả đều buông, buông đến chỗ không còn để

buông nữa, ngay đây ông có chỗ an thân lập mạng, và ông đã thoát khỏi sự sinh tử trói buộc. Bà-la-môn Hắc Chỉ ngay đó mới hiểu rõ đạo lý buông xuống của Thế Tôn.

Hiện tại chúng ta ở trong sáu căn, sáu trấn, sáu thức đều chưa buông hết, bị mười tám giới che mờ Phật tính, muốn thấy được Phật tính, nhất định phải buông hết mươi tám giới, dùng trí huệ quán chiếu, xem thấy không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cho đến không có ý thức giới, mươi tám giới đều không, nếu mươi tám giới đều không tức mươi tám giới thanh tịnh, ngay đó các pháp thật tướng liền hiện tiền và nhận ra được Phật tính.

Vô vô minh, diệt vô vô minh tận:

-Không có vô minh, cũng không có hết vô minh.

Thế nào là vô minh? Nếu chúng sinh không buông được mười tám giới, thì mươi tám giới che mờ Phật tính, Phật tính chẳng hiện tiễn. Đây gọi là vô minh. Kinh ghi: “Chân như chẳng giữ tự tính, một niệm mê mờ mà có vô minh”.

Chân chư mọi người săn có, chỉ tự mình không giữ cương vị, tướng thế gian thường trụ, thì đây là chân như giữ tự tính, còn phàm phu chân như không giữ tự tính, một niệm bất giác mà vọng động, nên có vô minh, vô minh không có thật thể, nếu rõ biết vô minh nhất định có hành, thế nên, bất giác đây là vô minh, vọng động được gọi là hành. Hành phân ra thiện hành và ác hành, chẳng động gọi là hành thiện, nói chung gọi là nghiệp hành, hành tức là có thức, hành thiện có thức thiện, hành ác có thức ác, không động mà hành có thức chẳng động, hành tức là nghiệp, người có nghiệp của người, ví như

người thấy nước là nước, nghiệp của chư thiên có thức của chư

thiên... thấy nước như lưu ly, nghiệp của ngạ quỷ có thấy biết của ngạ quỷ, nên nghiệp thức dẫn dắt đi tái sinh, thức tình của tinh cha huyết mẹ. Ba duyên hợp lại mà thành thai nghén, đây gọi là sắc, sắc đây là nhòe tinh cha huyết mẹ, tự tâm mình chẳng biết, tâm ấy gọi là vô tác dụng, cho nên gọi là danh sắc, danh sắc bảy ngày biến đổi một lần, sau bốn mươi chín ngày có sáu lần thọ sinh: Tức là đài, hai tay, hai chân và sau mươi tháng sáu căn đầy đủ, có sáu căn nhập vào sáu trấn tạo thành công năng, nên gọi là lục nhập, sau khi bé sơ sinh ra đời, sáu trấn tiếp xúc, thế nên lục nhập duyên xúc, xúc cảnh có khổ

có vui, thuộc về thọ, nên xúc duyên thọ, thọ là quả báo, thọ quả báo thời tâm sinh phiền lụy chấp trước, nên thọ duyên ái, nếu thọ vui thì ái có dài lâu. Nếu thọ khổ thì ái kia thường xa lìa, ái hợp ái không lìa thì sinh chấp, chấp tức là tạo nghiệp, nếu nương lý mà chấp thuộc về

thiện nghiệp, nếu không lý mà chấp đây thuộc về ác nghiệp, nếu chấp duyên có, có tức là nghiệp, có nghiệp nên có sinh, có sinh nên có già bệnh chết ai bi khổ nǎo.

Do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ

duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh lão bệnh tử ai bi khở não, đây gọi là mười hai nhân duyên, nếu dùng trí Bát-nhã quán xét, vô minh diệt túc hành diệt, hành diệt túc thức diệt, thức diệt túc danh sắc diệt, danh sắc diệt túc lục nhập diệt, lục nhập diệt túc xúc diệt, xúc diệt túc thọ diệt, thọ diệt túc ái diệt, ái diệt túc thủ

diệt, thủ diệt túc hữu diệt, hữu diệt túc sinh diệt, sinh diệt túc lão bệnh tử ai bi khở não diệt, mười hai nhân duyên này là không, có thể

chứng được quả Bích chi Phật, nếu dùng trí Bát-nhã quán chiếu thật tướng các pháp, chẳng những không có vô minh, nếu không có phàm phu thì không có vô minh, cũng không Bích-chi Phật thì không có hết vô minh.

Nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận.

-Cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết.

Không có phàm phu già chết, cũng không có Bích-chi Phật và hết già chết, dùng trí Bát-nhã xem tất cả pháp, có thể siêu vượt pháp thế

gian nên không có vô minh, siêu vượt pháp thế gian... nên vô minh đã hết.

Vô khở tập diệt đạo.

-Không có khở, tập, diệt, đạo.

Bốn chân lý khở, tập, diệt, đạo chân thật không hư dối, bốn chân lý này là chỗ thấy biết của bậc Thánh, gọi là bốn Thánh đế, đến đây là ý nghĩa chân thật. Về mặt đại thể, từ đế là quy nạp thuyết “Thập nhị duyên khởi” mà Phật giáo dùng giải thích các hiện tượng trong vũ trụ, là đại cương giáo nghĩa của Phật giáo nguyên thủy, là bài thuyết pháp đầu tiên của đức Thế Tôn, từ đế theo thứ lớp được gọi là khở thánh đế, khở tập thánh đế, khở diệt thánh đế, khở đạo thánh đế.

Trong đó, khổ và tập biểu thị cho quả và nhân trong thế giới mê vọng, còn diệt và đạo biểu thị quả và nhân trong thế giới chứng ngộ.

Tức quả hữu lậu thế gian là khổ đế. Nhân hữu lậu thế gian là tập đế, quả vô lậu xuất thế là diệt đế, nhân vô lậu xuất thế là đạo đế.

Bốn thánh đế đây cũng chẳng phải con đường của Bích-chi Phật hay A-la-hán, Thế Tôn ba lần chuyển pháp luân, mười hai hành tướng dạy người tu Nhị thừa pháp môn Tứ diệu đế: **1. Thị tướng chuyển**

Đây là *khổ tập bức bách*... chỉ cho chúng sinh quả báo hoàn toàn khổ não vì sinh, lão, bệnh, tử, già tăng bức bách, đây là khổ khổ, đây là khoái lạc của vô thường, lạc hoại khổ lại sinh, đây gọi là hoại khổ, hành thiền định tâm không được an vui đây là vô thường, thuộc ở

hành khổ, thế nên ở trong tam giới có khổ khổ, hoại khổ, hành khổ.



Đây gọi là tam khổ, ngoài riêng có bát khổ: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cùi bất đắt, ngũ ấm suy thanh khổ... chúng sinh chẳng biết

khổ, cho nên Như Lai dạy tướng khổ: Đây là *tập chiêu cảm tính*... khổ từ đâu lại đến? Đây là tự chiêu, gọi là tập đế, tập là nghĩa chiêu cảm, mọi người đên có tham sân phiền não, do vậy ba phiền não tạo tác nghiệp sát đạo dâm vọng... do nghiệp mà chiêu cảm bát khổ trên, khổ đây là quả nhân khổ mà có nghiệp phiền não.

Đây là *diệt, có thể chứng tính*... nhân khổ diệt quả khổ gọi là diệt đế, nếu hết khổ gọi là Niết-bàn.

Đây là *đạo, có thể tu tính*... nhân khổ diệt quả khổ, chủ yếu là tu đạo, đạo đế là pháp vô lậu không còn rót trong sinh tử nữa.

2. Khuyến tu chuyển

Đây là *khổ, ta nên biết*... Biết tức là giác, giác (khổ) sinh tức là vô sinh, giác (khổ) trụ tức là vô trụ, giác (khổ) diệt tức là không diệt.

Nếu giác ngộ vô sinh sao lại có khổ? Cho nên vì khổ này ta nên biết.

Đây là *tập, ta nên đoạn*... tập là phiền não, phiền não vì sao đoạn, đoạn thế nào đây? Nhất định phải giác, giác tập không tập tức là đoạn tập, thế nên vì tập này, ta nên đoạn.

Đây là *diệt, ta nên chứng*... chứng như thế nào ư? Nếu quả khổ và nhân khổ diệt rõ, diệt đây do nhân sinh mà có, nếu không sinh tức không diệt, sinh diệt diệt rõ, tịch diệt hiện rõ, đây là chứng.

Đây là *đạo, ta nên tu*... đạo này làm sao tu, nếu như giữ giới tức có giới để giữ, còn chẳng giữ giới tức không, tu định tức có định, không tu định tức không có định, đoạn trừ lậu hoặc tức có trí huệ, chẳng đoạn tức không, thế nên ta cần phải tu.

Cho nên chúng ta tu con đường ba mươi bảy phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, tứ chánh cẩn, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, và trở lại tam vô lậu học: Giới, định, huệ.

3. Đắc chứng chuyển

Đây là khổ, ta tự biết chẳng dùng cách để biết; đây là tập ta phải đoạn, chẳng dùng cách để đoạn; đây là diệt, ta nên chứng, chẳng dùng cách để chứng; đây là đạo ta nên tu, chẳng dùng cách tu.

Cho nên chẳng dùng phương tiện biết, phương tiện đoạn, phương tiện chứng, phương tiện tu? Nhân vì Như Lai liễu ngộ lý túc chân thật, ví như khổ đó là pháp hữu vi chẳng lìa ba tướng: Sinh, trụ, diệt, nhân vì Như Lai ngộ tướng sinh không thể được, tướng trụ không thể

được, và ngộ tướng diệt cũng không thể được, nếu ngộ ba tướng sinh, trụ, diệt không thể được, đây là đương thể túc không, không đây là lý chân thật, đây chính là khổ đế.

Tập là pháp hữu vi, không lìa ba tướng: Phiền não có sinh chẳng?

Ngộ túc là tướng vô sinh có thể được, phiền não có trụ chẳng? Ngộ

túc là tướng trụ không thể được, phiền não có diệt phiền não chẳng?

Ngộ túc là tướng không diệt có thể được, như thế nếu mê thì thấy có phiền não sinh, trụ, diệt có thể được, nếu ngộ phiền não ba tướng sinh, trụ, diệt đều chẳng có thể được, đây là đương thể túc không, cũng là hợp tướng chân thật nên gọi là tập đế.

Diệt cũng lại như thế? Có sinh túc có diệt, giác túc là vô sinh, cũng không có thể diệt, tịch diệt hiện tiền, vậy diệt là chân đế, Như

Lai nói diệt, nhân khổ diệt mà thấy chân thật, thấy chân thật nên không khổ không tập không diệt.

Đạo cũng lại như thế? Ví như người tu giới định huệ, giới có sinh chẳng? Giới không có tướng sinh, giới có tướng trụ chẳng? Giới không có tướng trụ, giới có tướng diệt chẳng? Giới không tướng diệt, giới định huệ ba tướng sinh trụ diệt có thể được chẳng, không sinh, trụ, diệt ba tướng này là pháp vô vi, giới định tuệ đương thể túc không, đạo túc là tướng không, tu

tức là không tu, cho nên đạo đây chúng ta cần tu và cũng không dùng cách tu; Lục Tổ nói: Tâm địa vô phi tự tính giới

Tâm địa vô loạn tự tính định

Tâm địa vô suy tự tính tuệ

Bất tăng bất giảm tự Kim Cang

Thân khứ thân lai bốn Tam-muội.

Dịch:

Đất tâm không lỗi tự tính giới

Đất tâm không loạn tự tính định

Đất tâm không suy tự tính huệ

Chẳng tăng chẳng giảm tự Kim Cang.

Thân đến thân đi vốn Tam-muội

Đây tức là chân lý giới định huệ, đạo đây là chân đế.

Tướng không của các pháp là thật tướng, không có phàm phu pháp khổ, tập.. cũng không có hiền thánh pháp diệt đạo. Cho nên không có khổ tập diệt đạo.

Vô trí diệt vô đắc.

-Không có trí huệ cũng không có chứng đắc.

Tất cả pháp không, tướng không là tướng thanh tịnh, ở trong tướng thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh nên không có mắt tai mũi lưỡi thân ý. Sáu trần thanh tịnh, nên không có sắc thanh hương vị xúc pháp. Sáu thức cũng thanh tịnh, không có nhẫn giới cho đến không có ý thức giới, chúng ta thanh tịnh, nên không có vô minh, vô minh diệt rã thì thanh tịnh, nên không có hết vô

minh, lão tử thanh tịnh nên không có lão tử, lão tử hết túc thanh tịnh, nên Bồ-tát thường dùng trí huệ tu lục độ vạn hạnh, trí cũng thanh tịnh, đây là vô trí, vậy là muôn hạnh thanh tịnh có thể được, cho nên không đắc, pháp thế

gian và pháp xuất thế gian thanh tịnh, đây là vô sở đắc.

Vậy pháp môn của Bồ-tát, các Ngài dùng lục độ làm trí huệ, có trí mới đoạn được lậu hoặc, hiện chưa chứng đắc tất cả pháp diệt hiện tiền, cần dùng trí để đoạn trừ lậu hoặc, như tất cả pháp xưa nay thanh tịnh yên lặng, trí không thể được, pháp không có chỗ được, nếu thấy có năng sở túc là tâm sinh diệt, không thấy có năng sở là tâm tịch diệt. Cho nên đạo không có trí cũng không có đắc.

Dĩ vô sở đắc cõi, Bồ-đề-tát đóa.

- Vì không có chỗ được nên Bồ-tát.

Tâm ngộ tất cả không gọi là Bồ-đề, (âm Phạm ngữ Bodhi nghĩa là rõ biết lẽ chân chính, Trung Hoa dịch là chính giác) biết rõ tất cả

pháp không gọi là Tát-đóa (Là hữu tình, túc là loài có tình thú) tâm pháp nhất như, nếu không có năng đắc và sở đắc, và không có chỗ

được nên gọi là Bồ-đề-Tát-đóa. (Người tu hành trên cao thành Phật bằng trí huệ, dưới hóa độ chúng sinh bằng tâm từ bi, túc là người đầy đủ hai hạnh: Tự lợi, lợi tha và dũng mãnh cao thành Phật).

Y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cõi, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cõi, vô hữu khùng bối, viễn ly đên đảo mộng tưởng.

- Y theo Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn đên đảo mộng tưởng.

Thế nào là ngăn ngại? Ví như mắt (Ngọc châu) và mắt (Sạch) tương hợp đây là không ngăn ngại, mắt và cát không thể dung hợp đây là ngăn ngại, lại như da và thịt tương hợp thì không ngăn ngại, như trong thịt cắt đâm

cho nên có ngăn ngại, ngăn ngại và tâm Bát-nhã không thể tương đ`ăng, tâm Bát-nhã là không, tất cả pháp là có, nếu tất cả pháp chẳng không, có và không chẳng hay hợp lại liền có ngăn ngại, nếu tất cả pháp không, pháp không và tâm Bát-nhã không tương hợp liền không ngăn ngại, cho nên tất cả pháp không tức là Bát-nhã, Bát-nhã tức là tất cả pháp không, Bát-nhã và tất cả pháp không đã thành một khối, tức là tất cả pháp không chẳng ngại Bát-nhã, và Bát-nhã không ngại tất cả pháp không, ví như chú Đại bi ở

tại trong tâm... không, cho nên chẳng hội ngại chú Lăng nghiêm, chú Lăng nghiêm có ở trong tâm không vậy? Không đây không kia, không và không hợp không có ngăn ngại, giả như có một pháp chẳng không liền có ngăn ngại.

Lục Tổ Huệ Năng khi còn đương thời, có một danh tăng Pháp Đạt, đến đánh lẽ Lục Tổ, chỉ vì đ`âu không sát đất bị Lục Tổ quở, Tổ

nói: “Lẽ mà đ`âu không sát đất chi bằng đừng lẽ, trong tâm ông ắt có chừa chất sự nghiệp gì?”. Pháp Đạt thưa: “Tôi tụng kinh Pháp Hoa có hơn ba ngàn bộ”. Ông tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ mà tâm ông chưa không, cho nên tâm ông còn ngăn ngại.

Pháp thế gian chẳng không, và trí Bát-nhã chưa xuất hiện liền còn ngăn ngại, nếu như pháp xuất thế gian cũng chẳng không, và trí Bát-nhã chưa xuất hiện cũng sẽ ngăn ngại, không ngăn ngại tức không có sợ hãi, sợ hãi là tâm ý lo sợ suy nghĩ, như trong mắt có cát nếu không lấy cát ra thì mắt sẽ mù lòa, rất đáng sợ vậy, hàng nhị

thùa có bệnh tr`ầm không tr`ệ tịch cũng thật lo sợ, nếu có một pháp phóng túng buông lung trong tâm chẳng được không, thì một pháp này dẫn dắt chúng ta đi vào sinh tử.

Thời quá khứ ngài Kim Bích Phong nhập vào không định, quỷ vô thường đến tìm kiếm ông không được, quỷ vô thường liền thỉnh kế

thổ địa, xin ông ta bàn mưu kế giúp cho, để Thiền sư Kim Bích Phong xuất định.

Thổ địa suy nghĩ nói: Thiền sư Kim Bích Phong rất thích cái bát ngọc của mình, nếu các ông tìm lấy cái bát ngọc của ông ta, ông ta khởi niệm thì sẽ xuất định. Quỷ vô thường nghe xong, liền chạy tìm bát ngọc của Sư và làm khua động, Sư nghe bát ngọc bị lắc keng keng, tâm vọng động vội vàng xuất định đến xem thế nào. Quỷ vô thường thấy Sư xuất định vỗ tay cười nói: Tốt lắm! Bây giờ mời Sư

theo chúng tôi đến gặp Diêm vương nha! Thiền sư Kim Bích Phong nghe xong, biết rõ vì tham ái nhất thời mà lại hủy bỏ huệ mạng ngàn xưa của mình. Sư liền đập nát bát ngọc, nhập định rã làm một bài kệ:

Dục lai hoa ngã Kim Bích Phong

Du như thiêt luyện tỏa hư không

Hư không nhược nhiên tỏa bất đắc

Mại lai hoa ngã Kim Bích Phong.

Dịch:

Nếu ai muốn bắt Kim Bích Phong

Ví như luyện sắt khóa hư không

Hư không nếu như khóa chẳng được

Không ai bắt ta Kim Bích Phong.

Thế gian pháp chẳng không thì ngăn ngại trí Bát-nhã, đây gọi là ở trong mắt có cát bụi, nhận sinh tử luân hồi là thật có, pháp xuất thế

gian chẳng không thì cũng còn ngăn ngại trí Bát-nhã, ví như ở trong thịt có gai nhọn, nhận Hóa thành (Dụ Niết-bàn của Tiêu thừa, chưa rõ ráo và không thậy) làm Bảo sở (Dụ Niết-bàn của Đại thừa chỉ nơi an trí rõ ráo chân thật), nên có phàm phu sinh tử, Nhị thừa của Niết-bàn vẫn là điên đảo mộng tưởng.

Phàm phu sinh tử có bốn đên đảo:

- a. Thân không thanh tịnh, cho là tịnh.
- b. Thọ khổ cho là vui.
- c. Tâm vô thường cho là thường.
- d. Pháp vô ngã cho là ngã. Đây là tướng đên đảo của phàm phu.

Niết-bàn của Nhị thừa có bốn đền đên đảo: a. Xem chẳng thanh tịnh, chẳng thấy pháp thân thanh tịnh.

- b. Xem khổ, chẳng thấy tịch diệt là vui.
- c. Xem vô ngã, chẳng thấy tự tại là ngã.
- d. Xem vô thường, chẳng thấy Phật tính là thường.

Đây là hàng Nhị thừa mộng tưởng đên đảo.

Cho nên trí Bát-nhã soi thấy năm uẩn đền không, và không chỉ xa lìa tất cả khổ ách, xa lìa tất cả khổ ách rầm sau mới thấy được tướng không của các pháp, năm uẩn không, sắc không, không cũng không, tất cả pháp đền không, ngay đó là tướng không của các pháp, đây cũng là tướng không của năm uẩn. Cho nên trước tiên giảng độ hết tất cả khổ ách, sau nói tướng không của các pháp, nếu năm uẩn chưa không, tức là tất cả các pháp chẳng không, chẳng những tất cả khổ

ách không độ hết, mà còn lại sinh ra đên đảo vọng tưởng, đây là phàm phu nhận sinh tử làm chân thật, hàng Nhị thừa nhận Niết-bàn là thật có, người ngộ đạo rầm. “Sinh tử Niết-bàn giống như hoa đốm trên không” sinh tử là không, Niết-bàn cũng thế!

Vì không có chỗ được, nên Bồ-tát chứng được Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Trí huệ đến bờ bên kia) nếu có chỗ được, liền chẳng chứng được Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chứng được Bát-nhã Ba-la-mật-đa là tâm thấy được tất cả pháp, tâm tức là tất cả pháp, cho nên tâm và tất cả pháp không ngăn ngại, không

ngăn ngại ngay đó liền không có pháp thể gian và xuất thế gian và cũng không còn sợ hãi, thì bốn điều diên đảo thế gian phàm phu sinh tử. . cũng không có pháp xuất thế

gian Nhị thừa Niết-bàn, đây là xa lìa diên đảo vọng tưởng cứu cánh chúng được đại Bát-nhã Niết-bàn.

Cứu cánh Niết-bàn

-Đạt đến cứu cánh Niết-bàn.

Tâm không thể được, pháp không thể được, tâm và pháp nhất như, đều không có chỗ được, đây là cứu cánh Niết-bàn, cũng gọi đại Bát-nhã Niết-bàn, đại Niết-bàn là cõi yên tĩnh thường tịch quang, cõi yên tĩnh thường tịch quan của chúng ta thường là đức pháp thân, tịch đây là đức giải thoát, quang đây là đức Niết-bàn, ba đức bí tang (giấu kín không truyền cho người gọi là bí, chúa đựng bên trong gọi là tang. Bí tang là diệu nghĩa của chư Phật do chư Phật khéo giữ gìn không tuyên thuyết bừa bãi) đây là chỗ chư Phật thường hành, Bồ-tát tu hành phải nương theo trí Bát-nhã ấy, tâm không ngăn ngại. Không có sợ hãi, xa lìa vọng tưởng diên đảo, cứu cánh đạt được Niết-bàn.

Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề

-Ba đời chư Phật cũng nương theo Bát-nhã được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Quá khứ vô minh tràn lao phiền não vọng tưởng là không, đây là quá khứ của chư Phật, hiện tại vô minh tràn lao phiền não vọng tưởng là không, đây là hiện tại của chư Phật, vị lai vô minh tràn lao phiền não vọng tưởng là không, đây là vị lai của chư Phật. Dùng trí Bát-nhã quán chiếu, quá khứ phiền não là không, quá khứ thành Phật, hiện tại phiền não là không, hiện tại thành Phật, vị lai phiền não là không, vị lai thành Phật. Ba đời chư Phật, nương theo trí Bát-nhã Ba-la-mật-đa, vô minh vọng tưởng phiền não là không, thì ba đời chư Phật đều được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề

A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề là tiếng Phạn, đây là vô thượng chánh đẳng chánh giác, Bồ-đề là tối thượng, Bồ-đề là tối bình đẳng, Bồ-đề là tối chân, thế nên gọi là con đường vô thượng chân chính.

Ở trên nói tướng không của các pháp, không có phàm phu và pháp năm uẩn mười tám giới, không Thanh văn pháp tú để khổ tập diệt đạo, không có Duyên giác và pháp mười hai nhân duyên, cũng không có Bồ-tát hay đắc trí, cũng không có chỗ được, tóm lại đây không có pháp ba thừa, gom ba thừa về một Phật thừa, gom chín pháp giới về một Phật giới.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thuyết khổ, chân thật bất hư:

-Nên biết, Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ hết thảy khổ, chân thật không dối.

Nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa tu hành, Phật chứng được Bồ-đề và Bồ-tát chứng được Niết-bàn, cho nên Bát-nhã Ba-la-mật-đa là:

-Đại thần chú là thần lực rất lớn hay độ tất cả chúng sinh thành Phật.

-Đại minh chú hay phá trừ vô minh phiền não của chúng sinh.

-Vô thượng chú là Bát-nhã tối thượng.

-Vô đẳng đẳng chú, Bát-nhã là mẹ của chư Phật thường sinh ra tất cả chư Phật.

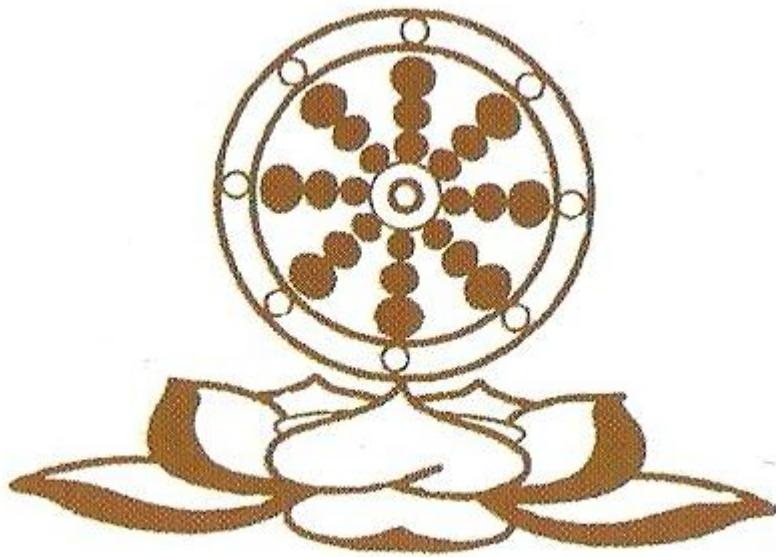
-Năng trừ tất cả khổ ách và nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa tu hành, thì ra khỏi nhà lửa ba cõi, xa lìa sinh tử luân hồi điên đảo chẳng dối, tức tâm là Phật, quyết định không dối.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết.

Tâm Kinh có hiển thuyết và cũng có mật thuyết, hiện tại đây giảng mật thuyết, mật thuyết rất căn bản và đơn giản.

Yết-đê **Yết-đê**, **Ba-la** **Yết-đê**, **Ba-la-tăng** **Yết-đê**, **B** **ồ-đ`è** **Tát-bà-ha**:

Mật là không thể giải thích, cũng không cho người hiểu, trong cửa Phật có nhiều người căn cơ khác nhau nương theo hiền giáo tu hành, cũng có nương theo mật giáo tu hành, ví như chú Đại bi, chú Lăng Nghiêm... đều không thể giải thích, nếu có giải thích không gọi là mật, mật đây như người uống nước, nóng lạnh tự biết, không giảng ra được, giải chẳng đến, chỉ có tự mình hiểu, nay chẳng qua tôi vì trời người sẽ lược nói chú này có ý nghĩa ra đây.



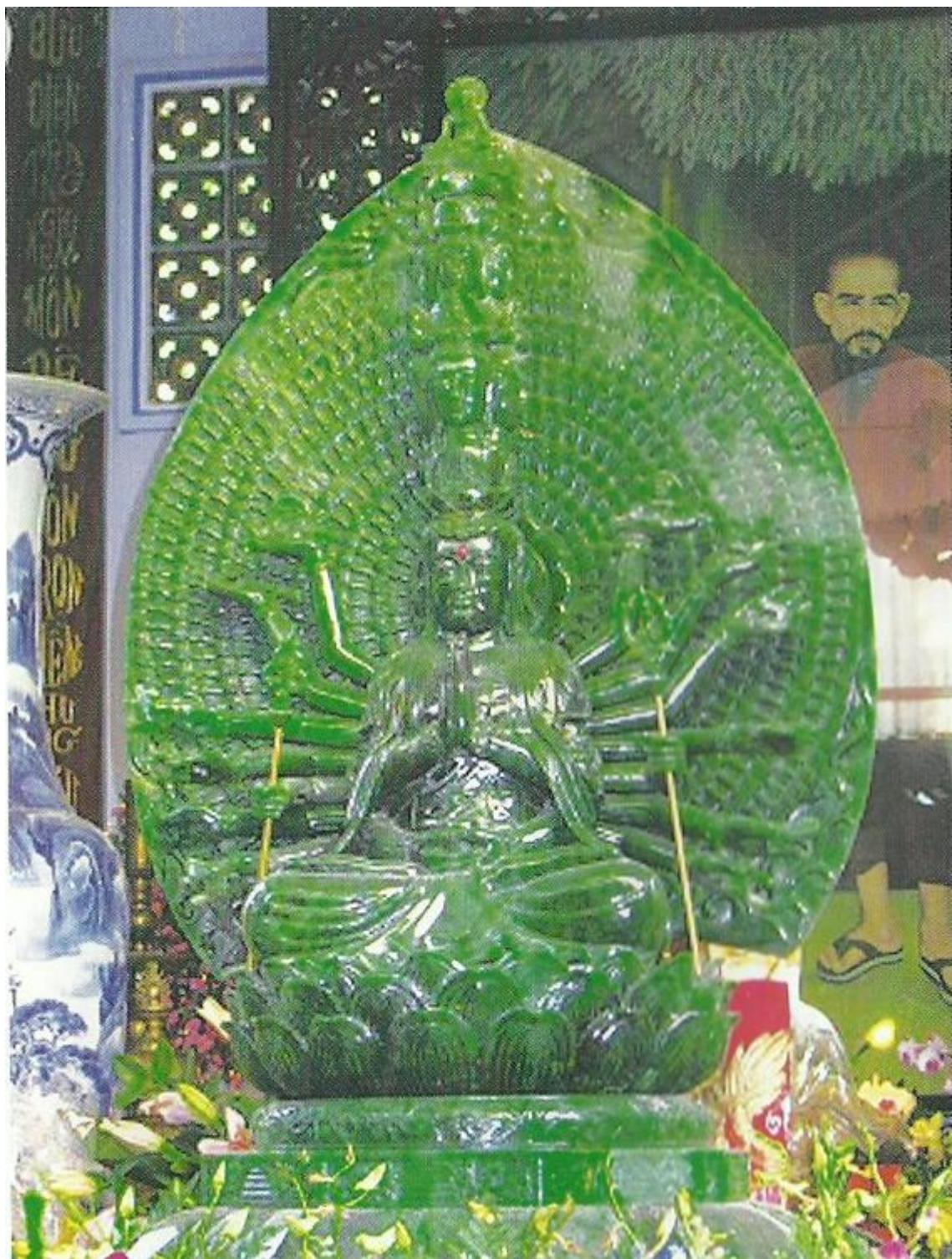
- Yết-đê Yết-đê... khư, khú.
- Ba-la Yết-đê... đến bờ bên kia.
- Ba-la-tăng Yết-đê... đại chúng đến bờ kia.
- B ồ-đ`è Ta-bà-ha... mau chóng thành tựu chứng quả B ồ-đ`è

mục lục

PHẦN 1: NHÂN SINH VẤN ĐÁP	10
❶ Thế Nào Gọi Là Giàu Và Nghèo?	11
❷ Thế Nào Là Cách Xử Lý Được Và Mất?.....	17
❸ Làm Sao Sám Hối Để Tiêu Trừ Tội Nghiệp?.....	23
❹ Làm Sao Trừ Sạch Phiền Não?.....	30
❺ Làm Sao An Bài Cuộc Sống?.....	35
❻ Làm Sao Sống Yên Ổn?.....	39
❼ Làm Sao Dứt Bỏ Sự Luyến Ái VỚI Người Thân?	45
❽ Làm Sao Thực Hành Bổ Thí Tài Sản?	49
❾ Làm Sao Đối Mặt VỚI Già Bệnh ?	54
PHẦN 2: KHAI THỊ LỤC	58
❶ Pháp Môn Tâm Địa	59
❷ Thấu Suyết Pháp Môn Tâm Địa	67
❸ Pháp Môn Tâm Địa VÀ Phật Ma, Một Tâm	70
❹ Luận Chánh Đạo	73
❺ Luận Học Giáo	75

•	Ung Vô Sở Trụ Nhi Sinh Kỳ Tâm.....	82
•	Xuất Thế Và Nhập Thế.....	89
•	Hữu Vi Vô Vi Không Hai.....	97
•	Đự Và Lý	105
•	Khai Thị Bát Quan Trai Giới.....	115
	PHẦN 3: TÂM KINH GIẢNG GIẢI.....	126
•	Tâm Kinh Giảng Giải Bát Nhã Ba La Mật Da Tâm Kinh.....	127

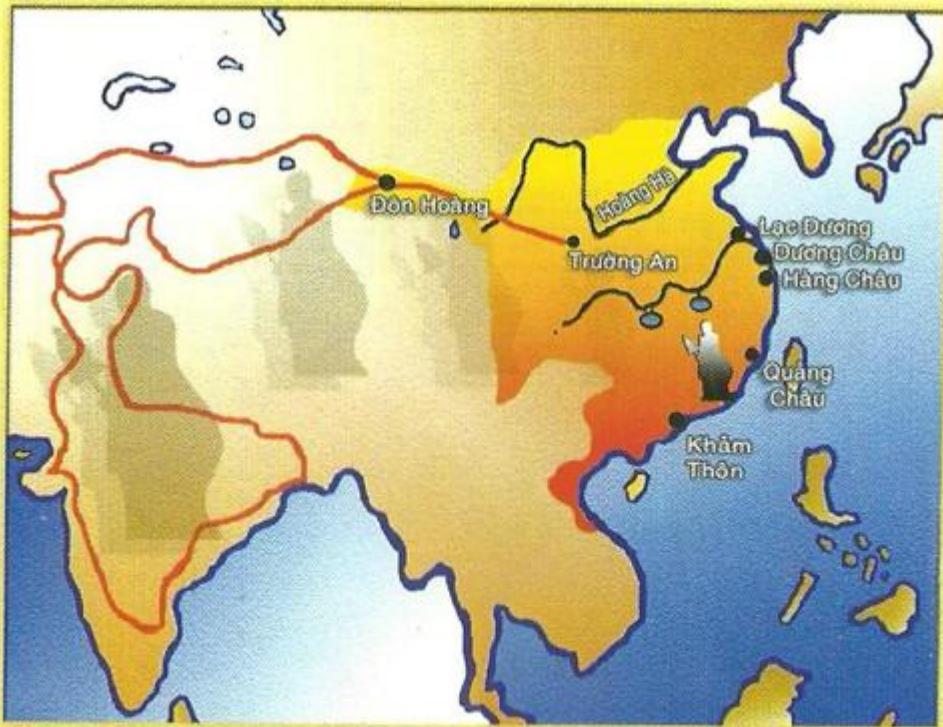




THÔNG THIỀN & THUẬN HÙNG
biên dịch

Huyền Trang hành trình sang Thiên Trúc

Tác giả: NGÔ TRỌNG ĐỨC



VHSG NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

Dịch giả : THÔNG THIỀN - THUẬN HƯNG - PHỐ HUẾ

Hương Thiền

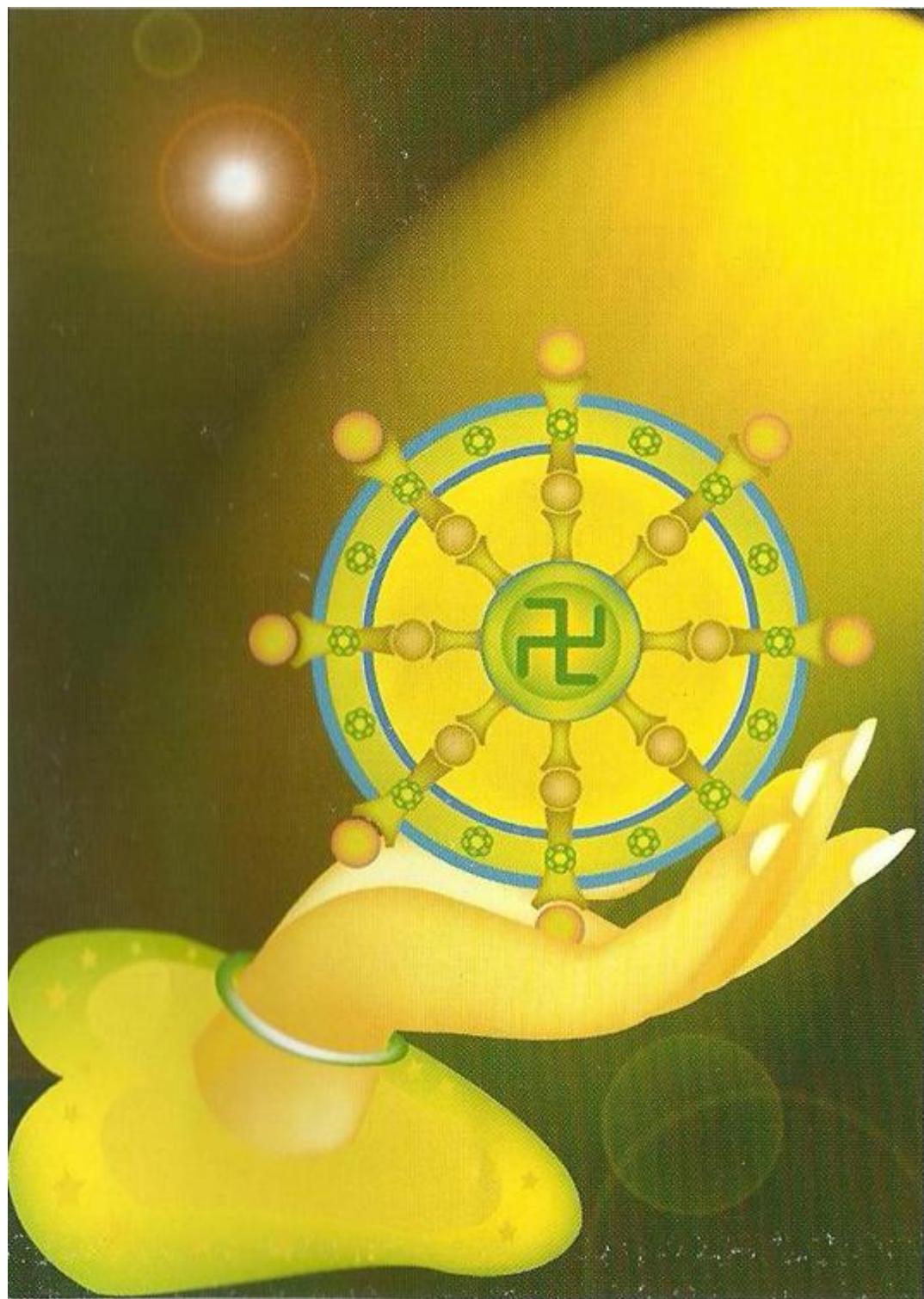
Còn Đượm

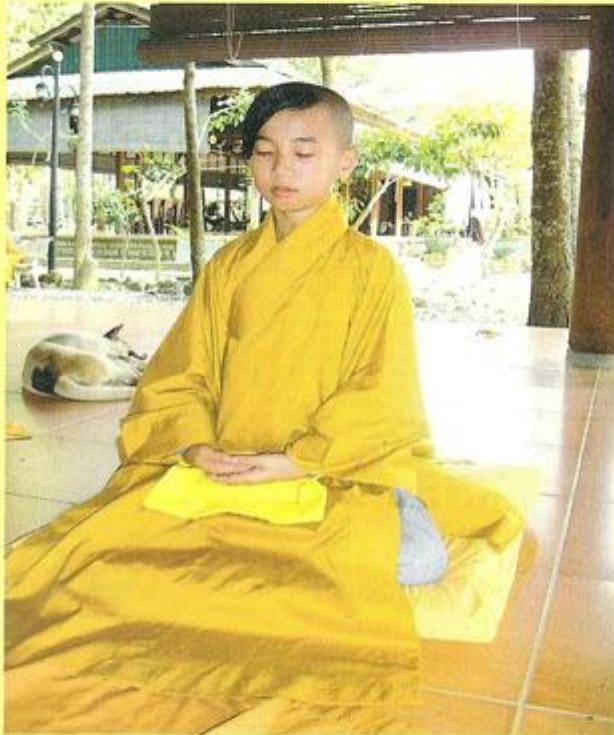
THE FRAGRANCE OF MEDITATION REMAINS IMBRIED

Tác giả : GUNAPAYUTA



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO





Thiền đem lại cho cuộc sống chúng ta an lành và hạnh phúc,
cho nên trong mọi hoàn cảnh dù có bão rộn như thế nào,
chúng ta phải cố gắng sống đời tinh giác

“Trong quá trình biên chép lại không tránh khỏi những điều sơ sót, kính mong các vị độc giả hoan hỉ chỉ điểm và bổ sung để tác phẩm biên chép lại được hoàn chỉnh hơn. Nguyện đêm công đức này hướng cho tất cả

chúng sanh thân tâm an lạc, hành thiện an vui, lâm chung tùy ý sanh về
quốc độ hữu duyên giáo hóa hữu tình đặng thành Phật đạo”.

Biên chép: Chánh Trí Minh

<http://www.facebook.com/kinhsachphatgiao>